



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2023





**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2023**

MỤC LỤC

ẤN TƯỢNG VIETTEL GLOBAL

06

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	07
Con số ấn tượng 2023	09
Những sự kiện nổi bật năm 2023	10
Các danh hiệu, giải thưởng trong năm 2023	15

TỔNG QUAN VỀ VIETTEL GLOBAL

18

Thông tin cơ bản	19
Thông tin cổ phiếu	20
Thông tin cổ đông	20
Lịch sử hình thành	21
Các mốc phát triển	22
Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý	25
Hội đồng Quản trị	26
Ban Kiểm soát	27
Ban Tổng Giám đốc Viettel Global	27

VIETTEL TOÀN CẦU

30

Metfone (Cambodia)	31
Unitel (Laos)	31
Natcom (Haiti)	31
Movitel (Mozambique)	31
Telemor (Timor Leste)	32
Nexttel (Cameroon)	32
Lumitel (Burundi)	32
Halotel (Tanzania)	32
Mytel (Myanmar)	32

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2023

33

Đặc điểm, tình hình chung	34
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	36

QUẢN TRỊ CÔNG TY

40

Hoạt động của HĐQT	41
Hoạt động của Ban Kiểm soát	44
Quản trị rủi ro	49

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2024

53

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

59

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

79

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

135

NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	Tổng Công ty; Viettel Global; VTG
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Tập đoàn; Viettel
Tổng Công ty	TCT
Thị trường nước ngoài của Viettel Global	Thị trường
Hội đồng Quản trị	HĐQT
Ban Tổng Giám đốc	BTGD
Ban Điều hành	BĐH
Ban Kiểm soát	BKS
Đại hội đồng Cổ đông	ĐHĐCĐ
Cán bộ công nhân viên	CBCNV
Sản xuất kinh doanh	SXKD
Vận hành khai thác	VHKT
Công nghệ thông tin	CNTT
Lợi nhuận trước thuế	LNTT
Doanh thu dịch vụ	DTDV
Thuê bao	TB
Quản trị rủi ro	QTRR



ẤN TƯỢNG
VIETTEL GLOBAL



Chủ tịch Hội đồng Quản trị
ÔNG ĐÀO XUÂN VŨ

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông, Nhà đầu tư và Quý đối tác!

2023 là một năm vượt qua thách thức

Bất chấp tình hình an ninh bất ổn leo thang, suy thoái kinh tế, 2023 được coi là năm thắng lợi của Viettel Global và các công ty thị trường khi toàn khối Viễn thông nước ngoài hoàn thành xuất sắc tất cả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Đây là năm thứ 2 liên tiếp, dòng tiền về của các thị trường Viettel Global đạt xấp xỉ 400 triệu USD, tương đương 10.000 tỷ đồng, đưa Viettel Global vào danh sách top đầu các doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra nước ngoài mang nhiều tiền về Việt Nam.

Tổng doanh thu hợp nhất đạt 32.165 tỷ đồng, tăng trưởng 17,7% so với năm 2022, hoàn thành 114,6% kế hoạch đã đề ra. Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 28,7%, đạt 3.879 tỷ đồng, duy trì mục tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất dương 04 năm liên tiếp.

Năm 2023, thêm một thị trường vươn lên vị trí số 1 về thị phần và hoàn vốn dự án, đánh dấu 6 thị trường của Viettel Global đứng vị trí số 1 về thị phần, 5 thị trường hoàn 100% vốn dự án, khẳng định vị thế to lớn của một doanh nghiệp Việt trên đất nước bạn.

Kết quả này có được là nhờ hội tụ nhiều yếu tố trong đó có việc chúng tôi chuẩn bị đầy đủ các kịch bản kinh doanh trong cả hoàn cảnh thuận lợi và bất lợi, để vừa tận dụng cơ hội kinh doanh vừa kiểm soát chặt chẽ mọi nguy cơ có thể xảy ra. Đội ngũ nhân sự của chúng tôi ở nước ngoài được dẫn dắt bởi các giám đốc có năng lực, có kinh nghiệm, có bản lĩnh vững vàng, luôn làm gương và là hạt nhân gắn kết tinh thần “chiến binh” của các cán bộ nhân viên tại 9 thị trường của Viettel Global.

Tiếp tục mở rộng không gian tăng trưởng trong năm 2024

Trong thời gian qua, từ vị thế một doanh nghiệp phải chủ động tìm kiếm cơ hội đầu tư, đến nay nhiều quốc gia trong khu vực châu Mỹ Latinh, Châu Phi đã bày tỏ mong muốn mời Viettel Global khảo sát đầu tư. Ở Việt Nam, Viettel tiên phong, chủ lực trong kiến tạo xã hội số, là một doanh nghiệp luôn đặt lợi ích của quốc gia lên trước, phụng sự đất nước và người dân. Triết lý kinh doanh này cũng được “nhân bản” tại các thị trường, để ở đâu có Viettel, ở đó có cuộc sống tốt đẹp hơn.

Khi thị trường viễn thông truyền thống đang tiến đến ngưỡng bão hòa, Viettel đứng trước những thách thức phải đưa các thị trường nước ngoài cùng tiến vào kỷ nguyên số. Khát vọng chinh phục những thử thách mới vẫn như ngọn lửa rực cháy trong trái tim, huyết mạch và nguồn sống của những người Viettel Global.

Viettel Global đã, đang và sẽ tiếp tục linh hoạt tìm kiếm các cơ hội, không gian phát triển kinh doanh mới, ưu tiên đầu tư phát triển theo chiều sâu công nghệ số và chuyển đổi số. Tại các thị trường, Viettel Global tiên phong cung cấp các dịch vụ số cho các bộ ban ngành, doanh nghiệp, hỗ trợ họ ứng dụng nhuần nhuyễn trong công việc. Chúng tôi tin rằng, tới năm 2025, các hoạt động chuyển đổi số, mức độ trưởng thành số của các quốc gia mà Viettel đầu tư sẽ tăng nhanh đúng như kỳ vọng. Tới khi đó, Viettel Global tại các thị trường đã trở thành doanh nghiệp chủ lực kiến tạo xã hội số.

Cuối cùng, với ý thức xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp Việt vươn ra thế giới, đi ra nước ngoài để đóng góp cho quê hương, chúng tôi chưa bao giờ bằng lòng với những thành công của ngày hôm qua. Mỗi người Viettel Global đều luôn cháy bỏng khát vọng vươn lên để chinh phục những đỉnh cao mới. Với tâm huyết của mình, chúng tôi sẽ tiếp tục trở thành một nhà đầu tư hiệu quả, bền vững, một doanh nghiệp viễn thông – công nghệ số hàng đầu tại các quốc gia đang đầu tư, tiếp tục thực hiện sứ mệnh đồng hành cùng sự phát triển của các quốc gia đang đầu tư, làm tốt vai trò phụng sự cả Tổ quốc Việt Nam và đất nước bạn.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn vì sự tin tưởng, ủng hộ, đồng hành của Quý cổ đông, đối tác. Kính chúc các quý vị mạnh khỏe, thành công và hạnh phúc.

Trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



ĐÀO XUÂN VŨ

Con số ẤN TƯỢNG 2023



Tổng số khách hàng hơn
hơn 65 triệu



6 thị trường
đứng **SỐ 1** về thị phần
(Myanmar, Campuchia, Lào,
Đông Timor, Burundi, Haiti)



32.165 tỷ đồng

tổng doanh thu hợp nhất,
tăng trưởng 17,7% so với
năm 2022



3.879 tỷ đồng

lợi nhuận trước thuế hợp nhất,
tăng trưởng 28,7% so với năm
2022, duy trì mục tiêu LNTT hợp
nhất dương 04 năm liên tiếp



5 thị trường
hoàn **100% vốn dự án**

(Campuchia, Lào, Đông Timor,
Burundi, Haiti).

Dấu ấn CHUYỂN ĐỔI SỐ



Cung cấp dịch vụ ví điện tử
và siêu ứng dụng tại

08 quốc gia



Thuê bao số tăng trưởng
vượt bậc: **tăng**

11 triệu thuê bao

(xấp xỉ **200%KH**).



Khách hàng sử dụng data:

72%

tổng số khách hàng,
tăng **11,2%**.



Doanh thu data

1,871 tỷ USD

tăng trưởng **23%**.



DTDV ví điện tử:

tăng trưởng 121%

cao gấp 9 lần mức tăng trưởng
bình quân của thế giới **13%**.



Mức độ trưởng thành số
(theo T.M Forum)

2,9 điểm

tăng **0,6 điểm**.

NHỮNG
SỰ KIỆN NỔI BẬT
NĂM 2023

• VIETTEL GLOBAL CÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ MỚI

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội Viettel (“Tập đoàn”), ông Đào Xuân Vũ trở thành Chủ tịch HĐQT mới của Viettel Global trong nhiệm kỳ 2023-2028. Người tiền nhiệm của ông Đào Xuân Vũ là bà Nguyễn Thị Hải Lý giữ vị trí Phó chủ tịch HĐQT của Viettel Global và Trưởng ban Đầu tư Tài chính Tập đoàn.

Gia nhập Viettel trong giai đoạn bắt đầu bước vào thị trường viễn thông, ông Đào Xuân Vũ đã trải qua nhiều vị trí tại Viettel, từ nhân sự trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật đến cán bộ quản lý, phụ trách đơn vị; từ cấp cơ sở, chi nhánh tỉnh đến các Công ty, Tổng Công ty; từ trong nước đến các thị trường nước ngoài. Sau hơn 20 năm làm việc tại

Viettel, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Đào Xuân Vũ đã từng giữ các chức vụ như Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel (2013), Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (2014), Tổng Giám đốc Tổng công ty Mạng lưới Viettel (2018).



• VIETTEL GLOBAL MANG VỀ 400 TRIỆU USD

Năm 2023 là năm thứ hai liên tiếp dòng tiền về của các thị trường đạt xấp xỉ 400 triệu USD tương đương 10.000 tỷ đồng, đưa Viettel vào danh sách top đầu các doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra nước ngoài mang nhiều tiền về Việt Nam.

Kết quả này đến từ những định hướng quyết đoán và điều hành sát sao, kiên định của

Viettel Global cũng như nỗ lực tuyệt vời của Mytel (Viettel tại Myanmar), Movitel (Viettel tại Mozambique), hai thị trường đóng góp công lớn trong việc đảm bảo dòng tiền về Việt Nam năm 2023.

• NHỮNG KỶ LỤC CỦA VIETTEL GLOBAL

Năm 2023 cũng ghi dấu nhiều thành công vượt trội của các công ty thị trường, góp phần giúp Viettel Global hoàn thành tất cả các chỉ tiêu và nhiệm vụ. Viettel Global có mức tăng trưởng doanh thu dịch vụ 615 triệu USD - cao nhất trong 4 năm trở lại đây, tương đương với 22,1%, gấp 6 lần mức tăng trưởng bình quân của viễn thông thế giới. Đây là năm thứ 7 liên tiếp Viettel Global duy trì mức tăng trưởng doanh thu dịch vụ ở mức 2 con số. Các chỉ tiêu

nổi bật khác phải kể đến dòng tiền về của Mytel cao nhất từ trước đến nay; Lợi nhuận của Metfone cao nhất trong 10 năm trở lại đây; Movitel tăng trưởng 450% doanh thu ví điện tử - cao nhất từ trước tới nay; Lumitel tăng trưởng 37,5% - cao nhất trong 5 năm trở lại đây; Natcom tăng trưởng 29% - cao nhất trong 10 năm trở lại đây; Telemor tăng trưởng 20,6% - cao nhất trong 6 năm trở lại đây; Unitel tăng trưởng 17,5% - cao nhất trong 8 năm trở lại đây.

Thành công của hoạt động đầu tư nước ngoài đã góp phần đưa Viettel trở thành thương hiệu có giá trị đạt xấp xỉ 9 tỷ USD, là thương hiệu viễn thông duy nhất của Đông Nam Á có mặt trên bảng xếp hạng Global 500 của Brand Finance. Viettel hiện cũng là nhà mạng số 1 tại Đông Nam Á, vị trí thứ 9 tại châu Á và thứ 17 trên thế giới.



• GÓP PHẦN TRỞ THÀNH CẦU NỐI HỮU NGHỊ GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Năm 2023 đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động đối ngoại cấp cao của Viettel Global với nhiều sự kiện trọng đại. Nhiều cuộc gặp cấp cao giữa chính phủ Việt Nam và chính phủ các nước có sự thắp bùng, tham dự của đại diện Viettel Global.

Đặc biệt, lần đầu tiên, Halotel (Viettel tại Tanzania) thắp bùng đoàn công tác của lãnh đạo cấp cao nhà nước Tanzania do ngài Phó Chủ tịch Đảng cầm quyền dẫn đầu sang thăm và làm việc với Việt Nam và Viettel.

Bên cạnh đó, Viettel Global cũng tích cực tham gia cùng các đoàn lãnh đạo của Đảng, Chính phủ Việt Nam sang các nước Mozambique, Tanzania, Lào, Đông Timor, Campuchia... ; Vinh dự đón tiếp lãnh đạo của Đảng, Chính phủ Việt Nam thăm và làm việc với các Công ty thị trường của Viettel Global đóng quân trên đất nước bạn.

Ngoài ra còn có các đoàn lãnh đạo cấp cao của Quân đội Campuchia, Tanzania, Cuba, Nigeria đến thăm và làm việc với Tập đoàn, tiếp kiến Thủ tướng Campuchia Hun Manet tại Hà Nội. Trong năm 2023, Tổng Công ty cũng đã triển khai tiếp xúc, tìm kiếm cơ hội đầu tư tại một số nước châu Mỹ La-tinh và châu Phi.

Việc hiện diện tại các cuộc gặp đối ngoại cấp cao đã thể hiện vị thế của Viettel tại các thị trường đang đầu tư, góp phần tăng cường và thắt chặt quan hệ hợp tác hữu nghị giữa Việt Nam với các Quốc gia trên thế giới.



• **NATCOM XUẤT SẮC VƯƠN LÊN SỐ 1 TẠI HAITI VÀ CHÍNH THỨC HOÀN VỐN DỰ ÁN**

Năm 2023 là năm ghi nhận nỗ lực hết mình của Natcom, trong bối cảnh đỉnh điểm của bất ổn chính trị và bạo loạn tại Haiti. Với tinh thần, truyền thống và cách làm người lính, biến khó khăn thành cơ hội, Natcom xuất sắc vươn lên số 1 về di động với 52% thị phần. Đó là nhờ Natcom đã mạnh dạn đầu tư cho 4G, chớp thời điểm vàng, triển khai các gói mobile

độc quyền trên Natcash, đa dạng khuyến mại ngách, thúc đẩy bán hàng tại trạm,... khẳng định tinh thần bất khuất và thích ứng nhanh của người Viettel.

Đặc biệt, sau 12 năm kinh doanh, Natcom đã hoàn 100% vốn dự án, trở thành thị trường thứ 5 của Viettel Global hoàn vốn dự án.



• **KỶ NIỆM 5 NĂM THÀNH LẬP MYTEL VÀ 10 NĂM THÀNH LẬP LUMITEL**

Năm 2023 đánh dấu sự kiện 5 năm kinh doanh của Mytel (Viettel tại Myanmar) và 10 năm kinh doanh của Lumitel (Viettel tại Burundi). Trong suốt chặng đường đó, cả Mytel và Lumitel đều đã thể hiện sứ mệnh là một doanh nghiệp tử tế, đồng hành cùng sự phát triển của sở tại, làm tốt vai trò phụng sự cả Tổ quốc Việt Nam và đất nước bạn.

Hiện nay, Mytel đứng số 1 về thị phần dịch vụ di động với 37%, thị phần cố định băng rộng với 54% và thị phần super app với 55%. Mytel cũng là nhà mạng có vùng phủ 4G lớn nhất và tốt nhất tại Myanmar, giúp nâng tỷ trọng người dùng di động tốc độ cao ở Myanmar từ 16% lên 88%; với chi phí thấp hơn 40% so với trước đây. Năm 2023, Mytel khai trương data center hiện đại bậc nhất Myanmar.

Trong khi đó, Lumitel giữ vững và củng cố vị thế số 1 trên tất cả các dịch vụ: Di động chiếm 63,4% thị phần thuê bao; Thuê bao ví điện tử chiếm 81%, cố định băng rộng chiếm 43%.

Trong cuộc cách mạng 4.0, Lumitel cũng có đóng góp lớn vào việc cung cấp dịch vụ số đến người dân bằng các dịch vụ gia tăng như ví điện tử, sàn thương mại điện tử, văn phòng điện tử, giải pháp an ninh thông minh...





CÁC DANH HIỆU GIẢI THƯỞNG TRONG NĂM 2023



GIẢI THƯỞNG KINH DOANH QUỐC TẾ

International Business Awards – Stevie Awards

Giải thưởng tôn vinh thành tựu và đóng góp tích cực của các doanh nghiệp, cá nhân trên toàn cầu, trong đó có lĩnh vực CNTT và viễn thông, đối với lợi ích của cộng đồng.

- Giải Vàng hạng mục **"Giải pháp tài chính của năm"** – Telemor tại Đông Timor.
- Giải Vàng hạng mục **"Ứng dụng dịch vụ tài chính ngân hàng của năm"** – Telemor tại Đông Timor.
- Giải Bạc hạng mục **"Ứng dụng Marketing của năm"** – Mytel tại Myanmar.
- Giải Đồng hạng mục **"Công ty của năm - Lĩnh vực viễn thông - Quy mô nhỏ"** – Telemor tại Đông Timor.
- Giải Đồng hạng mục **"Chiến dịch marketing của năm - Lĩnh vực Internet/ Viễn thông"** – Metfone tại Campuchia.



TẠP CHÍ INGOMAG

- **Mạng viễn thông được yêu thích nhất năm 2023** – Lumitel tại Burundi.



GIẢI THƯỞNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THẾ GIỚI

IT World Awards

Giải thưởng thường niên tôn vinh những thành tựu tiêu biểu của ngành Công nghệ thông tin (CNTT) trên toàn thế giới.

- Giải Vàng hạng mục **"Thành tựu trong sự phát triển của Công ty"** – Mytel tại Myanmar.
- Giải Vàng hạng mục **"Giải pháp CNTT tốt nhất dành cho người tiêu dùng"** – Unitel tại Lào.
- Giải Vàng hạng mục **"Công ty của năm - Lĩnh vực Viễn thông"** – Telemor tại Đông Timor.
- Giải Vàng hạng mục **"Sản phẩm và dịch vụ mạng tốt nhất"** – Telemor tại Đông Timor.
- Giải Vàng hạng mục **"Đơn vị Quảng cáo & Tiếp thị của năm"** – Telemor tại Đông Timor.
- Giải Đồng hạng mục **"Giải pháp CNTT tốt nhất cho giáo dục"** – Unitel tại Lào.



GIẢI THƯỞNG KINH DOANH

Business Awards

Giải thưởng Kinh doanh nhằm mục đích công nhận và khen thưởng sự xuất sắc trong kinh doanh cho các công ty trên toàn cầu, cả trong khu vực công và tư nhân.

- **"Thành tựu về sự hài lòng của khách hàng"** – Metfone tại Campuchia.
- **"Thành tựu trong kinh doanh"** – Metfone tại Campuchia.

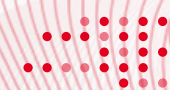


GIẢI THƯỞNG DO NGƯỜI TIÊU DÙNG TẠI CHÂU PHI BÌNH CHỌN

Consumer Choice Awards Africa

Giải thưởng là một sự kiện thường niên nhằm ghi nhận và trao giải cho các nhà cung cấp dịch vụ tốt nhất trong nước thông qua cuộc bình chọn của Người tiêu dùng.

- **"Dịch vụ viễn thông thân thiện với người tiêu dùng và giá cả phải chăng"** – Halotel tại Tanzania.



**TỔNG QUAN VỀ
VIETTEL GLOBAL**



GIẢI THƯỞNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THẾ GIỚI

IT World Awards

Giải thưởng thường niên tôn vinh những thành tựu tiêu biểu của ngành Công nghệ thông tin (CNTT) trên toàn thế giới.

- Giải Vàng hạng mục **"Thành tựu trong sự phát triển của Công ty"** – Mytel tại Myanmar.
- Giải Vàng hạng mục **"Giải pháp CNTT tốt nhất dành cho người tiêu dùng"** – Unitel tại Lào.
- Giải Vàng hạng mục **"Công ty của năm - Lĩnh vực Viễn thông"** – Telemor tại Đông Timor.
- Giải Vàng hạng mục **"Sản phẩm và dịch vụ mạng tốt nhất"** – Telemor tại Đông Timor.
- Giải Vàng hạng mục **"Đơn vị Quảng cáo & Tiếp thị của năm"** – Telemor tại Đông Timor.
- Giải Đồng hạng mục **"Giải pháp CNTT tốt nhất cho giáo dục"** – Unitel tại Lào.



GIẢI THƯỞNG KINH DOANH

Business Awards

Giải thưởng Kinh doanh nhằm mục đích công nhận và khen thưởng sự xuất sắc trong kinh doanh cho các công ty trên toàn cầu, cả trong khu vực công và tư nhân.

- **"Thành tựu về sự hài lòng của khách hàng"** – Metfone tại Campuchia.
- **"Thành tựu trong kinh doanh"** – Metfone tại Campuchia.



GIẢI THƯỞNG DO NGƯỜI TIÊU DÙNG TẠI CHÂU PHI BÌNH CHỌN

Consumer Choice Awards Africa


Giải thưởng là một sự kiện thường niên nhằm ghi nhận và trao giải cho các nhà cung cấp dịch vụ tốt nhất trong nước thông qua cuộc bình chọn của Người tiêu dùng.

- **"Dịch vụ viễn thông thân thiện với người tiêu dùng và giá cả phải chăng"** – Halotel tại Tanzania.



TỔNG QUAN VỀ
VIETTEL GLOBAL

1. THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên Công ty	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL
Tên giao dịch quốc tế	VIETTEL GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	VIETTEL GLOBAL., JSC
Trụ sở chính	Tầng 39 - 40, Tòa nhà Keangnam Landmark, Lô E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Điện thoại	84-24-62626868
Fax	84-24-62568686
Website	www.viettelglobal.vn
Logo	
Giấy chứng nhận ĐKDN số	0102409426 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/10/2007 và cấp thay đổi lần thứ 25 ngày 20/09/2022
Người đại diện theo pháp luật	Phùng Văn Cường - Chức vụ: Tổng Giám đốc
Vốn điều lệ đăng ký	30.438.112.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	30.438.112.000.000 đồng
Năm trở thành công ty đại chúng	16/10/2009

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH:

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Sản xuất sản phẩm từ gốc; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, truyền tải điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bưu chính;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Giáo dục nghề nghiệp;

- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là đầu tư và vận hành các mạng viễn thông ở nước ngoài và cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin có liên quan.

2. THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã chứng khoán:	VGI
Sàn niêm yết:	UPCOM
Ngày bắt đầu niêm yết:	25/9/2018
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	3.043.811.200 (Ba tỷ không trăm bốn mươi ba triệu tám trăm mười một nghìn hai trăm) cổ phiếu

3. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

CỔ ĐÔNG LỚN TÍNH TỚI 31/12/2023

Tên:	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
Số lượng:	3.014.205.300 cổ phần
Tỉ lệ:	99,027 %
Ngoài ra có:	9.648 Cổ đông (theo Danh sách chốt cổ đông ngày 27/03/2023)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI THỜI ĐIỂM CHỐT DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NGÀY 27/03/2023

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	9.449	3.041.714.032	99.93%
1	Tổ chức	12	3.014.527.889	99.04%
2	Cá nhân	9.437	27.186.143	0.89%
II	Cổ đông nước ngoài	199	2.097.168	0.07%
1	Tổ chức	2	24.100	0.001%
2	Cá nhân	197	2.073.068	0.069%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	9.648	3.043.811.200	100%

4. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

viettel
global

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL (VIETTEL GLOBAL)

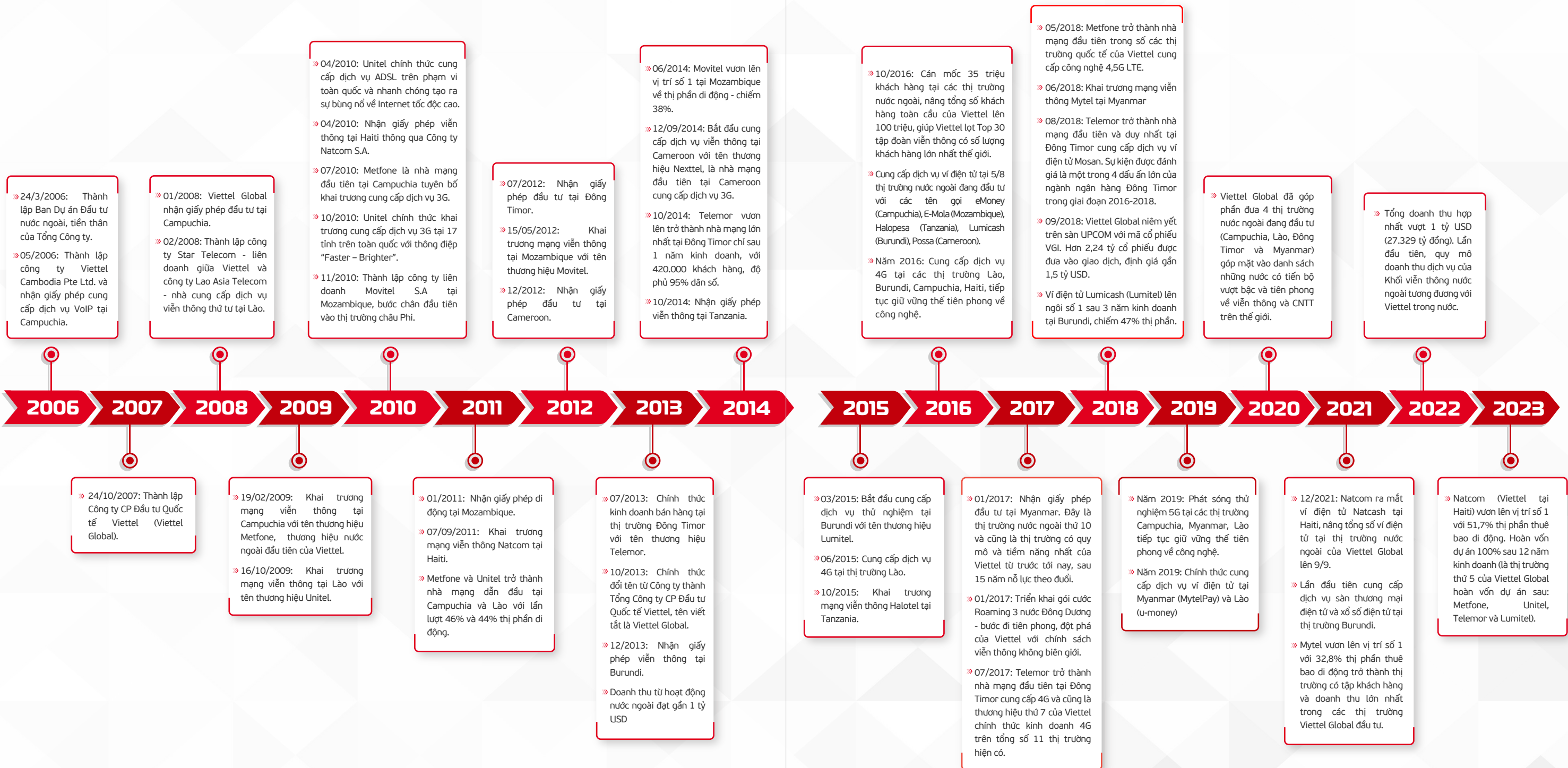
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (Viettel Global) được thành lập vào ngày 24 tháng 10 năm 2007 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102409426 cấp bởi Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội. Mục tiêu kinh doanh chính của Viettel Global là đầu tư vào các dự án viễn thông tại thị trường nước ngoài, mở rộng phạm vi hoạt động; nâng cao năng lực cạnh tranh; mở rộng quy mô thị trường chuẩn bị cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất.

Sau hơn 15 năm hoạt động, vốn điều lệ của Viettel Global tăng từ 960 tỷ lên 30,43 nghìn tỷ đồng, là nhà đầu tư viễn thông quốc tế lớn nhất Việt Nam, nằm trong top 30 công ty viễn thông có số lượng khách hàng lớn nhất thế giới.

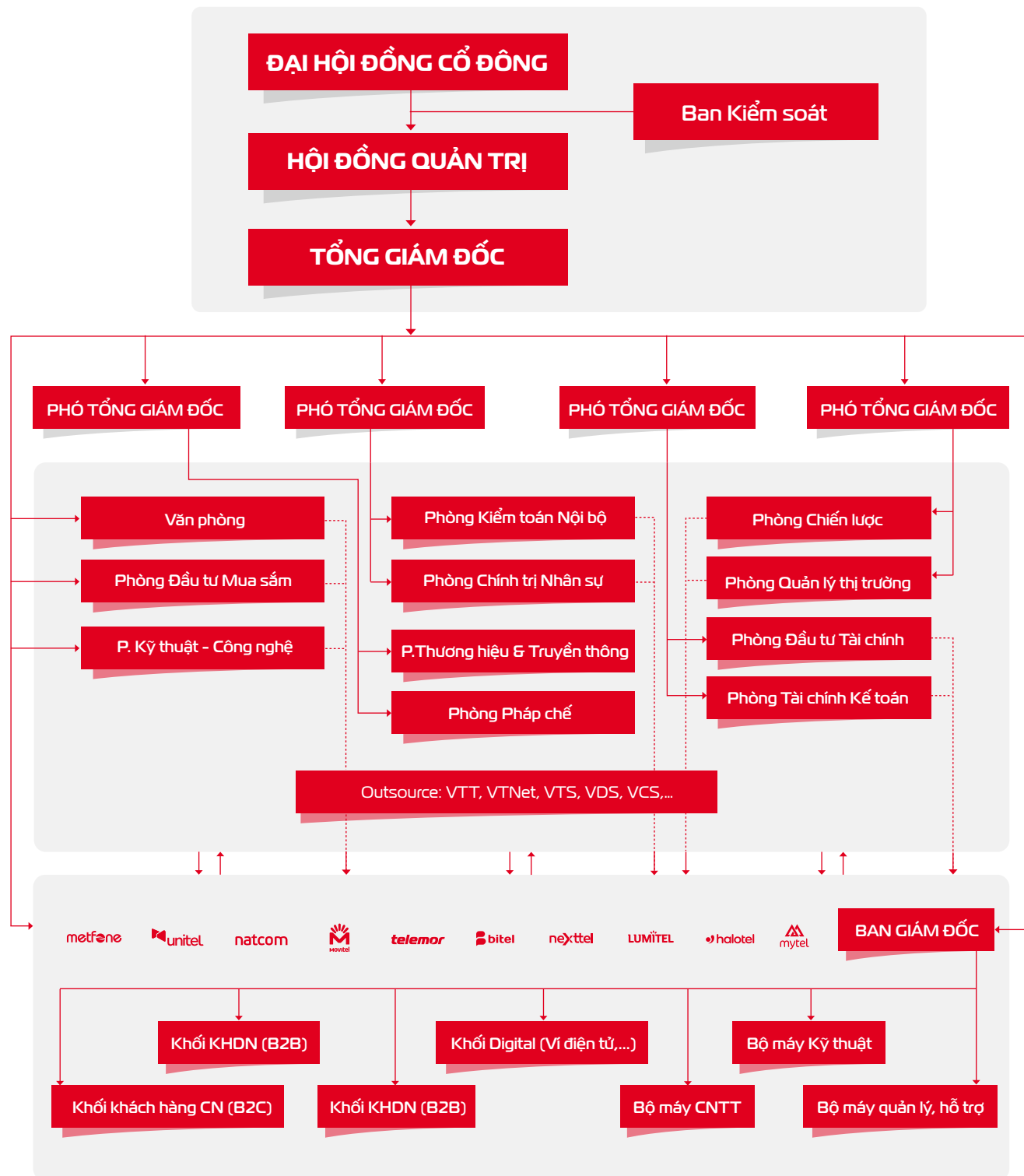


**CÁC MỐC
PHÁT TRIỂN
VIETTEL GLOBAL**

5. CÁC MỐC PHÁT TRIỂN



6. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ



7. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị (HĐQT) được bầu bởi Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) của Tổng Công ty, là cơ quan quản lý có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT của Tổng Công ty Viettel Global gồm 7 thành viên và có các quyền hạn, trách nhiệm cơ bản sau:

- » Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của TCT.
- » Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- » Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty.
- » Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty bao gồm Quy chế Quản lý tài chính, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản lý Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quy chế Lương, Quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
- » Trình Báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ.
- » Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định bởi Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT



ÔNG ĐÀO XUÂN VŨ
Chủ tịch Hội đồng quản trị



BÀ NGUYỄN THỊ HẢI LÝ
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



ÔNG NGUYỄN ĐỨC QUANG
Thành viên Hội đồng quản trị



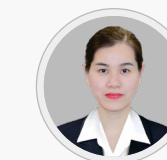
ÔNG PHÙNG VĂN CƯỜNG
Thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG LÊ XUÂN HÙNG
Thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG NGUYỄN CAO LỢI
Thành viên Hội đồng quản trị



BÀ NGUYỄN THỊ HOA
Thành viên Hội đồng quản trị

BAN ĐIỀU HÀNH VIETTEL GLOBAL



ÔNG
PHÙNG VĂN CƯỜNG
Tổng Giám đốc



ÔNG
NGUYỄN ĐỨC QUANG
Phó Tổng Giám đốc



ÔNG
NGUYỄN CAO LỢI
Phó Tổng Giám đốc



ÔNG
HÀ THẾ DƯƠNG
Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) được bầu bởi ĐHĐCĐ của Tổng Công ty và hiện có 4 thành viên, mỗi thành viên được bầu với nhiệm kỳ 5 năm.

TRÁCH NHIỆM CHÍNH CỦA BKS:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành TCT.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.
- Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội Đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ Tổng Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT



ÔNG
LÊ QUANG TIỆP
Trưởng Ban Kiểm soát



ÔNG
NGUYỄN HOÀI BẮC
Thành viên Ban Kiểm soát



BÀ
QUẢN THỊ THU HÀ
Thành viên Ban Kiểm soát



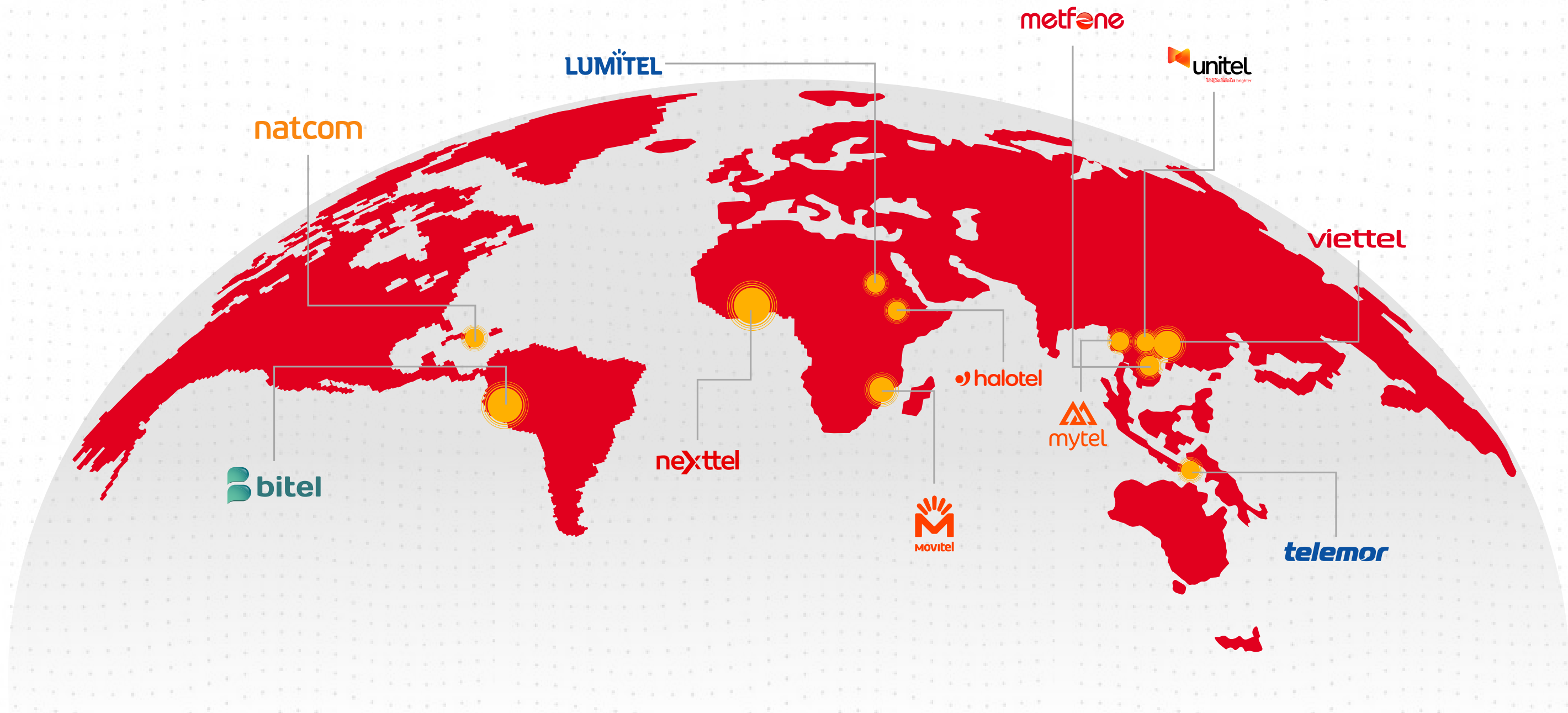
ÔNG
BÙI VĂN THẢO
Thành viên Ban Kiểm soát



viettel
global



**VIETTEL
TOÀN CẦU**





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2023

1 | ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

❖ BỐI CẢNH QUỐC TẾ

Về chính trị - pháp luật: Tình hình chính trị thế giới bất ổn, nhiều xung đột địa chính trị. Năm 2023 là một năm đầy biến động với nhiều sự kiện chính trị quan trọng, từ các xung đột địa phương đến các thay đổi lịch sử ở một số quốc gia. Là năm chứng kiến sự gia tăng của cuộc đua vũ trang và các thay đổi đáng kể trong cấu trúc quốc tế. Cuộc chiến tranh Nga - Ukraine vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt.

Về kinh tế - xã hội: Kinh tế thế giới 2023 có dấu hiệu suy thoái, tăng trưởng thấp, lạm phát cao. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 2,8%, giảm nhẹ so với mức 2,9% của năm 2022 (theo IMF); tăng trưởng thương mại đạt 2,4%, thấp hơn so với mức 4,7% của năm 2022; lạm phát 7,4% cao hơn mức 6,8% của năm 2022 đặc biệt lạm phát lương thực đạt 20%, cao hơn so với mức 10% của năm 2022. Giá năng lượng và lương thực tăng cao, gây áp lực lên lạm phát ảnh hưởng trực tiếp tới các nước kém phát triển nơi tập trung chủ yếu các thị trường Viettel Global đang đầu tư; các thị chứng khoán thế giới giảm điểm đặc biệt chỉ số S&P 500 của Mỹ đã giảm hơn 20% kể từ đầu năm 2023.

Hành vi tiêu dùng thay đổi do lạm phát, giá năng lượng cao, gián đoạn chuỗi cung ứng. Hành vi của người tiêu dùng đang thay đổi do nhiều yếu tố, bao gồm lạm phát, giá năng lượng cao và sự gián đoạn chuỗi cung ứng. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng đến nhu cầu về hàng hóa và dịch vụ, cũng như đến cấu trúc của thị trường.

Các ngân hàng trung ương thắt chặt chính sách tiền tệ, ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng và đầu tư. Chính sách thắt chặt tiền tệ để kiểm chế lạm phát, điều này gián tiếp làm giảm nhu cầu tiêu dùng và đầu tư. Sự phục hồi kinh tế của các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc đang chậm lại, tác động mạnh tới khả năng xuất khẩu của các nước đang phát triển.

Chi phí đầu tư, vận hành tăng cao, rủi ro tài chính gia tăng. Giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công tăng (theo báo cáo của ILO, mức lương bình quân của lao động trên thế giới đã tăng 5% trong năm 2023) dẫn đến chi phí tăng. Rủi ro tài chính tăng cao, do tình hình kinh tế thế giới bất ổn (theo thống kê của S&P Global, tỷ lệ nợ công của các quốc gia trên thế giới đã tăng từ mức 84% GDP vào đầu năm 2023 lên mức 90% GDP vào cuối năm 2023). Theo báo cáo của Moody's, tỷ lệ rủi ro tín dụng của các doanh nghiệp trên thế giới đã tăng từ mức 4,5% trong đầu năm 2023 lên mức 5,5% vào cuối năm 2023.

Về môi trường: Biến đổi khí hậu gây ra nhiều sự kiện thời tiết cực đoan, ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế và đời sống. Sự kiện thời tiết cực đoan đã gây thiệt hại lớn về người và tài sản, làm gián đoạn hoạt động sản xuất và kinh doanh (Lũ lụt đã xảy ra ở nhiều quốc gia, bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Đức, Bỉ, Hà Lan,... Lũ lụt đã khiến hàng triệu người phải di dời khỏi nhà cửa và gây thiệt hại nghiêm trọng về cơ sở hạ tầng; Hạn hán đã xảy ra ở nhiều khu vực, bao gồm

châu Phi, Australia, Nam Mỹ,... đã gây ra tình trạng thiếu lương thực và thiếu nước cho hàng triệu người, cũng là một trong những tác nhân dẫn đến các vụ cháy rừng lớn gây thiệt hại nghiêm trọng về rừng và nhà cửa ...), dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, các sự kiện thời tiết cực đoan đã khiến kinh tế thế giới thiệt hại khoảng 2.200 tỷ USD trong năm 2023.

Bối cảnh ngành Viễn thông, công nghệ thông tin thế giới (VT-CNTT):

Nhu cầu sử dụng dịch vụ VT-CNTT tăng cao, đặc biệt là dịch vụ số. Hạ tầng viễn thông được đầu tư mạnh mẽ, phát triển nhanh chóng. Các công nghệ mới như 5G, AI, IoT... được triển khai rộng rãi. Ngành VT-CNTT đóng góp ngày càng lớn vào GDP của quốc gia.

❖ TÌNH HÌNH TẠI CÁC NƯỚC VIETTEL GLOBAL ĐẦU TƯ

Tỉ lệ lạm phát tại các nước Viettel Global đầu tư cao so với dự báo đầu năm, tăng trưởng kinh tế không đạt như kỳ vọng. Tỷ giá tại một số thị trường có diễn biến xấu, ảnh hưởng trực tiếp tới chỉ số hiệu quả của thị trường (doanh thu tài chính, lợi nhuận, dòng tiền ròng, dòng tiền về). Lạm phát cao hơn mức dự báo đầu năm, trong đó đặc biệt tăng tại Haiti, Burundi và Lào. Nguồn cung ngoại tệ tại một số thị trường (Lào, Burundi, Tanzania) bị khủng hoảng, chính phủ thắt chặt chính sách thanh toán ngoại hối bằng đồng Đô la Mỹ.

Diễn biến chính trị tại một số thị trường còn tương đối phức tạp (Myanmar chưa cởi bỏ

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2023 chúng kiến nhu cầu đẩy mạnh đầu tư cho CNTT và chuyển đổi số mạnh mẽ

Sự phát triển của kinh tế số:

Kinh tế số và chuyển đổi số được đẩy mạnh, thúc đẩy nhu cầu sử dụng dịch vụ VT-CNTT. Các doanh nghiệp, tổ chức ngày càng chú trọng vào việc ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả hoạt động. Chính phủ các nước ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế số.

Sự phát triển của các công nghệ mới:

5G được triển khai rộng rãi, mở ra nhiều cơ hội mới cho các ngành kinh tế. AI được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như y tế, giáo dục, tài chính...IoT phát triển mạnh mẽ, giúp kết nối mọi thứ trong thế giới thực với nhau.

được các chính sách cấm vận, Haiti chính trị chưa ổn định, còn nhiều bạo động).

Các nước Viettel Global đang thực hiện đầu tư đa phần vẫn ở mức mới kích hoạt cho chuyển đổi số, hạ tầng Viễn thông và nền tảng Công nghệ thông tin thấp. Mặc dù các nhà mạng cũng như Chính phủ đã bắt đầu có sự quan tâm đến đầu tư cho các công nghệ mới 5G, IOT.. tuy nhiên do mức độ áp dụng công nghệ số của người dân thấp, có sự chênh lệch lớn so với doanh nghiệp và Chính phủ vì vậy chưa có đủ những điều kiện để có những đột biến về chuyển đổi số và công nghệ.

trên tất cả lĩnh vực bởi các chính phủ cũng như các tổ chức với mong muốn thông qua

việc đầu tư cho CNTT và chuyển đổi số để phát triển mô hình kinh doanh, sáng tạo ra các sản phẩm dịch vụ mới và giúp nâng cao hiệu quả quản trị, sử dụng tài nguyên và khả năng ra quyết định. Sự tăng trưởng này thể hiện qua sự duy trì tăng trưởng cao đối với các nhóm dịch vụ mới gồm: Dịch vụ số khách hàng doanh nghiệp, dịch vụ số khách hàng cá nhân và tài chính điện tử. Các nhóm dịch vụ này là nguồn tăng trưởng bổ sung đối với dịch vụ Viễn thông truyền thống đang dẫn bão hòa.

Trong bối cảnh ngành Viễn thông thế giới cạnh tranh khốc liệt, Chính phủ nhiều quốc gia Viettel Global đầu tư liên tục thay đổi, có nhiều chính sách nhằm kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh của các công ty viễn thông, vấn đề phát triển thuê bao, giá cước, khuyến mại; đặc biệt với nhóm sản phẩm dịch vụ mới còn nhiều không gian tăng trưởng phát triển với tiềm năng lớn, hứa hẹn là động lực tăng trưởng trong tương lai.

2 | ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2023, Viettel Global tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, tìm kiếm giải pháp kinh doanh, không gian tăng trưởng mới. Bên cạnh đó đã tăng cường hỗ trợ trực tiếp tại các thị trường giải quyết các vấn đề phức tạp, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh ("SXKD") tại các thị trường. Thực hiện nhanh, nghiêm túc chiến lược chuyển dịch kinh doanh từ dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin truyền thống sang các lĩnh vực mới như: data, dịch vụ số, lĩnh vực B2B, ví điện tử... kết hợp với tận dụng, phát huy tối đa lợi thế về quy mô hạ tầng, công nghệ để tập trung phát triển

mạnh dịch vụ cố định băng rộng...

Vượt lên trên những khó khăn, thách thức, Viettel Global vẫn duy trì được tăng trưởng doanh thu cao ở mức 2 con số: Lợi nhuận trước thuế liên tiếp tăng trong 3 năm gần đây. Công ty Natcom vươn lên vị trí số 1 về thị phần tại thị trường Haiti, nâng số công ty dẫn đầu thị phần tại thị trường lên 6 công ty (Metfone-Campuchia, Unitel-Lào, Telemor-Đông Timor, Mytel-Myanmar, Lumitel-Burundi, Natcom-Haiti). Đây là những cột mốc tăng trưởng rất quan trọng, đánh dấu vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

◆ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH



❖ KẾT QUẢ NỔI BẬT THEO CÁC LĨNH VỰC

Năm 2023, tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng doanh thu dịch vụ (sản phẩm viễn thông truyền thống và các dịch vụ số) rất ấn tượng đạt 22,1%. Doanh thu dịch vụ của Viettel Global tăng trưởng ấn tượng, gấp 6 lần mức tăng trưởng bình quân của viễn thông thế giới. Đây là năm thứ 7 liên tiếp Viettel Global duy trì mức tăng trưởng doanh thu dịch vụ ở mức 2 con số.

Động lực tăng trưởng của dịch vụ Viễn thông truyền thống chủ yếu đến từ các thị trường Châu Phi (4G) và Châu Á (cố định băng rộng).

Doanh thu dịch vụ nhóm viễn thông truyền thống chiếm tỷ trọng 88,4% trong Tổng doanh thu dịch vụ, tiếp tục giảm so với năm 2022, cho thấy việc định hướng trong chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang nhóm dịch vụ số ngoài viễn thông (Dịch vụ số khách hàng cá nhân, giải pháp khách hàng doanh nghiệp, tài chính số) đang tiếp tục đạt được những kết quả tích cực và phù hợp với xu thế thế giới, hướng tới đa dạng nguồn doanh thu và duy trì đà tăng trưởng trong tương lai.

❖ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÁC THỊ TRƯỜNG

Các công tại thị trường Campuchia, Lào, Timor-Leste, Myanmar và Burundi đang duy trì vị trí dẫn đầu về thị phần. Trong năm 2023, Công ty Viettel tại Haiti (Natcom) đã vươn lên vị trí số 1 tại thị trường Haiti. Tại các thị trường còn lại cũng đang thu hẹp khoảng cách về thị phần so với các nhà mạng dẫn đầu. Đây là những cột mốc, dấu ấn đáng nhớ, khẳng định vị thế doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài hàng đầu Việt Nam, là động lực quan trọng trong chiến lược phát triển của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.

- Châu Á: Các thị trường đều giữ vững vị trí số 1 về di động. Riêng Metfone và Mytel đứng

Lĩnh vực ngoài viễn thông truyền thống: Đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng của lĩnh vực ngoài viễn thông truyền thống đến từ dịch vụ tài chính điện tử với mức tăng trưởng 121% (cao gấp 9 lần mức tăng trưởng bình quân của thế giới 13%). Các công ty Unitel (Tại Lào), Telemor (tại Đông Timor), Lumitel (tại Tanzania) đang dẫn đầu về thị phần thuê bao tài chính điện tử tại các nước đầu tư. Các công ty Metfone (tại Campuchia), Mytel (tại Myanmar), Movitel (tại Mozambique) đứng top 2 về thị phần thuê bao tài chính điện tử. Ngoài ra, khối khách hàng doanh nghiệp cũng có mức tăng trưởng cao đạt 13% (so với mức tăng trưởng trung bình của thế giới 8%).

Ngoài các kết quả kinh doanh ấn tượng của các thị trường nêu trên, các công ty thị trường đã tham gia và được vinh danh ở các giải thưởng quốc tế uy tín, năm 2023 toàn Viettel Global đạt 13 giải thưởng quốc tế uy tín, trong đó 60% đến từ các giải mới.

đầu thị phần cả về di động và dịch vụ cố định băng rộng. **Metfone** có doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng và đạt mức cao nhất trong 09 năm trở lại đây (doanh thu tăng 13%; lợi nhuận tăng 68% và đạt 69,3tr\$). **Mytel** thuê bao tăng 2,2 triệu khẳng định vững chắc vị trí số 1 với 37% thị phần, sở hữu ứng dụng di động phổ biến nhất Myanmar với 11,4 triệu người dùng. **Telemor** doanh thu tăng 18%, thị phần tăng trở lại và giữ vững vị trí số 1 với 53,5% (tăng 0,6%). **Unitel** tiếp tục dẫn đầu thị phần di động với 57% (tăng 1,5% so với năm 2022).

- Châu Phi: Tiếp tục dẫn đầu nguồn đóng góp tăng trưởng chủ yếu của Viettel Global. **Movitel:** doanh thu duy trì tăng trưởng 5 năm liên tiếp trên 20%; **Lumitel** giữ vững và củng cố vị thế số 1 trên tất cả các dịch vụ: di động chiếm 63,4% thị phần (tăng 5,1%); thuê bao ví chiếm 81% (tăng 3%), dịch vụ cố định băng rộng (CĐBR) 43% (tăng 1%).

❖ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

- Viettel Global đã tập trung mọi nguồn lực, đảm bảo hoàn thành kế hoạch tất cả các mục tiêu, chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, thuê bao, nhiều chỉ tiêu vượt xa số kế hoạch đã được giao.

- Tiếp tục duy trì tốt hoạt động kinh doanh đối với các dịch vụ viễn thông truyền thống (di động, cố định băng rộng); Đồng thời đẩy mạnh phát triển các dịch vụ mới (superapp, Ví điện tử): Tổng Công ty đã chủ động thực hiện các chuyển dịch để phù hợp với xu thế phát triển xây dựng hệ sinh thái toàn diện hỗ trợ cho việc giữ gìn và tăng trưởng thuê bao data: Thuê bao ví tăng thêm 5,6 triệu thuê bao ~118% kế hoạch năm, lũy kế toàn mạng ~16 triệu thuê bao ví phát sinh giao dịch; Thuê bao Super app tăng thêm 6 triệu thuê bao ~100% kế hoạch năm, lũy kế toàn mạng có 17,3 triệu thuê bao active hàng tháng.

- **Hoạt động chuyển đổi số có nhiều chuyển biến tích cực:** Năm 2023, Viettel Global đã hoàn thành đưa mức độ trưởng thành số lên 2.9 (Năm 2022: 2.3 điểm). Tất cả các công ty thị trường đều tăng điểm và cải thiện mức độ trưởng thành số.

- **Nâng mức độ thành thực, chuyên nghiệp hệ thống quản trị rủi ro (QTRR) của Viettel Global lên 3.0** (dựa trên 38 tiêu chí đánh giá mức độ trưởng thành của Ernst & Young đưa ra). Vượt trước 2 năm so với mục tiêu trong Chính sách QTRR được

- Châu Mỹ: **Natcom** doanh thu tăng trưởng cao nhất trong 10 năm: tăng 30%; Hoàn vốn dự án 100% sau 12 năm kinh doanh (là thị trường thứ 5 của Viettel Global hoàn vốn dự án sau: Metfone, Unitel, Telemor và Lumitel); Natcom chính thức vươn lên trở thành nhà mạng số 1 về thuê bao di động với 51,7% thị phần.

Hội đồng quản trị Viettel Global phê duyệt năm 2022 (Năm 2025 đạt mức 3.0).

- **Rà soát, sắp xếp lại mô hình tổ chức của Viettel Global và các công ty thị trường.** Thông qua một số định hướng chủ trương lớn về mô hình tổ chức, quy hoạch nhân sự tại Tổng Công ty và các thị trường nước ngoài với mục tiêu: 1) Tăng cường quản lý, giám sát toàn trình hoạt động đầu tư và thu hồi vốn; 2) Nâng cao vai trò dẫn dắt lĩnh vực kỹ thuật Công nghệ thông tin và hoạt động chuyển đổi số của Viettel Global và các thị trường; 3) Chuyên nghiệp hóa dẫn hoạt động truyền thông và quản lý thương hiệu tại các Công ty thị trường. 4) Hoàn thiện xây dựng quy định về bộ tiêu chí, tiêu chuẩn lựa chọn nhân sự đi làm việc tại nước ngoài để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. 5) Thực hiện tốt tối ưu nhân sự người sở tại (hoàn thành 108% kế hoạch năm; cơ cấu lao động chuyển dịch sang lĩnh vực số, lĩnh vực mới đạt 15,04% ~ 100% kế hoạch).

- **Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư thu được nhiều kết quả tích cực:** Năm 2023, Viettel Global cùng với các thị trường triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu, xúc tiến đầu tư: 1) Tìm kiếm cơ hội đầu tư tại các thị trường mới; tìm kiếm các giải pháp phát triển kinh doanh 2) Tham gia, cung cấp các dịch vụ giải pháp chuyển đổi số của cơ quan quản lý nhà nước, mở rộng thêm không gian tăng trưởng.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



1 | HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Tổng Công ty nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ-VTG ngày 27/04/2023. Đồng thời, HĐQT đã tập trung đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua các cuộc họp định kỳ và các cuộc họp đột xuất nhằm đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác.

Các cuộc họp và hoạt động của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ của Tổng Công ty và pháp luật hiện hành. Các biên bản, nghị quyết phê duyệt, thông qua các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân các thành viên HĐQT trong các mặt hoạt động của Tổng Công ty đều đạt sự thống nhất cao của các

thành viên, đảm bảo triển khai đúng quy định. HĐQT đã họp và ban hành 67 nghị quyết, quyết định chỉ đạo thuộc các lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty, tất cả đều kịp thời và vì lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty.

HĐQT đã quản trị, định hướng, giám sát để Viettel Global có những phát triển trong kinh doanh, đóng góp quan trọng vào thành công chung của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội trong năm 2023, cụ thể:

- **Định hướng chiến lược, cơ chế chính sách:** HĐQT đã định hướng chiến lược, cơ chế chính sách, các nguồn lực cần thiết để tháo gỡ khó khăn, đồng hành và chung tay cùng Ban Điều hành thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đã đề ra.

- **Kết quả kinh doanh ấn tượng:** Hoàn thành và vượt kế hoạch giao đầu năm.

- HĐQT Viettel đã thể hiện vai trò quan trọng trong việc lãnh đạo, điều hành và giám sát hoạt động của Tập đoàn, góp phần vào thành công chung của Tập đoàn Viettel trong năm 2023.

- Rà soát, điều chỉnh các mục tiêu dài hạn cá thể hóa theo từng thị trường theo diễn biến thực tế. Hội đồng quản trị yêu cầu Ban điều hành tìm kiếm các giải pháp, cơ hội mới đảm bảo duy trì mức tăng trưởng cao gấp 2-3 lần so với tăng trưởng Viễn thông thế giới. Đảm bảo mục tiêu xuyên suốt hoàn vốn các dự án Viettel Global đầu tư trong thời gian sớm nhất.

- Hỗ trợ làm việc cùng các đối tác lớn: HĐQT

chủ động tích cực cùng Ban Điều hành làm việc cùng các đối tác lớn trong lĩnh vực cung cấp hạ tầng Viễn thông để đảm bảo về hạ tầng. Phát huy tốt các lợi thế về giá, tiến độ mua sắm để cung cấp thiết bị theo yêu cầu của các công ty thị trường trong bối cảnh thế giới thiếu hụt nguồn nguyên liệu trên quy mô toàn cầu.

- Mở rộng ngành nghề kinh doanh: Các chủ trương về điều chỉnh, mở rộng ngành nghề kinh doanh của Viettel Global bên cạnh các đề xuất mở rộng nhóm sản phẩm dịch vụ số mới đối với các công ty thị trường đều được triển khai.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư, mở rộng không gian tăng trưởng: Việc khảo sát đánh giá tiềm năng hợp tác với một số thị trường mới tiềm năng tại Châu Phi và Châu

Mỹ La tinh (Uganda, Ecuador, Cộng hòa Dominicana, Cộng hòa Venezuela) nhằm mở rộng không gian tăng trưởng trong giai đoạn 2026-2030. Thông qua đầu tư thực chất, qua kết quả đạt được tại các thị trường, đã giúp cho hình ảnh của Viettel Global thân thiện, gần gũi, tin cậy khi xúc tiến đầu tư tại các thị trường mới.

- Nghiên cứu xu thế và tìm kiếm giải pháp: Viettel Global đã có các đối tác tư vấn nghiên cứu chuyên sâu để tìm kiếm các giải pháp linh hoạt về nguồn vốn, công nghệ, xu thế và mô hình kinh doanh để luôn hướng đến mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn của nhà Đầu tư theo như chiến lược đã đề ra.

- Duy trì chất lượng hoạt động HĐQT: Công tác quản trị được tự đánh giá và đối tác chuyên nghiệp đánh giá, nhằm tìm ra các hạn chế để điều chỉnh cho phù hợp. Các vấn đề được tiếp nhận nhanh chóng, xử lý kịp thời. Các giải pháp được tập trung tìm kiếm, hướng tới mục tiêu cao nhất là hiệu quả của dự án, lợi ích của nhà đầu tư.

- Giải quyết các vấn đề pháp lý: Các vấn đề phức tạp phát sinh đều được HĐQT xem xét, thông qua các giải pháp lớn, trực tiếp tham gia cùng Ban Điều hành giải quyết các khác biệt về vấn đề Pháp lý tại một số thị trường. Tạo điều kiện cho các công ty thị trường hoạt động hiệu quả, giảm bớt các rủi ro và thiệt hại không đáng có.

Tổng kết: HĐQT trong năm 2023 đã đưa ra một số điều chỉnh quan trọng đối với mục tiêu dài hạn của Tổng công ty và các công ty thị trường. Những điều chỉnh này nhằm mục đích đảm bảo Viettel Global có thể tiếp tục phát triển mạnh mẽ và đạt được mục tiêu trở thành nhà cung cấp dịch vụ viễn thông hàng đầu trong khu vực và trên thế giới.

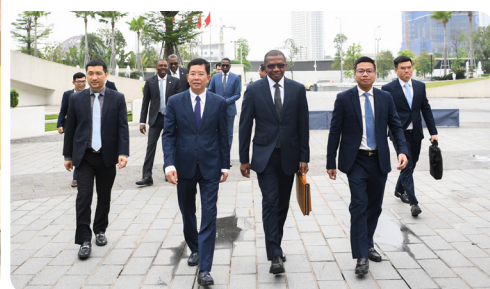
❖ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ DO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG GIAO

Hội đồng Quản trị đánh giá cao sự chủ động, ứng biến linh hoạt của Ban Điều hành (BDH) trong việc tổ chức, điều hành triển khai các phương án kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác giám sát, hỗ trợ, giúp Tổng Công ty và thị trường đi đúng hướng chiến lược đề ra. Cụ thể:

- Thực thi chiến lược, kế hoạch kinh doanh bám sát theo chiến lược của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT năm 2023 đã đề ra. BDH đã xây dựng và triển khai hiệu quả các kế hoạch kinh doanh sát với tình hình thực tế, bám sát mục tiêu, chiến lược.

- Thực thi và giám sát tốt các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT. BDH đã triển khai, thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đảm bảo tiến độ và chất lượng, báo cáo đầy đủ kết quả các nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện bám nắm xu thế chuyển dịch, nghiên cứu cập nhật thông tin ngành và ra quyết định dựa trên nghiên cứu thị trường. Những nghiên cứu đó đã giúp cho các quyết định đưa ra phù hợp, hiệu quả.



- Thực hiện các báo cáo, tuân thủ các quy định, quản trị rủi ro các cấp trong Tổng Công ty. BĐH đã thực hiện đầy đủ, đúng hạn các báo cáo theo quy định; tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro; xây dựng và triển khai hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro trong toàn Tổng Công ty.
- Thực hiện, triển khai tốt các nghị quyết của HĐQT, trong năm 2023 Viettel Global đã đạt

❖ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, GIÁM SÁT CỦA HĐQT

- Trong năm 2023, HĐQT trực tiếp định hướng, chỉ đạo Ban điều hành bằng 67 Nghị quyết và giao cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các hoạt động bao gồm giám sát, kiểm soát đầu tư theo các mục tiêu tài chính đã được thông qua, sắp xếp lại và xây dựng chức năng quản lý của Tổng Công ty để hoạt động đạt hiệu quả cao nhất. Các báo cáo của Người đại diện vốn tại thị trường gửi về xin ý kiến được trả lời kịp thời. Hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật. Các giao dịch với bên có liên

❖ CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHIẾU

- Cung cấp các thông tin, giải đáp yêu cầu, cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông được thực hiện đúng quy định, phối hợp với các cơ quan quản lý cổ phần để điều chỉnh các thông tin của cổ đông kịp thời, trong năm đã cấp: 14 đợt cấp thay đổi thông tin cổ đông, giải đáp khoảng 1.000 lượt ý kiến.

❖ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN KHÁC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Văn phòng HĐQT hoạt động tích cực, tư vấn chuyên môn, cập nhật các quy định, thông lệ tốt về quản trị công ty đến các thành viên HĐQT. Theo dõi các công việc HĐQT thông qua, các ủy quyền. Giúp việc

được nhiều kết quả tích cực. Doanh thu và lợi nhuận liên tục tăng trưởng; quy mô thị trường viễn thông được mở rộng; uy tín và thương hiệu của Viettel Global ngày càng được nâng cao.

- HĐQT tin tưởng rằng với sự chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao của BĐH, Viettel Global sẽ tiếp tục gặt hái nhiều thành công hơn nữa trong tương lai.

quan của Tổng Công ty hoặc giữa Tổng Công ty với người có liên quan của người nội bộ được kiểm soát minh bạch, rõ ràng (theo phụ lục 1 đính kèm); Danh sách về người có liên quan của Tổng Công ty (theo phụ lục 02 đính kèm).

- Trong năm 2023, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả lương, thưởng, lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc (bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc) đúng theo quy định với số tiền là: 14.929.702.842 đồng.

- Cổ phiếu: Năm 2023 không chỉ là một năm khó khăn với các doanh nghiệp mà còn là một năm rất khó khăn cho các nhà đầu tư, đặc biệt là đối với thị trường chứng khoán. Giá cổ phiếu VGI có mức tăng trưởng tốt, là cổ phiếu có mức vốn hóa thuộc nhóm lớn trên sàn Upcom.

cho chủ tịch đánh giá các thành viên HĐQT thường kỳ. Chuẩn bị các cuộc họp bao gồm nội dung, điều kiện họp cho HĐQT đảm bảo. Cung cấp thông tin, công bố thông tin kịp thời, chính xác theo đúng thời hạn quy định.

❖ THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

- Thù lao chi trả cho HĐQT được thực hiện đúng mức và đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tổng thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT trong 12 tháng của năm 2023 là: 956.800.000 VNĐ.

❖ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị đánh giá cao sự chủ động, ứng biến linh hoạt của Ban Điều hành (BĐH) trong việc tổ chức, điều hành triển khai các phương án kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác giám sát, hỗ trợ, giúp Tổng Công ty và thị trường đi đúng hướng chiến lược đề ra. Cụ thể:

- Thực thi chiến lược, kế hoạch kinh doanh bám sát theo chiến lược của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT năm 2023 đã đề ra. BĐH đã xây dựng và triển khai hiệu quả các kế hoạch kinh doanh sát với tình hình thực tế, bám sát mục tiêu, chiến lược.
- Thực thi và giám sát tốt các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT. BĐH đã triển khai, thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đảm bảo tiến độ và chất lượng, báo cáo đầy đủ kết quả các nhiệm vụ được giao.
- Thực hiện bám nắm xu thế chuyển dịch, nghiên cứu cập nhật thông tin ngành và ra quyết định dựa trên nghiên cứu thị trường. Những nghiên cứu đó đã giúp cho các quyết định đưa ra phù hợp, hiệu quả.

- Thực hiện các báo cáo, tuân thủ các quy định, quản trị rủi ro các cấp trong Tổng Công ty. BĐH đã thực hiện đầy đủ, đúng hạn các báo cáo theo quy định; tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro; xây dựng và triển khai hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro trong toàn Tổng Công ty.

- Thực hiện, triển khai tốt các nghị quyết của HĐQT, trong năm 2023 Viettel Global đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Doanh thu và lợi nhuận liên tục tăng trưởng; quy mô thị trường viễn thông được mở rộng; uy tín và thương hiệu của Viettel Global ngày càng được nâng cao.

HĐQT tin tưởng rằng với sự chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao của BĐH, Viettel Global sẽ tiếp tục gặt hái nhiều thành công hơn nữa trong tương lai.

2 | HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2023, BKS đã tổ chức 10 cuộc họp, các vấn đề được thảo luận và biểu quyết thông qua tại các cuộc họp tuân thủ đúng các quy định về Quy chế hoạt động của BKS đã được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên 2023 thông qua.

Một số nội dung quan trọng đã được BKS

thông qua bao gồm: Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS; Hợp thông qua các kết quả giám sát định kỳ của BKS; Hợp thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2023; Hợp bầu Trưởng ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 và Hợp phân công nhiệm vụ cho các TV BKS nhiệm kỳ 2023-2028.

❖ NHỮNG NỘI DUNG GIÁM SÁT ĐÃ ĐƯỢC BKS KIỂM TRA TRONG NĂM 2023

- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Tổng Công ty theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết phân cấp ủy quyền, Nghị quyết phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT (“TV HĐQT”).
- Giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc (“BTGD”): đánh giá việc thực hiện theo các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh (“SXKD”) đã được ĐHĐCĐ/HĐQT giao, đánh giá việc triển khai các giải pháp, kế hoạch hành động để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã báo cáo ĐHĐCĐ, đánh giá việc thận trọng, trung thực trong các quyết định điều hành theo sự phân cấp ủy quyền của HĐQT Tổng Công ty, việc thực hiện công bố thông tin theo quy định và thực hiện các quyết định điều hành khác trong việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, công ty và người lao động...
- Giám sát việc áp dụng các nguyên tắc, chính sách kế toán tại Tổng Công ty, đánh giá việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (“BCTC”) định kỳ theo chế độ hiện hành, thẩm định BCTC 6 tháng/lần sau khi đã có các kết

❖ ĐÁNH GIÁ GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Theo quy định tại Khoản 4 – Điều 290 – NĐ 155/2020/NĐ-CP, BKS đã:

- Thực hiện giám sát hoạt động kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan của những người nội bộ của Tổng Công ty, cũng như việc thực hiện công bố thông tin đối với các giao dịch của người nội bộ và người liên quan với người nội bộ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019.
- Giám sát đầy đủ trình tự thủ tục khi thực hiện phê duyệt, ký kết các hợp đồng giao dịch

quả soát xét/kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập.

- Giám sát việc triển khai công tác Quản trị rủi ro, Kiểm toán nội bộ tại Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (“Tổng Công ty hoặc VTG”), đánh giá tính hiệu lực hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với một số nội dung/lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các giao dịch giữa Tổng Công ty với các bên có liên quan.
- Giám sát các hoạt động về quản lý lao động, tiền lương; thực hiện đầu tư mua sắm; quản lý, sử dụng vốn, tài sản; quản lý theo dõi doanh thu và thu hồi công nợ; thực hiện các nghĩa vụ phải trả; việc thực hiện các nhiệm vụ GSM liên quan đến hiệu quả đầu tư tại các thị trường...
- Giám sát công tác phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BTGD và các đơn vị liên quan với BKS; giám sát việc thực hiện đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, công ty và người lao động...
- Giám sát trực tiếp tại các thị trường Mozambique, Cambodia và giám sát Online thị trường Myanmar.

giữa Tổng Công ty đối với các bên có liên quan. BKS đã kiểm tra, đưa ra các ý kiến đánh giá, thẩm định trước khi Tổng Giám đốc Tổng Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng theo phân cấp ủy quyền của HĐQT; BKS đánh giá việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch với bên liên quan của Tổng Công ty đã đảm bảo đầy đủ trình tự, thẩm quyền phê duyệt và thuộc phạm vi nội dung, danh mục đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 phê duyệt; giá trị các hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan phát sinh trong năm 2023 đều thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT Tổng Công ty.

❖ KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT

- Hoạt động của HĐQT Tổng Công ty trong năm 2023 (tổ chức 15 cuộc họp, ban hành 67 Nghị quyết, trong đó 29 Nghị quyết ban hành bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) đã đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT. Cụ thể: công tác họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành Nghị quyết HĐQT đã được thực hiện theo đúng trình tự, đảm bảo đủ các thủ tục quy định và phù hợp với phân cấp ủy quyền. Các quyết định quan trọng đã được HĐQT thông qua: Phê duyệt Kế hoạch SXKD và ngân sách đầu tư trong năm của Tổng Công ty; phê duyệt giao dịch với các bên có liên quan; phê duyệt thay đổi nhân sự cấp cao của Tổng Công ty và các công ty thị trường; phê duyệt chủ trương thực hiện các khoản vay cho các thị trường; phê duyệt chủ trương xử lý vấn đề bất đồng cổ đông tại liên

doanh Nexttel; phê duyệt ban hành nhiều văn bản quản trị nội bộ quan trọng theo thẩm quyền để hoàn thiện và nâng cao hoạt động của môi trường kiểm soát cấp cao tại Tổng Công ty...

- Các Thành viên HĐQT đã thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ nghiêm túc, cẩn trọng, phát huy tốt các hoạt động giám sát, định hướng đối với các lĩnh vực được phân công.
- HĐQT đã chủ động sử dụng đơn vị tư vấn để đánh giá độc lập tình hình quản trị công ty theo thông lệ tốt trên thế giới và các nguyên tắc quản trị công ty đã được UBCKNN Việt Nam ban hành.
- Ban điều hành định kỳ đã báo cáo HĐQT, cập nhật đầy đủ tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh. HĐQT đã kịp thời định hướng, chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành trong việc xử lý các vấn đề phát sinh để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ giao.

❖ KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH BAN GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2023

- Với trách nhiệm trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Tổng Công ty và trong bối cảnh xảy ra nhiều yếu tố bất lợi tại các thị trường đầu tư (như: bất ổn chính trị, suy giảm kinh tế vĩ mô của các quốc gia, biến động tỷ giá phức tạp, khó có thể dự đoán, tình trạng khan hiếm ngoại tệ tiếp tục kéo dài tại nhiều quốc gia, chính phủ các nước sở tại gia tăng nhiều hoạt động thanh kiểm tra, ban hành nhiều chính sách thuế bất lợi đối với các nhà mạng viễn thông...), BTGD đã phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực; các kết quả sản xuất kinh doanh được BTGD thường xuyên bám nắm, họp, trao đổi, thảo luận và ra quyết định để giải quyết kịp thời các vấn đề khó khăn vướng mắc phát sinh. Một số điểm nổi bật

trong hoạt động của BTGD năm 2023 như sau:

- BTGD đã có nhiều nỗ lực trong việc hoàn thành các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ và HĐQT giao: Tổng doanh thu hợp nhất đạt hơn 32,16 nghìn tỷ đồng (Hoàn thành 114,5% KH), LNTT hợp nhất đạt hơn 3,88 nghìn tỷ đồng, Thuê bao viễn thông tăng thêm 4,53 triệu TB (Hoàn thành 226,5% KH) và Thuê bao số tăng thêm đạt 11,16 triệu TB (Hoàn thành 186% KH).
- Năm 2023, Tổng Doanh thu dịch vụ đạt 3,6 tỷ USD, tăng trưởng 20,5% so với năm 2022; Điều hành dòng tiền thu hồi về Việt Nam đạt gần 400 triệu USD, đưa tỷ lệ hoàn vốn dự án đến hết 2023 của VTG đạt 76,5%.

- Đối với HĐQT, BTGD đã luôn kịp thời báo cáo HĐQT Tổng Công ty để có các định hướng, bổ sung, điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh để phát triển và gia tăng hiệu quả hoạt động. Đối với các phòng ban chức năng tại Công ty mẹ, BTGD đã chỉ đạo, điều hành sát sao giúp phát huy tối đa vai trò G-S-M đối với thị trường, đã kịp thời hỗ trợ nguồn lực để đồng hành, giúp các thị trường vượt qua những thời điểm khó khăn và hoàn thành tốt các nhiệm vụ SXKD. Cụ thể: VTG hợp nhất có Tổng doanh thu và LNTT lần lượt tăng 17,7% và 28,7% so với cùng kỳ năm 2022; tỷ suất lợi nhuận gộp từ Doanh thu BHCCDV năm 2023 đạt 50,6%, tăng hơn 4,2% so với mức 46,4% năm 2022; 5/8 thị trường hoàn thành vượt kế hoạch Tổng doanh thu và 6/8 thị trường vượt kế hoạch LNTT đề ra; Công ty Viettel Haiti (Natcom) trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn do bất ổn an ninh chính trị và tình trạng khan hiếm nhiên liệu, khó khăn trong vận hành hạ tầng mạng lưới nhưng đã vươn lên vị trí số 1 thị phần tại Haiti; ...
- Hoạt động quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro đã có sự hoạt động tương đối hiệu quả,

❖ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

- BKS đã có sự phối hợp tốt với HĐQT và BTGD trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Cụ thể: BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp thường kỳ của Ban điều hành để đảm bảo nắm bắt kịp thời, đầy đủ các thông tin; Văn phòng HĐQT và các cơ quan chuyên môn liên quan đã thực hiện cung cấp thông tin đúng quy định khi có yêu cầu của BKS; các kiến nghị của BKS đã được HĐQT và BTGD tiếp thu, giao nhiệm vụ

cho các đơn vị liên quan thực hiện giải trình, khắc phục nghiêm túc, đầy đủ.

có sự tích hợp trong các hoạt động quản trị, SXKD của Tổng Công ty; mức độ trưởng thành về quản trị rủi ro của Tổng Công ty hết 2023 đạt 2,96 điểm (theo thang tiêu chí của Công ty E&Y toàn cầu), cơ bản đạt mức độ “Hoàn thiện” theo khung 5 mức độ từ “Cơ bản” – “Đang phát triển” – “Hoàn thiện” – “Cao cấp” và “Dẫn đầu” được thừa nhận rộng rãi trên thế giới.

- Ban Tổng Giám đốc đã đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tối ưu nhân sự tại các thị trường theo hướng tinh gọn, hiệu quả; Hoàn thành tốt các mục tiêu chuyển dịch nhân sự sang các lĩnh vực mới, lĩnh vực số theo kế hoạch đề ra; đồng thời cũng hoàn thành tốt mục tiêu nâng cao mức độ trưởng thành số của Tổng Công ty Viettel Global và các Công ty thị trường.
- Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tiếp tục quan tâm và làm tốt công tác đối ngoại, quan hệ cổ đông, hợp tác với các cơ quan chức năng tại các thị trường đầu tư. Điều đó góp phần nâng cao uy tín, hình ảnh của Viettel Global và các công ty thị trường tại các đất nước đầu tư.

cho các đơn vị liên quan thực hiện giải trình, khắc phục nghiêm túc, đầy đủ.

- Giám sát các nội dung theo yêu cầu của cổ đông: Không phát sinh các nội dung lớn trong năm 2023. Bộ phận quan hệ cổ đông của Tổng Công ty đã tích cực hỗ trợ các cổ đông trong việc cập nhật, sửa đổi thông tin cổ đông, cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần... khi có yêu cầu.

❖ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

- Công tác lập và kiểm toán BCTC: BCTC năm 2023 (bao gồm BCTC Công ty mẹ và BCTC Hợp nhất) đã được Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán ngày 29/03/2024. Báo cáo kiểm toán đã đánh giá đầy đủ, khách quan về công tác lập và trình bày BCTC năm 2023 của Tổng Công ty. Các ý kiến kiểm toán đã phản ánh chính xác tình hình tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

❖ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2023 PHÊ DUYỆT

- Thực hiện các chỉ tiêu SXKD chính: Hoàn thành tốt tất cả (4/4) các chỉ tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua;
- Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm: Theo quan điểm của BKS, năm 2023, HĐQT và BĐH đã lãnh đạo Tổng Công ty cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm bao quát trên tất cả các định hướng về tăng trưởng và chuyển dịch doanh thu, lợi nhuận, về mở rộng tập thuê bao, về các công tác quản trị rủi ro, chuyển đổi số, nhân sự, tài chính đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua. Một số các mục tiêu về thực hiện M&A, tổ chức xây dựng và ban hành các khung quản trị về rủi ro tỷ giá còn chưa thành công. Tuy nhiên, BKS đánh giá Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã thận trọng xem xét, phân tích đầy đủ các nguyên nhân khách quan, chủ quan, cũng như có sự tham vấn ý kiến các đơn vị tư vấn nhiều kinh nghiệm để có các quyết định phù hợp với bối cảnh và điều kiện triển khai nhằm đảm bảo tối ưu nhất hiệu quả tài chính, hiệu quả SXKD của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, các vấn đề khó khăn tại các thị trường Cameroon, Tanzania và Timor cũng đã có nhiều bước tiến triển tích cực.
- Việc giám sát chất lượng Kiểm toán độc lập: BKS đã giám sát chặt chẽ chất lượng hoạt động kiểm toán BCTC được thực hiện bởi Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam. Đơn vị kiểm toán đã chủ động trao đổi với BKS các vấn đề thông tin liên quan đến việc hạch toán và trình bày BCTC của Tổng Công ty, tuân thủ tốt các quy định của hợp đồng kiểm toán đã ký kết.
- Việc thực hiện công bố thông tin: Tổng Công ty cơ bản đã tuân thủ các quy định công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.
- Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS: đã tuân thủ các quy định về mức chi đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua.
 - Tổng thù lao HĐQT và Thư ký HĐQT là: 1.151,5 triệu đồng.
 - Thù lao BKS: TH 2.839,33 triệu đồng. Đảm bảo tuân thủ mức thù lao đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 phê duyệt.
 - Chi phí hoạt động của BKS: TH 350 triệu đồng/KH 1.400 triệu đồng.

❖ KIẾN NGHỊ CỦA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY

Bên cạnh đó, để tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Tổng Công ty, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

● Đối với HĐQT TCT:

- BKS nhận thấy đã đi qua 3/5 năm thực thi các mục tiêu dài hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng hoạt động M&A vẫn chưa có nhiều tiến triển tích cực. Đây luôn là nguy cơ có ảnh hưởng lớn đến việc tái cơ cấu danh mục đầu tư và gia tăng hơn nữa hiệu quả đầu tư của Tổng Công ty, cũng như việc định hướng, tổ chức thực hiện các mục tiêu chiến lược dài hạn sau năm 2025 của Tổng Công ty. Kiến nghị HĐQT tăng cường hơn nữa việc thảo luận, trao đổi để sớm tìm ra các giải pháp cho vấn đề này.

❖ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRONG NĂM 2024

Năm 2024, BKS sẽ tiếp tục phấn đấu hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ được quy định:

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của BKS.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi có đề nghị, yêu cầu của cổ đông, HĐQT Tổng Công ty.
- Tập trung giám sát các hoạt động trọng

● Đối với Ban điều hành TCT:

- Tiếp tục tìm kiếm và điều hành các giải pháp để thu hồi công nợ, giảm thiểu các rủi ro nợ xấu.
- Tăng cường hiệu quả hơn nữa vai trò G-S-M của các phòng ban chức năng của Công ty mẹ đối với các lĩnh vực hoạt động tại các công ty thị trường để thiết lập một hệ thống kiểm soát hiệu quả, phòng ngừa sớm rủi ro.
- Cân nhắc việc thành lập Ban dự án để chủ trì việc nghiên cứu, đánh giá và xây dựng các phương án đầu tư nhằm nâng cao hơn nữa các hoạt động quản lý, sử dụng vốn của Tổng Công ty trong bối cảnh gia tăng nhanh nguồn tiền mặt và tương đương tiền trong vài năm qua.

tâm như: việc thực hiện thu hồi công nợ, thu hồi dòng tiền đầu tư; tổ chức vận hành, việc thực thi các hoạt động G-S-M đối với một số hoạt động trọng yếu tại thị trường; việc thực hiện của Ban điều hành đối với các nội dung quy chế, quy định đã được HĐQT ban hành, thông qua; việc thực thi các vấn đề liên quan đến tổ chức quản trị, điều hành Tổng Công ty về quản lý tài chính kế toán, quản trị rủi ro, xây dựng và thực thi chiến lược dài hạn....

3 | QUẢN TRỊ RỦI RO

❖ PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Nhằm phòng tránh rủi ro và đảm bảo đạt được những mục tiêu chiến lược, Viettel Global đã và đang xây dựng hệ thống QTRR với cơ cấu tổ chức, chiến lược và chính sách QTRR theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 31000:2018 và COSO ERM 2017.

❖ TẦM NHÌN MỤC TIÊU HỆ THỐNG QTRR CỦA VTG TỚI 2025

Tổ chức và tích hợp QTRR vào hoạt động SXKD ở tất cả các cấp, ứng dụng công nghệ và phân tích dữ liệu cao cấp để hỗ trợ quá trình ra quyết định chiến lược và quyết định kinh doanh. Mục tiêu tới năm 2028 đạt mức độ trưởng thành QTRR đạt 4/5 theo Khung đối chuẩn của EY.

❖ KẾT QUẢ CHÍNH CỦA HOẠT ĐỘNG QTRR TRONG NĂM 2023 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2024

Trong năm 2023, mức độ trưởng thành hoạt động QTRR của VTG đã có nhiều cải thiện, hoàn thành tốt mục tiêu đề ra. Theo kết quả đánh giá mức độ trưởng thành hệ thống QTRR tại VTG hết năm 2023 đạt mức 3.0 (đạt mức hoàn thiện) theo tiêu chí đánh giá mức độ trưởng thành EY, trong đó đã đạt được một số kết quả nổi bật như:

- Xây dựng tài liệu hoàn thiện khung QTRR: Tuyên ngôn khẩu vị rủi ro, sửa đổi Quy chế QTRR 3 lớp, Cẩm nang quản trị rủi ro, Quy chế quản lý tuân thủ, Báo cáo đo lường chỉ số rủi ro chính KRI, Hướng dẫn xây dựng chức năng nhiệm vụ/ mô hình tổ chức QTRR tại các CTTT.
- Tích hợp hoạt động QTRR vào hoạt động sản xuất kinh doanh: Thu thập dữ liệu tổn thất của các CTTT phát sinh trong 05 năm từ 2018-2023 để làm cơ sở xây dựng mục tiêu QTRR năm 2024. Hướng dẫn CTTT thực hiện nhận diện rủi ro lớp 1, xây dựng thư viện rủi ro có thể xảy ra cho các CTTT (~ 200 rủi ro) để nhận diện khi xây dựng Kế hoạch năm 2024
- Liên tục thực hiện đào tạo, truyền thông QTRR từng bước xây dựng văn hóa QTRR tại VTG và các CTTT: thực hiện đào tạo chuyên sâu về QTRR theo từng Quý cho CBNV tại CTTT và VTG HO.

Với kế hoạch hoạt động đã được xác định, trong năm 2024, Viettel Global tiếp tục hoàn thiện bộ máy, mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ QTRR ngành dọc tại các công

ty thị trường, triển khai hoạt động và năng lực QTRR theo dự án tư vấn QTRR của Tập đoàn Viettel và nâng cao mức độ trưởng thành hệ thống QTRR tại các đơn vị.

Với đặc thù là công ty có các dự án đầu tư quốc tế trong cùng một lĩnh vực ở nhiều quốc gia và châu lục khác nhau, Viettel Global gặp phải những rủi ro chung giống nhau ở hầu hết các thị trường. Do đó, sau khi nhận diện, phân tích, đánh giá và lập kế hoạch xử lý khắc phục một rủi ro nhất định ở một thị trường xong, Viettel Global sẽ ánh xạ sang tất cả các thị trường khác để rà soát rủi ro đó một cách có hệ thống và đưa ra hành động xử lý rủi ro phù hợp, toàn diện cho từng công ty. Phương thức QTRR này đã thể hiện hiệu quả hoạt động G.S.M. (Guide-hướng dẫn, Support-hỗ trợ và Monitor-giám sát) của công ty mẹ đối với các công ty con, công ty liên kết tại nước ngoài.

Ngoài ra, Viettel Global phân chia rủi ro thành hai nhóm là các Rủi ro chủ quan gắn liền với yếu tố bên trong do công ty kiểm soát (như rủi ro hoạt động trong các lĩnh vực quản lý, kỹ thuật, tài chính, đầu tư mua sắm, nhân sự, hành chính, ... và trong các quy trình tác nghiệp) và các Rủi ro khách quan gắn liền với yếu tố bên ngoài mà công ty không thể kiểm soát được (như chính trị, tỷ giá, các bên liên quan, quy định pháp luật nước sở tại...) để có những phương án xử lý rủi ro nhanh chóng và phù hợp nhất.

Viettel Global liên tục nhận diện, phân tích, đánh giá để đưa ra các hành động xử lý kịp thời nhằm giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực và tận dụng, phát huy các cơ hội, thế mạnh đặc thù.

● **Rủi ro tỷ giá**

Viettel Global đối mặt với rủi ro tỷ giá giống như nhiều nhà đầu tư toàn cầu khác có dự án đầu tư ra nước ngoài do chênh lệch tỷ giá. Viettel Global chuyển vốn ra nước ngoài bằng ngoại tệ (USD, EUR) trong khi đồng tiền hạch toán và doanh thu tại các nước đầu tư là nội tệ của các quốc gia. Do đó, kết quả kinh doanh của Viettel Global bị ảnh hưởng bởi cả rủi ro tỷ giá khi quy đổi doanh thu từ nội tệ sang USD và rủi ro đánh giá lại tỷ giá các khoản công nợ ngoại tệ cuối kỳ (chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện). Thực tế, việc dự báo biến động lên, xuống của tỷ giá rất khó khăn. Khi đồng tiền tại nước đầu tư mất giá so với USD, Viettel Global sẽ ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện, trích lập sổ sách đánh giá lại các khoản công nợ bằng ngoại tệ. Ngược lại, trong trường hợp đồng tiền tại nước đầu tư tăng giá, Viettel Global sẽ ghi nhận lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trên sổ sách.

Để giảm thiểu rủi ro tỷ giá, Viettel Global nghiên cứu và thực hiện nhiều giải pháp khác nhau như vay vốn bằng đồng nội tệ để tránh tác động của lãi suất và biến động tỷ giá; tăng cường việc ký hợp đồng mua bán bằng đồng tiền nội tệ hoặc các đồng tiền khác để thu xếp hơn; sử dụng các hợp đồng phái sinh: forward, options...; hợp tác với các Ngân hàng để được ưu tiên mua USD chuyển về Việt Nam, đặc biệt chú trọng đối với các nước khan hiếm USD như Burundi, Haiti, Lào, Myanmar...

● **Rủi ro chính trị**

Rủi ro chính trị là khả năng kết quả đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp bị kiểm chế bởi các yếu tố chính trị của chính phủ nước sở tại, bao gồm hệ thống chính trị không ổn định, chính quyền và chính sách thay đổi thường xuyên, xung đột về đảng phái, chủng tộc, tôn giáo, khủng bố, bắt cóc, v.v....

Các dự án đầu tư của Viettel Global luôn tiềm ẩn rủi ro ở quốc gia sở tại. Trong năm 2023, tình hình xung đột tại châu Âu tiếp tục ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn cung nhiên liệu, tình trạng thiếu nhiên liệu, lạm phát leo thang dẫn đến chi tiêu cho viễn thông giảm v, chi phí vận hành mạng lưới tăng cao ở các quốc gia sở tại. Ngoài ra, xung đột chính trị tại một số quốc gia sở tại dẫn đến tình trạng bị các nước và tổ chức quốc tế áp dụng lệnh trừng phạt, cấm vận, hạn chế, đồng thời, bản thân các quốc gia sở tại thay đổi chính sách do thay đổi lãnh đạo theo nhiệm kỳ như thắt chặt quản lý ngoại tệ, hạn chế chuyển ngoại tệ ra nước ngoài, kiểm soát chặt chẽ việc đăng ký thông tin thuê bao và hạn chế số lượng thẻ SIM bán cho mỗi khách hàng, hạn chế việc mở rộng ngành nghề kinh doanh của công ty viễn thông, ... đều có thể tác động làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc phát triển doanh thu, thuê bao và hiệu quả kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết của Viettel Global ở các quốc gia đó.

Để quản lý rủi ro này có nguy cơ đe dọa đến hoạt động hiện tại cũng như tương lai của doanh nghiệp, các công ty của Viettel Global luôn chú trọng thu thập thông tin, phân tích, đánh giá mức độ rủi ro chính trị và dự đoán những khả năng thay đổi chính trị. Các giải pháp duy trì mức độ gắn kết của quốc gia

vào hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện thông qua nhiều chính sách và hoạt động của Viettel Global. Với việc chủ động đón đầu các chính sách mới, Viettel Global có thể ứng xử kịp thời và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động SXKD, biến những chính sách mới thành lợi thế để cạnh tranh với đối thủ tại các Công ty thị trường. Bên cạnh đó, với quan điểm là một đại diện của Việt Nam tại nước sở tại, ngay từ khi xúc tiến đầu tư, Viettel Global cũng đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đại diện Chính phủ Việt Nam đặt tại quốc gia đó. Nhờ vậy, Viettel Global có thể nhận được nhiều hỗ trợ về mặt luật pháp và chính trị như các thỏa thuận bảo hộ đầu tư hoặc đưa dự án đầu tư trở thành dự án hợp tác của quốc gia v.v..

● **Rủi ro cạnh tranh**

Tại hầu hết các thị trường đã đầu tư, Viettel Global đối mặt với rủi ro cạnh tranh rất khốc liệt do là nhà mạng đến sau và phải đối đầu với các đối thủ hàng đầu thế giới có kinh nghiệm lâu năm làm viễn thông, tiềm lực tài chính lớn như Vodafone, Telefonica, Orange, Digicel...

Để xử lý rủi ro này, Viettel Global chủ động nghiên cứu, phân tích kỹ đối thủ, tìm lợi thế cạnh tranh và sáng tạo cách làm khác biệt, thực hiện triệt để các chiến lược cạnh tranh và chính sách kinh doanh như:

- Tiên phong về công nghệ: tốc độ tốt nhất và vùng phủ tốt nhất để cung cấp dịch vụ chất lượng vượt trội.
- Linh hoạt về chính sách sản phẩm: giá tốt nhất đối với từng phân khúc khách hàng để cạnh tranh với đối thủ;
- Kênh phân phối rộng khắp: đảm bảo sản phẩm dịch vụ đến tay khách hàng thuận lợi nhất;
- Kinh doanh gắn với trách nhiệm xã hội: xây dựng hình ảnh nhà mạng thân thiện vì đất nước và vì cộng đồng khách hàng.

Viettel Global đã khai thác mặt tích cực của rủi ro này và đã tạo được lợi thế cạnh tranh bền vững tại các thị trường đầu tư.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2024

1 | DỰ BÁO ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

❖ BỐI CẢNH QUỐC TẾ:

Tình hình tăng trưởng kinh tế toàn cầu và thách thức trong năm 2024.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu: Theo dự báo của IMF, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ đạt khoảng 3,1% trong năm 2024 tốt hơn năm 2023. Đây vẫn là mức tăng trưởng tích cực, cho thấy nền kinh tế thế giới đang tiếp tục phục hồi sau những ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được kỳ vọng sẽ được hỗ trợ bởi một số yếu tố: Sự phục hồi của nhu cầu tiêu dùng và đầu tư; Sự tăng trưởng của thương mại quốc tế; Sự phục hồi của các nền kinh tế đang phát triển.

Tăng trưởng của doanh số bán lẻ, sản xuất vẫn đang được mở rộng, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng, GDP và các chỉ số kinh tế vĩ mô dự báo sẽ tăng. Điều đó cho thấy nhu cầu tiêu dùng đang phục hồi, các doanh nghiệp tăng đầu tư, thương mại quốc tế tăng trở lại và sự phục hồi của các nền kinh tế đang phát triển.

❖ BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG VIETTEL ĐẦU TƯ

Theo dự báo của các tổ chức kinh tế uy tín, tăng trưởng GDP tại các thị trường Viettel đầu tư đều khởi sắc ở mức cao so với tăng trưởng năm 2023 do đa phần các quốc gia Viettel đầu tư thiên về xuất khẩu các sản phẩm cơ bản, thiết yếu (các sản phẩm nông

Bên cạnh những dự báo tăng trưởng thì các chỉ số liên quan đến lạm phát, tăng lãi suất ... là Thách Thức Cho Tăng Trưởng Kinh Tế Toàn Cầu

Lạm Phát: Dù giảm xuống 5,8% năm 2024 theo dự báo của IMF, nhưng vẫn ở mức cao, có thể ảnh hưởng đến sức mua và chi phí sản xuất.

Lãi Suất Tăng: Dự kiến lãi suất trung bình của các nước phát triển sẽ tăng, có thể giảm chi tiêu và đầu tư.

Cán Cân Thanh Toán: Thâm hụt cán cân thanh toán toàn cầu dự kiến đạt 1,5% GDP năm 2024.

Yếu Tố Chính Trị: Chiến tranh, biến động chính trị, và kết quả bầu cử khó lường có thể gây sự mất ổn định toàn cầu.

Chính Sách Chính Phủ: Các chính sách thuế và tiền tệ có thể ảnh hưởng lớn đến kinh tế.

ng nghiệp, thủy sản, khai khoáng...). Lạm phát có xu hướng ổn định trở lại so với năm 2023, tuy nhiên tỷ giá dự báo vẫn tiếp tục tăng, là nguyên nhân chính gây sụt giảm lợi nhuận quy đổi chuyển về Việt Nam.

❖ BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ

Dịch vụ viễn thông truyền thống dự kiến mức tăng trưởng tương đương với năm 2023 (3%), khi mức độ thâm nhập viễn thông cũng như 4G tại nhiều quốc gia bắt đầu đạt đến ngưỡng.

Dịch vụ số khách hàng doanh nghiệp

Bên cạnh dịch vụ Viễn thông truyền thống, Viettel Global định hướng các công ty thị

trường chuyển dịch dần sang các mảng dịch vụ khách hàng doanh nghiệp dựa trên thế mạnh Viettel (hạ tầng truyền dẫn rộng khắp, khả năng đáp ứng kết nối băng thông rộng) bên cạnh việc tận dụng kinh nghiệm và kiến thức của các Tổng công ty trong nước trong lĩnh vực cung cấp giải pháp số cho chính phủ (chính phủ điện tử, đô thị thông minh) và doanh nghiệp.

2 ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Với những kết quả đã đạt được trong năm 2023 và các dự báo về tình hình kinh tế, chính trị, xu hướng phát triển ngành viễn thông và công nghệ năm 2024. HĐQT xác định mục tiêu trong năm 2024 như sau:

- Chủ động nghiên cứu, phân tích chính sách, thuê tư vấn đánh giá chuyên sâu những lĩnh vực mới và khó, đảm bảo đầu tư hiệu quả, tận dụng được tối đa các cơ hội cho hoạt động SXKD tại các thị trường.
- Duy trì sự hỗ trợ trực tiếp cho thị trường, đặc biệt là những vấn đề mới, nhiều khó khăn. Đánh giá chuyên sâu các lĩnh vực bao gồm cả lĩnh vực cũ và mới để giảm thiểu tối đa các rủi ro.

- Thúc đẩy Chuyển đổi số tại Tổng Công ty và các Công ty thị trường để nâng cao sự chuyên nghiệp, hiệu quả trong quản trị nội bộ cũng như trong hoạt động kinh doanh.
- Đa dạng hóa hoạt động M&A: Chủ động trong nguồn vốn, tăng cường hoạt động Mergers and Acquisitions (M&A), và mở rộng thị trường mới khi có cơ hội phù hợp với chiến lược chung của Tổng công ty.
- Duy trì định hướng “Thượng Tôn Pháp Luật và Hải Hòa Lợi Ích” trong mọi hoạt động, quyết định của doanh nghiệp.

3 ĐỊNH HƯỚNG THEO CÁC LĨNH VỰC

❖ VỀ HOẠT ĐỘNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Tập trung mọi nguồn lực cần thiết, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu SXKD năm 2024 theo các nhóm dịch vụ chính

- Dịch vụ viễn thông truyền thống: Vẫn đóng vai trò chủ đạo để tối đa hoá lợi nhuận. Ưu tiên đầu tư chuyển đổi công nghệ. Tập trung nguồn lực tại các khu vực dư địa phát triển. Giữ vị trí nhà mạng số một tại thị trường.

- Dịch vụ ngoài viễn thông truyền thống: Hợp tác và mở rộng với các doanh nghiệp trong Giải pháp số, Nội dung số, Thương mại số, Tài chính số. Ứng dụng triển khai để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tạo nguồn động lực mới cho tăng trưởng doanh thu.

- Tốc độ tăng trưởng: Duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức 2 con số. Tăng trưởng Viễn Thông truyền thống >10%, dịch vụ ngoài >20% - 30%. Đứng đầu tại các thị trường với dịch vụ hiện tại và tương lai (Ví điện tử, Super App).

- Những thị trường chủ lực (thị trường có tỉ trọng doanh thu cao, thuê bao lớn) Duy trì vững chắc vị thế số một về thuê bao viễn thông. Nâng cao hiệu quả lợi nhuận và gia tăng giá trị khách hàng. Định hình hệ sinh thái dịch vụ ngoài Viễn Thông truyền thống. Đảm bảo sự tập trung, hiệu quả, và sẵn sàng đối mặt với thách thức từ đối thủ, đồng thời mở rộng khả năng phục vụ khách hàng qua các dịch vụ số tiên tiến.

❖ VỀ HOẠT ĐỘNG KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ

- VoLTE và Mạng 4G/5G: Thúc đẩy chuyển đổi sử dụng dịch vụ thoại VoLTE để giảm tài nguyên cho công nghệ cũ và tập trung phát triển mạng 4G, hướng tới 5G.

- Đầu tư 4g và tối ưu chi phí: Đầu tư mở rộng 4G, ưu tiên thiết bị mixmode cho 5G. Hạn chế tối đa đầu tư 3G, chỉ đầu tư 2G cho vùng phủ thoại 4G. Tái sử dụng hiệu quả thiết bị 3G để tối ưu chi phí.

- Xây dựng mạng lưới hiệu quả và thân thiện môi trường: Áp dụng công nghệ mới, ứng dụng tự động hoá vào VHKT. Triển khai giải pháp Pin Mặt trời cho trạm không điện. Hoàn thành triển khai công cụ VHKT OSS theo quy hoạch.

- Phát triển hạ tầng CNTT và ưu tiên các thị trường tại Châu Á: Xây dựng hạ tầng CNTT, phát triển Data center, Cloud, Bigdata. Định hướng phát triển theo xu thế thế giới, ưu tiên thị trường truyền thống Châu Á.

- Nghiên cứu và áp dụng công nghệ mới: Áp dụng công nghệ mới vào mạng lưới thực tế ở các thị trường (Cơ điện (tuabin gió, PMT hiệu suất cao, minishelter, HE Power 96% -98%...); mạng lõi (ảo hóa node mạng core; triển khai IMS, MSC, EPC trên nền tảng cloud, VoLTE roaming...); CDBR (XGSPON 10G, Wifi6...), CNTT (hạ tầng hybrid vCloud, Lưu trữ SAN All Flash, các giải pháp ATTT: WAF, AntiDDos).

- Giải quyết rủi ro và nâng cao chất lượng mạng lưới: Xác định năm 2024 là năm của chất lượng, giải quyết triệt để rủi ro kỹ thuật, trong đó: (i).Đảm bảo backup và dự phòng tại các thị trường; (ii). Nâng cấp hạ tầng Công nghệ thông tin (CNTT) và hợp đồng dịch vụ SLA (Service Level Agreement) cho các phần tử trọng yếu mạng core; (iii). Nâng cấp mạng truyền dẫn để cải thiện chất lượng dịch vụ Viettel Global định hướng đối với các thị trường Châu Phi cần tiếp tục đầu tư vào mạng 4G tại những khu vực còn dư địa phát triển. Chuẩn bị sẵn sàng cho 5G để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người dùng. Tập trung vào việc phát triển các dịch vụ số mới dựa trên nền tảng 4G, dịch vụ internet băng thông rộng tại thị trường khu vực Châu Á và Châu Mỹ La tinh.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu và áp dụng các công nghệ mới vào mạng lưới để nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí vận hành.

❖ VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VỐN

- Tuân thủ Chuẩn Mục kế toán Quốc Tế: Áp dụng chuẩn mục quản trị tài chính quốc tế để đảm bảo tính toàn cầu và tuân thủ các tiêu chuẩn kế toán quốc tế
- Quản lý nguồn vốn và hiệu quả đầu tư: Đảm bảo nguồn vốn đầu tư đủ và hiệu quả thông qua quản lý chặt chẽ; Theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu suất đầu tư theo từng dự án tại mỗi thị trường đầu tư.
- Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tài chính toàn diện: Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tài chính với tầm nhìn toàn cầu, đặc biệt quan tâm đến biến động tỉ giá và chính sách tiền tệ. Mục tiêu là giảm thiểu biến động không mong muốn trong môi trường kinh doanh quốc tế, duy trì và phát triển vốn đầu tư.
- Tối ưu hóa nguồn vốn tại các thị trường: Duy trì chiến lược vốn linh hoạt, sử dụng vốn thông qua các chiến lược tài trợ vốn phù hợp với từng thị trường. Tối ưu hóa nguồn vốn thông qua việc sử dụng các công cụ tài chính sẵn có tại trường.
- Tiếp tục Giải pháp vốn qua M&A và tái cơ cấu: Năm 2024 đặt ra những bước quan trọng về giải pháp vốn thông qua M&A và tái cơ cấu vốn. Tạo nguồn doanh thu mới, đặc biệt tại các thị trường có biến động lớn về tỉ giá, như Châu Phi và Mỹ La tinh

Viettel Global cần tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính quốc tế để đáp ứng nhu cầu phát triển của tập đoàn. Tập trung vào việc quản lý rủi ro tài chính trong môi trường kinh doanh quốc tế ngày càng biến động. Tiếp tục tìm kiếm các giải pháp vốn mới để đầu tư vào các thị trường tiềm năng.

❖ VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

- *Thương hiệu tuyển dụng mạnh mẽ*: Hướng công ty thị trường trở thành thương hiệu tuyển dụng hàng đầu tại nước sở tại bằng cách đa dạng hóa và chú trọng vào các chiến lược tuyển dụng sáng tạo, thu hút và hiệu quả.
- *Xây dựng đội ngũ chuyên môn cao*: Tập trung vào việc phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng thông qua các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng và kiến thức. Đào tạo để khuyến khích sự gắn bó lâu dài để tạo ra đội ngũ nòng cốt vững và chuyên nghiệp.
- *Cơ chế đãi ngộ cạnh tranh*: Thực hiện nghiên cứu và triển khai cơ chế đãi ngộ cạnh tranh tại các thị trường quốc tế. Tối ưu hóa quản lý lao động bằng cách áp dụng phương án thuê ngoại trong các lĩnh vực giản đơn, đảm bảo mang lại giá trị cao nhất cho công ty.
- *Tối ưu chi phí hoạt động, nâng cao hiệu suất, hiệu quả*: Đẩy mạnh việc thuê ngoài các công việc, lĩnh vực giản đơn đem lại ít giá trị nhằm tối ưu lại bộ máy tổ chức.

Viettel Global cần tập trung xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực bài bản, đồng bộ, phù hợp với định hướng chiến lược của tập đoàn.

Cần chú trọng phát triển đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, sáng tạo, có khả năng thích ứng với môi trường làm việc quốc tế.

Các công ty thị trường cần tiếp tục đầu tư vào công nghệ để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhân sự.

❖ VỀ TRUYỀN THÔNG/ PHÁP CHẾ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

- *Hoạt động truyền thông*: Xây dựng Chiến lược Truyền thông Toàn cầu, tạo ra kế hoạch truyền thông tích hợp, đảm bảo sự nhất quán và hiệu quả tại Việt Nam và tại các thị trường Viettel đang đầu tư. Ưu tiên Phương tiện Truyền thông Quốc tế, sử dụng các phương tiện truyền thông có tầm ảnh hưởng lớn trên phạm vi toàn cầu để tối ưu hóa tiếp cận và tăng cường uy tín.
- *Chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị rủi ro*: Quản trị rủi ro toàn trình đặc biệt trong vấn đề quản lý rủi ro tài chính để giảm thiểu tác động của biến động tỉ giá và tình hình kinh doanh quốc tế không ổn định bên cạnh việc đánh giá và Phòng Ngừa Rủi Ro Công Nghệ thông qua Triển khai các biện pháp an ninh thông tin và công nghệ để ngăn chặn và giảm thiểu rủi ro về an toàn thông tin.
- *Pháp lý hoá quản trị và chuyên nghiệp hóa pháp chế*: Tiến hành pháp lý hoá các hoạt động quản trị, chuyên nghiệp hoá công tác pháp chế. Đồng bộ hóa toàn bộ quy trình và

quy định, đảm bảo bộ máy hoạt động chuyên nghiệp và tuân thủ tinh thần thượng tôn pháp luật. Đảm bảo công tác quản trị, giám sát xuyên suốt từ Tổng công ty tới từng công ty thị trường.

Hợp tác với các đơn vị tư vấn quốc tế uy tín để nghiên cứu và áp dụng chính sách trong ngành Viễn thông, Tài chính điện tử, CNTT và dịch vụ số mới.

Việc đẩy mạnh hoạt động truyền thông, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị rủi ro và pháp lý hóa quản trị sẽ góp phần nâng cao uy tín và thương hiệu của Viettel trên thị trường quốc tế.

Viettel Global cần tiếp tục đầu tư vào các lĩnh vực này để duy trì vị thế là một tập đoàn viễn thông hàng đầu trong khu vực và trên thế giới.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong thời kỳ hiện nay, việc gắn kết hoạt động kinh doanh với các Mục Tiêu Phát Triển Bền Vững (SDGs) của Liên Hiệp Quốc không chỉ là một nhiệm vụ mà còn là một cơ hội để doanh nghiệp tăng cường giá trị cho xã hội và môi trường. Viettel Global nhận thức rằng việc hỗ trợ các SDGs không chỉ mang lại lợi ích xã hội mà còn tạo ra những lợi ích kinh doanh dài hạn.

Mục tiêu của Viettel Global không chỉ là để đáp ứng yêu cầu của thị trường mà còn là để tạo ra giá trị cho cộng đồng và môi trường. Điều này không chỉ là trách nhiệm xã hội mà còn là chiến lược chiếm lĩnh thị trường bền vững và đề xuất một mô hình phát triển kinh doanh mới, có trách nhiệm và tích cực góp phần vào sự thịnh vượng chung.

❖ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG BÁO CÁO:

Nội dung báo cáo được xây dựng trên cơ sở tham chiếu:

- Các nguyên tắc, hướng dẫn của khung tiêu chuẩn chung mới nhất do tổ chức GRI ban hành (Universal Standards 2021).
- Các tiêu chuẩn ngành do Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Bền vững (Sustainability Accounting Standards Board – SASB) ban hành.
- 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (17 SDGs).

❖ TẦM NHÌN VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

Tầm nhìn của Viettel Global là trở thành một doanh nghiệp công nghệ hàng đầu trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia nơi Viettel Global đầu tư. Chiến lược phát triển bền vững của Viettel Global được xây dựng dựa trên các nguyên tắc sau:

- Phát triển kinh doanh bền vững: Viettel Global cam kết phát triển kinh doanh hiệu quả, mang lại lợi ích cho các cổ đông, khách hàng, đối tác và xã hội.
- Bảo vệ môi trường: Viettel Global nỗ lực giảm thiểu tác động của các hoạt động kinh doanh đến môi trường.
- Trách nhiệm xã hội: Viettel Global cam kết đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia nơi Viettel Global đầu tư

❖ KHUNG ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU:

Tập trung vào 3 trụ cột quan trọng: xã hội, môi trường và quản trị. Các trụ cột này thể hiện các nhóm chủ đề chiến lược:

- Phát triển nhân sự: chú trọng phát triển nguồn nhân lực toàn diện, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

- Kiến tạo xã hội số: những nỗ lực mang lại lợi ích cho toàn bộ cộng đồng, sử dụng công nghệ số để thúc đẩy sự phát triển toàn diện của xã hội.

❖ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐẾN CỘNG ĐỒNG

Các hoạt động kinh doanh của Viettel Global đã và đang mang lại những tác động tích cực đến môi trường, xã hội và kinh tế của các quốc gia nơi Viettel Global đầu tư.

- Tác động tích cực đến môi trường: Hoạt động kinh doanh của Viettel Global có nhiều yếu tố ảnh hưởng, trong đó có các yếu tố khách quan như điều kiện tự nhiên, quy định của pháp luật, nhu cầu của khách hàng,... Do đó, việc quản trị các tác động đến môi trường của Viettel Global là một thách thức. Tuy nhiên, Viettel Global luôn nỗ lực giảm thiểu tác động của các hoạt động kinh doanh đến môi trường như giảm

❖ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Phát triển nhân sự: Trong khoảng thời gian 3-5 năm tới, Viettel Global hướng đến mục tiêu phát triển và duy trì một đội ngũ nhân sự chất lượng cao. Để làm được điều này, Viettel Global đã và đang đầu tư vào chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng, tạo điều kiện làm việc tích cực, và thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới trong công việc. Viettel Global cam kết giữ cho môi trường làm việc tích cực và hỗ trợ sự phát triển cá nhân và sự nghiệp của mỗi nhân viên.

- Kiến tạo xã hội số: Viettel Global dự định phát triển và triển khai các giải pháp số có

- Bảo vệ môi trường: cam kết bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường và sức khỏe con người.

- Quản trị minh bạch và trách nhiệm: Cam kết minh bạch trong quá trình quản trị, chúng tôi đặt trách nhiệm và tính minh bạch làm nền tảng của mọi quyết định và hành động.

thiểu rác thải, tiết kiệm năng lượng, triển khai các chương trình bảo vệ môi trường...

- Tác động tích cực đến xã hội: Viettel Global đã tạo ra hàng ngàn việc làm cho người dân tại các quốc gia nơi Viettel Global đầu tư. Viettel Global cũng đã đóng góp tích cực vào phát triển giáo dục và đào tạo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Tác động tích cực đến kinh tế: Viettel Global đã đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế của các quốc gia nơi Viettel Global đầu tư.

ảnh hưởng tích cực đến xã hội trong thời gian tới, bao gồm việc phát triển ứng dụng và dịch vụ số hóa, đồng thời tạo ra các chương trình và dự án để tăng cường kiến thức số và kỹ năng công nghệ trong cộng đồng. Những nỗ lực này liên kết với mục tiêu số 9 (Infrastructures), số 4 (Quality Education), và số 8 (Decent Work and Economic Growth) trong 17 mục tiêu SGDs.

- Bảo vệ môi trường: Viettel Global cam kết giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe con người qua việc tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu rác thải và kiến tạo khu

làm việc xanh - hướng tới mục tiêu 13 (Climate Action), 12 (Sustainable Consumption and Production) và 3 (Good Health and Well-Being).

- Quản trị minh bạch và trách nhiệm: Viettel Global cam kết duy trì và củng cố quản

trị minh bạch và trách nhiệm trong mọi hoạt động kinh doanh. Bằng cách này, Viettel Global mong muốn góp phần vào mục tiêu số 16 (Peace, Justice, and Strong Institutions) và số 17 (Partnerships for the Goals) thông qua việc xây dựng mối quan hệ đối tác bền vững và minh bạch.

1 | PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ BỀN VỮNG

Viettel Global luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá. Chính sách nhân sự của Tổng Công ty được xây dựng với mục đích biến nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh hàng đầu.

❖ QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

❖ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

- Thời gian làm việc: 8h/ngày, 44-48 tiếng/tuần tùy theo tính chất công của công việc.

- CBNV được hưởng chế độ nghỉ Lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo đúng quy định của Luật Lao động Việt Nam và các nước sở tại.

- Người lao động có 12 tháng làm việc tại công ty thì được nghỉ 12 ngày phép/năm hưởng nguyên lương. Cứ 5 năm làm việc tại hưởng nguyên lương. Cứ 5 năm làm việc tại

Tổng Công ty, nhân viên sẽ được tăng thêm 1 ngày nghỉ phép. Nghỉ ốm, thai sản: CBNV Tổng Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

- Điều kiện làm việc: Tổng Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

❖ CHÍNH SÁCH ĐÁNH GIÁ, THĂNG TIẾN VÀ PHÁT TRIỂN

- Mọi nhân viên phải tham gia đánh giá mức độ hoàn thành công việc của mình trong năm theo quy trình theo quy định của Tổng Công ty;

- Kết quả đánh giá là yếu tố quan trọng để xem xét việc tăng lương, thưởng, khả năng thăng tiến cũng như hạ cấp hoặc thôi việc của nhân viên.

- Chính sách thăng tiến và phát triển nghề nghiệp.

- Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực;

- Những nhân viên có khả năng làm việc tốt, có khả năng thích ứng và đầy đủ các tố chất và tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu hoạt động thực tế của Tổng Công ty đều có cơ hội thăng tiến theo cấp bậc nghề nghiệp hoặc cấp bậc quản lý của Công ty.

❖ CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG VÀ ĐÃI NGỘ

● **Chính sách tiền lương:** Tổng Công ty có chế độ lương thưởng phù hợp với đặc trưng vị trí và công việc cụ thể, đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng các quy định của pháp luật. Chính sách tiền lương Viettel Global xây dựng dựa trên tiêu chí công bằng, minh bạch và phù hợp với quy định của pháp luật nhằm mục tiêu khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao.

● **Chính sách thưởng:**

■ **Thưởng quý và thưởng năm:** Để ghi nhận sự đóng góp của CBCNV trong Tổng Công ty, hàng quý, hàng năm, CBCNV đều được nhận tiền thưởng tùy theo kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

■ **Thưởng sáng kiến ý tưởng:** Vào ngày thành lập Tập đoàn hàng năm, Tổng Công ty sẽ tổ chức ngày hội sáng kiến ý tưởng để khuyến khích nhân viên luôn có sự sáng tạo và đầu tư trong công việc. Những ý tưởng xuất sắc, có sáng tạo, cải tiến mang lại lợi ích cho Tổng Công ty sẽ được vinh danh và trao thưởng.

■ **Thưởng khi có thành tích cao trong công việc:** Các CBCNV Viettel Global có thành tích cao trong công việc và có đóng góp vào sự phát triển cho thương hiệu Viettel toàn cầu bên cạnh việc được tuyên dương khen thưởng bằng hiện vật hoặc tiền mặt sẽ được chọn để tham dự các hội thảo, hội nghị chuyên ngành viễn thông trên thế giới (Hội nghị Di động Thế giới v.v). Đặc biệt, các cá nhân có thành tích còn có cơ hội tham dự sự kiện tôn vinh thường niên Viettel's Star cấp Tập đoàn được tổ chức tại Việt Nam. Chính sách này đặc biệt ưu tiên cho CBCNV người nước ngoài đang làm việc tại các Công ty con của Viettel Global. Đây là

cơ hội tốt để CBCNV được học hỏi kinh nghiệm, trau dồi kiến thức cũng như được sống trải nghiệm tại một quốc gia khác.

● **Chính sách phúc lợi:**

■ Viettel Global có chính sách toàn diện để tăng cường sự hài lòng và cam kết của nhân viên và tạo ra một môi trường làm việc tích cực, nơi mà nhân viên được đánh giá cao và được quan tâm đến cảm xúc và nhu cầu cá nhân. Trong đó, các chính sách dành cho người thân của CBCNV là một trong những nét khác biệt của Viettel so với các doanh nghiệp khác, thể hiện một trong những giá trị cốt lõi 'Viettel là ngôi nhà chung'.

■ **Chính sách phúc lợi** luôn được nghiên cứu và điều chỉnh hàng năm nhằm tạo mức phúc lợi tốt nhất cho CBCNV, tạo động lực, khích lệ nhân viên đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của Tổng Công ty. Một số chính sách phúc lợi chính như sau:

● **Chính sách chăm sóc sức khỏe:** Ngoài việc đảm bảo các loại bảo hiểm theo quy định của nhà nước, Tổng Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBCNV, mua bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe cho CBCNV. Ngoài ra, cán bộ nhân viên công tác ở nước ngoài sẽ được mua bảo hiểm toàn cầu. Mục tiêu là tạo ra một môi trường làm việc lành mạnh và cải thiện sức khỏe tổng thể, giảm thiểu rủi ro về sức khỏe, nâng cao năng suất, tăng sự hài lòng của nhân viên.

● **Chính sách du lịch nghỉ dưỡng:** Toàn bộ CBCNV được nghỉ 5 ngày (tính cả thứ 7 và chủ nhật), không tính trong thời gian nghỉ phép. Đặc biệt, CBCNV được đăng ký nghỉ bất kỳ thời gian nào trong năm, thay vì chỉ nghỉ trong đợt hè như những công ty khác. Chính sách này được đưa ra nhằm chăm lo

nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV, tạo điều kiện để người lao động được nghỉ ngơi, tái tạo sức lao động.

● **Chính sách đặc biệt dành cho người thân của CBCNV:** Để động viên CBCNV khắc phục khó khăn và yên tâm công tác, Tổng Công ty luôn có các chế độ, chính sách kịp

❖ CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

● **Chính sách tuyển dụng:**

■ Mục tiêu tuyển dụng của Viettel Global là thu hút nhân tài, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, năng lực, đáp ứng được yêu cầu công việc và góp phần vào chiến lược phát triển lâu dài của Tổng Công ty.

Việc tuyển dụng được dựa trên nhu cầu lao động. Viettel Global tiến hành thi tuyển với những tiêu chuẩn nhất định mà Tổng Công ty đã đặt ra. Tiêu chí tuyển dụng dựa trên tố chất, tiềm năng và thiện chí của mỗi ứng viên.

● **Chính sách đào tạo**

■ Về năng lực chuyên môn: Công ty luôn chú trọng vào việc đào tạo chuyên sâu cho CBCNV để nâng cao kỹ năng, trình độ chuyên môn, hỗ trợ nhân viên phát triển nghề nghiệp cá nhân cũng như tăng hiệu quả trong công việc. Không chỉ đào tạo CBCNV người Việt, Viettel Global còn chú trọng đến việc đào tạo, chuyển giao kiến thức cho CBCNV người sở tại. Hàng năm, Viettel Global đều tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn 3-6 tháng cho nhân sự nước ngoài được học tập và trải nghiệm công việc tại Việt Nam. Nhờ đó, hiện nay toàn bộ công ty tại thị trường đã có nhân sự sở tại được chuyển giao các vị trí quan trọng tại các Công ty con sau khi được đào tạo: Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Công ty, Giám đốc Chi nhánh...

thời hỗ trợ đến người thân của CBCNV khi ốm đau, điều trị tại bệnh viện; bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt; gặp bệnh hiểm nghèo, hiểm muộn...; hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho người thân, tặng quà Tết nguyên đán cho gia đình, thưởng cho con em đạt học sinh giỏi, v.v..

● Về ngoại ngữ: Với vị thế là Tổng Công ty mang tính toàn cầu, Viettel Global chú trọng đào tạo cho CBCNV về mặt ngoại ngữ (tiếng Anh, ngôn ngữ sở tại đối với CBCNV người Việt và tiếng Việt đối với CBCNV người sở tại) giúp CBCNV dễ dàng tiếp cận, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình làm việc.

■ Về kinh nghiệm thực tiễn: Viettel Global luôn có các buổi hội thảo về bài học thành công, thất bại đã được đúc kết qua thực tiễn triển khai công việc, từ đó CBCNV có thể tích lũy thêm được rất nhiều kinh nghiệm khi xử lý các vấn đề phát sinh.

● Về văn hóa doanh nghiệp:

■ Với sứ mệnh của một công ty đa quốc gia, ngoài việc tổ chức các chương trình nhằm giúp CBCNV hiểu rõ về lịch sử và văn hóa tại Việt Nam, Viettel Global còn có các chương trình đào tạo về văn hóa của từng thị trường, các kỹ năng giao tiếp tại nước sở tại, kỹ năng làm việc tại nước ngoài. Do vậy, các nhân sự người Việt tại nước ngoài đều có khả năng dẫn dắt, truyền lửa cho nhân viên sở tại để họ hiểu hơn, gắn kết với công ty, xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững.

■ Hình thành và thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp tích cực, nơi mọi người cảm thấy đánh giá cao và quan trọng, tạo nên một không khí tích cực và khích lệ sự đồng lòng;

Tạo điều kiện cho việc giao tiếp, đối thoại cởi mở và hiệu quả giữa cấp quản lý và nhân viên, khuyến khích việc chia sẻ thông tin; Xây dựng mối quan hệ và tương tác tích cực giữa các nhân viên.

◆ AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

❖ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

- Viettel Global cam kết tuân thủ mọi quy định pháp luật liên quan đến AT-SKNN tại các quốc gia hoạt động.

- Viettel Global phát triển các văn bản nội bộ về AT-SKNN, bao gồm quy trình, quy định, và sổ tay an toàn lao động lưu hành nội bộ. Mỗi văn bản được thiết kế để đáp ứng yêu cầu cụ thể của từng nhóm đối tượng như nhân viên kỹ thuật, nhân viên xây dựng hạ tầng, lái xe và những đối tượng tương tự.

❖ DỊCH VỤ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Các chức năng của dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp góp phần vào việc nhận diện và loại bỏ các mối nguy hiểm và giảm thiểu rủi ro bao gồm:

- Cung cấp các dịch vụ khám sức khỏe định kỳ để phát hiện sớm các bệnh tật tiềm ẩn.

❖ HUẤN LUYỆN NHÂN VIÊN SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Viettel Global có triển khai các khóa huấn luyện về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động tại các Công ty thị trường. Các khóa huấn luyện nhằm đảm bảo rằng nhân viên hiểu rõ và tuân thủ các biện pháp an toàn liên quan đến công việc và môi trường làm việc của họ.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp: xây dựng văn hóa doanh nghiệp dựa trên 8 giá trị cốt lõi của Tập đoàn. Văn hóa doanh nghiệp giúp nhân viên có chung mục tiêu, định hướng và hành động, từ đó tăng cường sự đoàn kết trong tập thể.

- Viettel Global cam kết tổ chức đánh giá định kỳ và điều chỉnh các văn bản này AT-SKNN để đảm bảo tính hiệu quả và đáp ứng mọi thay đổi trong điều kiện làm việc và yêu cầu pháp luật.

- Mọi văn bản liên quan đến AT-SKNN được ban hành bằng ngôn ngữ bản địa để đảm bảo hiểu quả trong việc truyền đạt thông tin.

- Tư vấn và hỗ trợ nhân viên trong việc sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) một cách đúng cách.

- Đào tạo nhân viên về các mối nguy hiểm và biện pháp phòng ngừa tại nơi làm việc.

Các khóa huấn luyện được tổ chức ít nhất một lần mỗi năm đối với tất cả nhân viên. Đối với các vị trí công việc có nguy cơ cao, các khóa huấn luyện được tổ chức thường xuyên hơn.

❖ NÂNG CAO SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG

Viettel Global cam kết đảm bảo rằng người lao động tại Công ty mẹ và Công ty thị trường có điều kiện tiếp cận các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe phi nghề nghiệp đầy đủ và hiệu quả.

- Bảo hiểm y tế (bắt buộc/tự nguyện/toàn cầu): Tất cả nhân viên đều được đăng ký vào các chương trình bảo hiểm y tế, đảm bảo họ có quyền tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản và cần thiết. Viettel Global cung cấp các chính sách bảo hiểm toàn diện, bao gồm chi phí khám chữa bệnh, điều trị, và các dịch vụ hỗ trợ khác.

❖ THƯƠNG TẬT LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG VIỆC

Tính đến hết tháng 12 năm 2023, Viettel Global chưa ghi nhận bất kỳ trường hợp tai nạn lao động nào.

Việc thực hành các biện pháp giảm thiểu nguy hiểm tuân thủ theo các quy định thường quy của Tập đoàn.

Với những nỗ lực này, Viettel Global tin tưởng rằng sẽ tiếp tục duy trì môi trường làm việc an toàn và lành mạnh cho tất cả

- Mở rộng chính sách bảo hiểm sức khỏe để bao gồm cả người thân của nhân viên, giúp mọi thành viên trong gia đình có quyền lợi y tế. Vì một số lý do về nguồn lực, hiện tại chính sách này chỉ áp dụng cho nhóm đối tượng làm việc tại công ty mẹ.

- Tổ chức các chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm cho 100% nhân viên, trong đó có kiểm tra tầm soát ung thư, để đảm bảo phát hiện sớm các nguy cơ bệnh lý không xuất phát từ môi trường làm việc.

nhân viên, góp phần vào sự phát triển bền vững của công ty.

Ngoài ra, Viettel Global cũng đang xem xét triển khai các hoạt động tham gia của người lao động, tham vấn và truyền thông về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Các hoạt động này được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người lao động trong việc thực hiện các biện pháp an toàn tại nơi làm việc.

◆ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Viettel Global là một doanh nghiệp viễn thông đa quốc gia, hoạt động tại hơn 10 quốc gia trên thế giới. Để đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp, Viettel Global luôn chú trọng đến việc nâng cao năng lực của nhân viên thông qua các chương trình giáo dục và đào tạo. Viettel Global cam kết cung cấp các chương trình giáo dục và đào tạo chất lượng cao nhằm nâng cao năng lực của nhân viên, đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.

Theo số liệu được cung cấp, số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên tại Viettel Global không có sự thay đổi đáng kể trong giai đoạn 2022-2023. Cụ thể, năm 2023 là 34.60 giờ/nhân viên, năm 2022 là 32.99 giờ/nhân viên. Tuy nhiên,

nếu phân tích kỹ hơn, có thể thấy một số điểm đáng chú ý sau:

- Số giờ đào tạo trung bình dành cho nhân viên nữ có xu hướng tăng nhẹ, từ 33.98 giờ/nhân viên năm 2022 lên 34.59 giờ/nhân viên năm 2023. Điều này cho thấy mức độ quan tâm hơn đến việc đào tạo và phát triển đối tượng nhân viên nữ.
- Theo khuyến nghị của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên nên đạt ít nhất 24 giờ. Số giờ đào tạo của Viettel Global đạt 34 giờ/nhân viên/năm, cao hơn khuyến nghị của ILO. Điều này cho thấy Viettel Global đang quan tâm đến việc đào tạo và phát triển nhân viên.

❖ CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN

- Chương trình đào tạo nội bộ: Các chương trình đào tạo nội bộ được thiết kế và triển khai bởi Viettel Global nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo của nhân viên, bao gồm các khóa đào tạo về kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, và kỹ năng quản lý, ngoại ngữ Tiếng Anh, và tiếng địa phương, an toàn lao động, văn hóa doanh nghiệp, v.v...

- Chương trình đào tạo bên ngoài: Viettel Global cũng hợp tác với các tổ chức đào tạo uy tín để tổ chức các khóa đào tạo bên ngoài cho nhân viên, bao gồm các khóa đào tạo về công nghệ mới, kỹ năng lãnh đạo, và kỹ năng kinh doanh.

❖ CHƯƠNG TRÌNH GLOBAL MOBILITY - LUÂN CHUYỂN TOÀN CẦU

- Chương trình Global Mobility là sáng kiến nhằm tăng cường và phát triển kỹ năng cho nhân viên, đặc biệt là cán bộ quản lý, thông qua việc tạo cơ hội luân chuyển toàn cầu và đào tạo trực tiếp trong quá trình làm việc thực tế (on-job training).

- Chương trình áp dụng cho nhân sự tài năng (cán bộ nguồn) người sở tại ở các công ty thị trường. Chương trình này được triển khai trên phạm vi toàn cầu, với tổ chức

định kỳ 2 khóa đào tạo mỗi năm. Hiện nay, chương trình đã hoàn thành đợt đào tạo đầu tiên và đang tiếp tục triển khai đợt thứ hai.

- Chương trình Global Mobility không chỉ mang lại nhiều lợi ích cho nhân viên, bao gồm tăng cường kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm, mà còn giúp họ hiểu biết sâu sắc về văn hóa và môi trường làm việc quốc tế. Đồng thời, chương trình còn nâng cao khả năng thích ứng và giải quyết vấn đề trong môi trường làm việc đa văn hóa.

2 | KIẾN TẠO XÃ HỘI SỐ

❖ ĐA DẠNG, CÔNG BẰNG, HÒA HỢP

Viettel Global cam kết xây dựng môi trường làm việc đa dạng, công bằng, và hòa hợp, nơi mọi người được tôn trọng và đối xử bình đẳng, bất kể chủng tộc, tôn giáo, giới tính, tuổi tác, hay hoàn cảnh xã hội. Công ty tôn trọng quyền con người của tất cả nhân viên, khách hàng, và đối tác, và cam kết không phân biệt đối xử, kỳ thị, hoặc xâm hại quyền con người của bất kỳ cá nhân hay nhóm nào.

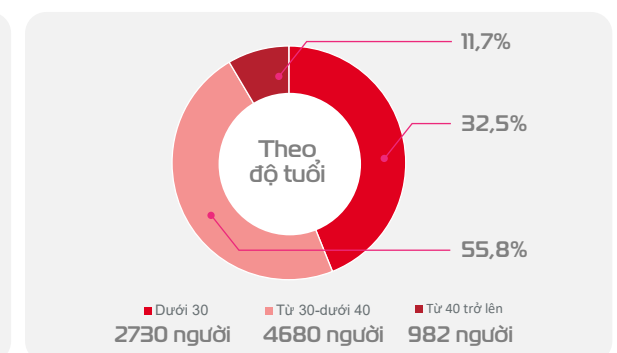
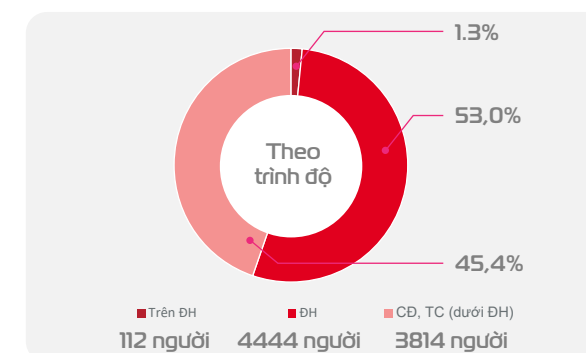
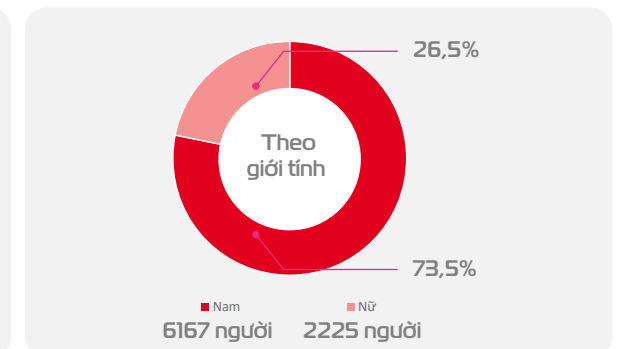
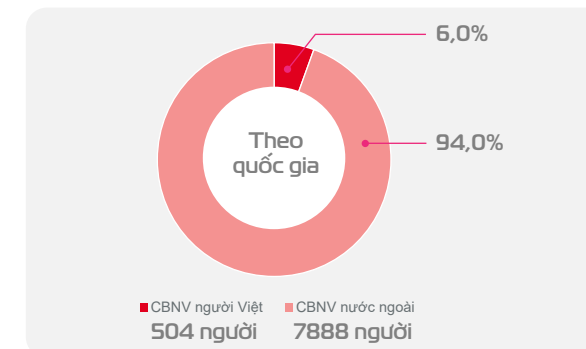
Là một doanh nghiệp với mô hình hoạt động xuyên quốc gia, Viettel tự hào về sự đa dạng trong môi trường làm việc, đặc biệt ở cách khía cạnh sau:

- **Đa dạng văn hóa:** Nhân viên của Viettel Global đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau, tạo ra một môi trường làm việc phong phú với sự đa dạng trong ngôn ngữ, phong tục, và giá trị.

- **Đa dạng về kỹ năng và kinh nghiệm:** Nhân viên của Viettel Global có trình độ và kinh nghiệm đa dạng, từ những người mới gia nhập ngành đến những chuyên gia có nhiều kinh nghiệm tại nhiều các lĩnh vực khác nhau.

- **Đa dạng về địa lý:** Nhân viên của Viettel Global đến từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau, giúp tạo ra một tầm nhìn toàn cầu và sự hiểu biết đa chiều về thị trường và văn hóa.

CƠ CẤU NHÂN SỰ VIETTEL GLOBAL NĂM 2023



❖ CÔNG BẰNG VÀ BÌNH ĐẲNG TRONG QUÁ TRÌNH TUYỂN DỤNG

Viettel Global cam kết tuyển dụng mọi đối tượng, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính, tuổi tác, hay hoàn cảnh xã hội; thu hút và phát triển nhân tài từ cộng đồng địa phương.

Viettel Global thực hiện công tác tuyển dụng một cách công khai, minh bạch và bình

đẳng. Thông tin về các vị trí tuyển dụng được quảng bá rộng rãi và khuyến khích tất cả các ứng viên có tài năng và đam mê. Mọi ứng viên đều được đánh giá dựa trên năng lực, kinh nghiệm, và đối với một số vị trí, các bài kiểm tra kiến thức và kỹ năng cụ thể.

❖ TUYỂN DỤNG THÀNH VIÊN BAN LÃNH ĐẠO TỪ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Viettel Global có chính sách tuyển dụng thành viên ban lãnh đạo từ cộng đồng địa phương tại các thị trường mà công ty đang hoạt động. Mục tiêu của chính sách này là đảm bảo rằng quan điểm và giá trị của cộng đồng được đại diện trong quyết định lãnh đạo, tạo ra một sự liên kết mạnh mẽ và tương tác tích cực với cộng đồng, xây dựng mối quan hệ lâu dài và bền vững giữa

doanh nghiệp và cộng đồng địa phương thông qua đội ngũ lãnh đạo có nguồn gốc từ cộng đồng, và xây dựng hình ảnh tích cực trong cộng đồng.

Tỷ lệ thành viên ban lãnh đạo được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương của Viettel Global năm 2023 là 11,4% (4/35), đã có sự cải thiện so với năm 2022 (11,1%) và năm 2021 (10,7%).

❖ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN LÀM VIỆC TẠI QUỐC GIA KHÁC QUỐC TỊCH

Viettel Global tập trung vào việc khuyến khích sự luân chuyển linh hoạt và đảm bảo một môi trường làm việc thuận lợi cho nhân viên làm việc tại quốc gia khác quốc tịch, đa số là nhân sự người Việt Nam làm việc tại các thị trường nước ngoài. Các chế độ hấp dẫn được cung cấp nhằm giúp nhân

viên có trải nghiệm làm việc tích cực và thoải mái, bao gồm hỗ trợ nhà ở, chi phí đi lại bằng máy bay, bảo hiểm toàn cầu,... Mức phụ cấp chênh lệch mức sống được đánh giá và điều chỉnh linh hoạt dựa trên từng thị trường cụ thể để đảm bảo sự công bằng và hài lòng của nhân viên.

❖ MÔI TRƯỜNG HÒA NHẬP, TÔN TRỌNG

Viettel Global tạo môi trường làm việc hòa nhập, tôn trọng sự khác biệt, khuyến khích sự đa dạng về văn hóa, giới tính, độ tuổi,... Điều này giúp nhân viên từ cộng đồng địa phương cảm thấy thoải mái và được tôn trọng, từ đó gắn bó lâu dài với công ty.

Viettel Global chú trọng đào tạo và phát triển kỹ năng cho nhân viên, bao gồm cả nhân viên từ cộng đồng địa phương. Điều này giúp nhân viên nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của công việc và phát triển nghề nghiệp. Cơ hội đào tạo là công bằng, không phân biệt quốc tịch, cấp bậc.

❖ TRÁCH NHIỆM VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Hoạt động tại hơn 10 quốc gia trên thế giới, với sứ mệnh mang lại giá trị tốt nhất cho khách hàng, Viettel Global đặt trách nhiệm với khách hàng và chất lượng dịch

vụ là ưu tiên hàng đầu, không ngừng nỗ lực để đảm bảo sự công bằng trong tiếp cận dịch vụ và truy cập Internet cho mọi nhóm đối tượng

❖ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CAM KẾT ĐA DẠNG HÓA

Với hơn 65 triệu khách hàng trên toàn cầu, Viettel Global cam kết đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng cũng như mang dịch vụ đến cho mọi đối tượng, bất kể hoàn cảnh hay thu nhập.

Đặc biệt, Viettel Global đã triển khai các chính sách, gói cước ưu đãi dành riêng cho các nhóm đối tượng yếu thế như mua SIM miễn phí, gói cước ưu đãi về giá, tốc độ, dung lượng, v.v... Theo đó, tỷ lệ khách hàng sử dụng dịch vụ thuộc các nhóm yếu thế đã có xu hướng tăng trong giai đoạn 2021-2023, cụ thể, từ 17,2% lên 19%.

Đồng thời, Viettel Global chú trọng đến việc mở rộng dịch vụ và tiếp cận các vùng miền/địa phương kém ưu tiên. Với mức độ bao phủ của mạng lưới đạt trên 90% tại các quốc gia đầu tư, Viettel Global mang lại cơ hội tiếp cận dịch vụ và truy cập Internet tối đa đến mọi người dân vùng sâu vùng xa.

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ, Viettel Global đã sớm áp dụng CNTT trong việc giám sát và quản lý mạng lưới. Với việc áp

dụng các Phần mềm thông minh không chỉ giúp giám sát các thông tin chi tiết về các cảnh báo nguy cơ, sự cố mà còn đánh giá được xu hướng và hiệu suất của mạng lưới. Điều này giúp Viettel Global xác định và ứng cứu nhanh các sự cố, đồng thời đưa ra các giải pháp để cải thiện chất lượng dịch vụ. Ngoài ra, với việc công nghệ thông tin hóa còn giúp Viettel Global quản lý hiệu quả tài nguyên của mạng lưới, đảm bảo tính linh hoạt, nhất quán trong công tác quản trị giữa các đơn vị của Viettel Global.

Viettel Global cũng đặc biệt chú trọng đến việc bảo mật thông tin khách hàng và an toàn dữ liệu. Công ty đã xây dựng và triển khai một chính sách bảo mật toàn diện, đảm bảo bảo vệ quyền riêng tư và an toàn của thông tin khách hàng. Các biện pháp bảo mật của Viettel Global bao gồm thiết lập hệ thống điều khiển truy cập, thực hiện quá trình quản lý rủi ro định kỳ, đào tạo định kỳ về các nguy cơ và biện pháp bảo mật, và đảm bảo rằng chính sách và biện pháp của công ty tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo mật thông tin và quyền riêng tư.

❖ TRIỂN KHAI SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

Việc triển khai các sản phẩm, dịch vụ công nghệ hiện đại là một trong những cách thức quan trọng để thể hiện trách nhiệm với khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ của Viettel Global. Các sản phẩm,

dịch vụ công nghệ hiện đại có thể mang lại cho khách hàng nhiều lợi ích, bao gồm trải nghiệm dịch vụ tốt hơn, giá trị gia tăng cao hơn, đồng thời tạo lợi thế cạnh tranh, thu hút giữ chân khách hàng.

Việc triển khai sản phẩm Super App của Viettel Global là một minh chứng cho quan điểm trên. Super App là một nền tảng tích hợp đa dịch vụ trong hệ sinh thái SPDV của nhà mạng, từ self-care đến ví điện tử, giải trí, mạng xã hội, v.v.. Sản phẩm này được xây dựng trên nền tảng công nghệ hiện đại, đảm bảo tính bảo mật và an toàn thông tin; có tính tương tác cao, giúp khách hàng dễ dàng liên hệ với Viettel Global để được hỗ trợ khi cần thiết. Đặc biệt, Super App có khả năng cá nhân hóa trải nghiệm của khách hàng, giúp khách hàng có thể sử dụng dịch vụ một cách phù hợp với nhu cầu của mình.

Viettel Global đã triển khai thành công sản phẩm Super App (Siêu Ứng dụng) tại nhiều thị trường, trong đó có MyID tại Myanmar, CamID tại Campuchia, Kakoak tại Đông Timor, Movitel tại Mozambique,

❖ HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

Chăm sóc khách hàng là một trong những yếu tố quan trọng để tạo dựng và duy trì lòng trung thành của khách hàng. Viettel Global hiểu rõ điều này và đã triển khai một chiến lược chăm sóc khách hàng toàn diện, tích hợp nhiều hình thức và kênh giao tiếp để đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng trong thời đại số.

Chiến lược chăm sóc khách hàng của Viettel Global bao gồm các hoạt động chính sau:

- Quản lý tập trung các kênh tương tác khách hàng qua MyCC, bao gồm Voice, các ứng dụng (super app, app self-care), social media, và các kênh khác.
- Duy trì hệ thống cửa hàng trực tiếp rộng khắp ở các thị trường hoạt động. Nhân viên tại cửa hàng được đào tạo để giao diện và

LaoApp tại Lào, và NatcomID tại Haiti, trong đó có MyID là một trong những ứng dụng thành công nhất. Đây đều là những sản phẩm dịch vụ đi đầu, tiên phong tại thị trường, mang lại cho khách hàng nhiều lợi ích như:

- Tiện lợi, nhanh chóng: Super App tích hợp nhiều dịch vụ khác nhau trong hệ sinh thái SPDV của nhà mạng, giúp khách hàng có thể dễ dàng sử dụng các dịch vụ mà không cần phải truy cập nhiều ứng dụng khác nhau.
- Tiết kiệm thời gian và chi phí: Super App giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và chi phí cho các giao dịch, thanh toán.
- Cải thiện trải nghiệm khách hàng: Super App được thiết kế với giao diện thân thiện, dễ sử dụng, giúp khách hàng có trải nghiệm tốt hơn khi sử dụng dịch vụ.

giải đáp mọi thắc mắc và hỗ trợ khách hàng. Khảo sát chất lượng khách hàng tại FO, BO, Cửa hàng, Nhân viên kỹ thuật.

- Đa dạng hóa ưu đãi và xây dựng chương trình loyalty dựa trên tiêu dùng để xếp hạng hội viên và đổi điểm tích lũy cho ưu đãi viễn thông và phi viễn thông. Xây dựng hệ sinh thái liên kết với đối tác phi viễn thông.
- Triển khai các chương trình CSKH cộng đồng và gắn liền với các chương trình hướng đến những ưu đãi viễn thông
- Số hóa và tự phục vụ: Triển khai chatbot, IVRselfcare/callbot, hệ thống smart IVR; Hỗ trợ khách hàng tự chăm sóc thông qua các kênh tự động.

- Đánh giá chất lượng phục vụ: Sử dụng hệ thống khảo sát chất lượng phục vụ qua IVR, APP/ SMS để đánh giá trải nghiệm khách hàng.

Viettel Global luôn nỗ lực để:

- Tiếp nhận và xử lý phản hồi của khách hàng một cách nhanh chóng và hiệu quả, đảm bảo quyền lợi của khách hàng.
- Luôn trân trọng ý kiến của khách hàng và xem đây là cơ hội để cải thiện sản phẩm/dịch vụ của mình. Các ý kiến của khách hàng được tổng hợp và chuyển giao cho các bộ phận liên quan để nghiên cứu và triển khai.
- Luôn chú trọng đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên chăm sóc khách hàng. Các nhân viên được đào tạo về kiến thức chuyên môn, kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống để mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.

Những nỗ lực của Viettel Global trong việc đảm bảo trách nhiệm với khách hàng và chất lượng dịch vụ đã được ghi nhận qua các kết quả sau:

❖ TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VÀ/HOẶC BỘ QUY TẮC TỰ NGUYỆN LIÊN QUAN ĐẾN TRUYỀN THÔNG TIẾP THỊ

Viettel Global cam kết đảm bảo rằng mọi hoạt động truyền thông tiếp thị, bao gồm quảng cáo, khuyến mãi và tài trợ, tuân thủ mọi quy định và bộ quy tắc tự nguyện liên quan. Cam kết này thể hiện trách nhiệm của Viettel Global đối với khách hàng, cộng đồng, và xã hội. Để thực hiện cam kết này, Viettel Global thực hiện các hoạt động sau:

- Tỷ lệ khách hàng sẵn sàng giới thiệu bạn bè, người thân sử dụng dịch vụ của Viettel Global tại các thị trường đều ở mức cao, trong đó có: Bitel 20%, Metfone 40%, Movitel 65%, Natcom: 50%, Mytel: 55%
- Các thương hiệu tại thị trường của Viettel Global nhận được nhiều giải thưởng quốc tế uy tín (Stevie Awards, IT World Awards, Word Communications Awards, ...) trong nhiều lĩnh vực như công ty viễn thông của năm, sản phẩm dịch vụ tốt nhất, thành tựu trong tăng trưởng, dịch vụ thân thiện với người tiêu dùng...
- Trong tương lai, Viettel Global sẽ nỗ lực tăng cường số hóa hoạt động hỗ trợ và giải đáp, đánh giá chỉ tiêu KPI trải nghiệm khách hàng (CSAT, NPS, CES)
- Triển khai Chatbot và Callbot: Chatbot AI trên các kênh App, web, messenger; Hệ thống Callbot khảo sát trải nghiệm khách hàng, xử lý phản ánh, và đo mức độ hài lòng; Bổ sung thông tin self-care trên IVR.
- Sử dụng Big Data: để dự đoán nhu cầu và đề xuất ưu đãi phù hợp với nhu cầu cá nhân của khách hàng.

- Tuân thủ quy định pháp luật và quy định của từng quốc gia, bao gồm các quy định về quảng cáo, khuyến mãi, tài trợ, và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- Thực hiện chính sách quảng cáo trung thực, không sử dụng các thông tin sai lệch hoặc gây hiểu lầm để quảng bá sản phẩm và dịch vụ của mình.

- Thiết kế các chương trình khuyến mãi công bằng và minh bạch, đảm bảo quyền lợi của tất cả khách hàng tham gia. Các chương trình khuyến mãi của Viettel Global phải được thông báo rõ ràng về điều kiện và quy định, đồng thời được thực hiện minh bạch, đúng cam kết.

- Thiết lập các tiêu chuẩn cao về nội dung và chất lượng cho mọi chiến lược truyền thông, phải mang tính chính xác, trung thực, và có giá trị gia tăng cho khách hàng.

❖ TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

Về mặt kinh tế, Viettel Global đã tạo ra hàng nghìn việc làm cho người dân địa phương, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của họ. Viettel Global cũng đầu tư vào hạ tầng viễn thông hiện đại, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại các quốc gia.

Về mặt xã hội, Viettel Global đã triển khai nhiều chương trình, dự án vì cộng đồng, như:

- Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội cho cộng đồng địa phương: Viettel Global đã triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội cho cộng đồng địa phương, khởi nghiệp, ươm mầm tài năng trẻ, v.v.
- Chương trình bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng địa phương: Viettel Global đã triển khai các chương trình bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng địa phương, như trồng cây xanh, thu gom rác thải, làm sạch bãi biển v.v.

- Tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội để hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, người dân tại vùng sâu vùng xa, có thu nhập thấp, nhóm đối tượng yếu thế (người già neo đơn, trẻ em mồ côi, mắc bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật v.v...)

Quan điểm đầu tư của Viettel Global là giúp nâng tầm nền viễn thông của nước bạn, đem tới sự phát triển bền vững của một quốc gia. Theo đó, Viettel Global đầu tư vào công nghệ hiện đại, đầu tư vào hạ tầng bền vững, chuyển giao và đào tạo cho người sở tại, và đặc biệt, xây dựng những thương hiệu riêng cho mỗi thị trường. Điều này đã góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông tại các quốc gia và vùng lãnh thổ mà Viettel Global đang hoạt động, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các nước.

Với triết lý kinh doanh gắn liền trách nhiệm xã hội, Viettel Global luôn hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội. Công ty luôn đặt nhu cầu của khách hàng lên trên hết, không ngừng nghiên cứu và phát triển để cống hiến cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất về cả chất lượng và giá cả. Tổng Công ty cũng triển khai nhiều chương trình xã hội mang lại lợi ích và đóng góp cho sự phát triển của quốc gia đầu tư.

3

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Viettel Global luôn xác định rõ tầm quan trọng của môi trường trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Tổng Công ty luôn nỗ lực hết sức để gìn giữ và cải thiện môi trường tại mỗi thị trường đang đầu tư. Đồng thời, Tổng Công ty luôn thúc đẩy ý thức bảo vệ môi trường tới từng thành viên của mình và sau đó tới các bên liên quan như khách hàng, nhà cung cấp và cộng đồng xung quanh. Đối với hoạt động nội bộ, Tổng Công ty chú trọng vào việc nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

❖ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN TỰ NHIÊN:

Viettel Global đã đẩy mạnh việc tiết kiệm điện năng tại trụ sở văn phòng của mình cũng như tại các thị trường nước ngoài đang đầu tư. Tổng Công ty đã tiến hành nhiều biện pháp nhằm nâng cao ý thức tiết

kiệm điện, kiểm soát tốt nguồn năng lượng và tài nguyên từ những hành động nhỏ bé nhất như: tắt điện, tắt đèn, tắt máy tính sau giờ làm/khi không sử dụng, tái sử dụng giấy đã in v.v

❖ KIẾN TẠO KHU LÀM VIỆC XANH, GẦN GŨI THIÊN NHIÊN, GÓP PHẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

Tại trụ sở của Tổng Công ty Viettel Global, văn phòng được thiết kế với mục đích “xanh hóa” không gian làm việc, nâng cao sự kết nối giữa con người với thiên nhiên hướng tới nâng cao ý thức và thói quen “sống xanh” của cán bộ nhân viên.

Từ những thay đổi rất đơn giản ngay trong không gian văn phòng làm việc, Viettel Global ghi nhận thấy nhiều lợi ích thiết thực mà một không gian làm việc xanh tạo ra:

- Giảm tác động tiêu cực tới môi trường, góp phần bảo vệ môi trường.

- Xây dựng văn hóa xanh và giá trị xanh cho doanh nghiệp

- Tạo ra môi trường làm việc không gian mở, giúp mọi người dễ giao tiếp, tương tác và trao đổi với nhau hơn.

- Đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy năng suất làm việc của nhân viên, góp phần tăng trưởng doanh nghiệp.

- Nâng cao thương hiệu và uy tín cho tổ chức trong mắt khách hàng, các doanh nghiệp khác.

Quản trị minh bạch là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Minh bạch trong hoạt động kinh doanh giúp doanh nghiệp xây dựng và duy trì niềm tin của các bên liên quan, bao gồm khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư, đối tác kinh doanh, và cộng đồng. Quản trị minh bạch đồng nghĩa với sự giảm rủi ro pháp lý, tăng cường hiệu quả hoạt động, và xây dựng hình ảnh doanh nghiệp đáng tin cậy, từ đó thúc đẩy phát triển bền vững.

❖ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Viettel Global là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin, có quy mô và phạm vi hoạt động rộng lớn. Do đó, việc tuân thủ pháp luật là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu.

Viettel Global quản trị tuân thủ pháp luật thông qua hệ thống các quy chế quản trị nội bộ, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT), bao gồm cả quy định bắt buộc và khuyến khích thực hiện. Các quy chế này được xây dựng dựa trên các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam và các quốc gia mà Viettel Global hoạt động.

Năm 2023, Viettel Global không ghi nhận bất kỳ vụ việc không tuân thủ quy định nào dẫn đến bị xử phạt, cảnh cáo. Đây là một kết quả tích cực cho thấy Viettel Global đã nỗ lực thực hiện tốt công tác tuân thủ pháp luật.

Viettel Global không có chế tài đối với hành vi cản trở cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền. Lý do là lĩnh vực kinh doanh viễn thông là không thể độc quyền, theo quy định pháp lý. Viễn thông là một dịch vụ thiết yếu, cần thiết cho sự phát triển

triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Do đó, các nhà mạng viễn thông cần phải cạnh tranh lành mạnh để mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng. Trong thực tế, các công ty thị trường của Viettel Global cũng tuân thủ các yêu cầu, chính sách của Chính phủ địa phương về giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ, v.v...

Viettel Global luôn duy trì kinh doanh lành mạnh, tôn trọng đối thủ, tuân thủ pháp luật tại các nước đầu tư, không thực hiện các hành vi cản trở cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền. Điều này được thể hiện qua các phát ngôn của Viettel Global như Tuyên bố định hướng hoạt động "Thượng tôn pháp luật".

❖ QUẢN LÝ VÀ TIẾP CẬN THUẾ

Viettel Global cam kết tuân thủ nghiêm ngặt tất cả các quy định thuế cả ở cấp địa phương và quốc tế, đặt sự chính xác và minh bạch lên hàng đầu khi ghi nhận, kê khai, và báo cáo thông tin liên quan đến thuế. Đồng thời, xây dựng và duy trì mối quan hệ hợp tác vững chắc với các cơ quan thuế, nhằm đảm bảo sự hỗ trợ và thương lượng hiệu quả khi cần thiết để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến thuế. Công tác quản lý mức thuế được thực hiện một cách bền vững, nhằm đảm bảo khả năng tài chính của doanh

nh nghiệp, đồng thời chúng tôi hạ trọng trong việc đóng góp tích cực vào sự phát triển của xã hội và cộng đồng.

Các nỗ lực cụ thể:

- Tại Tổng Công ty, Ban Lãnh Đạo có nhân sự lãnh đạo chịu trách nhiệm về mảng tài chính, trong đó chịu trách nhiệm với chiến lược tổng thể về tiếp cận thuế. Phòng Tài Chính Kế Toán chịu trách nhiệm chủ động trong quá trình kiểm soát thuế tại Công ty mẹ. Tại các thị trường, có nhân sự lãnh đạo phụ trách về mảng tài chính, có các bộ phận tài chính kế toán chịu trách nhiệm cụ thể về kiểm soát thuế theo quy định của quốc gia đầu tư.
- Có quy trình về việc chia sẻ minh bạch, báo cáo thông tin về thuế giữa Công ty mẹ và các công ty thị trường. Công ty mẹ rà soát các thay đổi chính sách thuế phí của các thị trường 3 tháng/lần. Thực hiện thuê đơn vị độc lập tư vấn và rà soát tính tuân thủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước tại các công ty thị trường, tần suất 1 năm/lần. Thực hiện rà soát, đánh giá công tác chuẩn bị hồ sơ chuyển giá tại các Công ty Thị trường, tần suất 1 năm/ lần.
- Xây dựng hệ thống quy định, quy trình quản lý thuế chặt chẽ, phù hợp với quy định pháp luật của Việt Nam và các quốc gia đầu tư; thường xuyên rà soát, cập nhật quy định pháp luật để đảm bảo tuân thủ.
- Giám sát rủi ro: Phòng Tài Chính Kế Toán phối hợp chặt chẽ với bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ để đánh giá và giám sát rủi ro thuế. Hàng năm, thuê các đơn vị tư vấn độc lập để đánh giá mức độ tuân thủ và đề xuất các cải tiến trong quá trình quản lý thuế.

Kết quả đạt được:

- Xây dựng hình ảnh, danh tiếng công ty. Các công ty thị trường của Viettel Global thường xuyên được công nhận là những doanh nghiệp có đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước sở tại như Movitel tại Mozambique, Unitel tại Lào, Natcom tại Haiti, Metfone tại Campuchia, ...
- Đóng góp tích cực và bền vững cho sự phát triển của quốc gia đầu tư, coi chính sách thuế là một phần quan trọng của chiến lược kinh doanh bền vững.
- Tuân thủ pháp luật: không ghi nhận bất kỳ vi phạm pháp luật nào liên quan đến thuế trong năm 2023.

❖ QUẢN TRỊ KINH DOANH MINH BẠCH

Các hoạt động hiện tại của Viettel Global trong việc quản trị kinh doanh minh bạch và có đạo đức thể hiện sự nỗ lực của doanh nghiệp trong việc xây dựng và duy trì niềm tin với các bên liên quan.

Viettel Global thực hiện lập và công bố báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo tần suất quy định của pháp luật, đảm bảo minh bạch thông tin với các bên liên quan. Cụ thể:

- Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia quý (QnLIQ) được lập và công bố trong vòng 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý năm tài chính.
- Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia 6 tháng (H1LIQ) được lập và công bố trong vòng 60 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng năm tài chính.

- Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia năm (YLIQ) được lập và công bố trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính và không quá 10 ngày kể từ ngày có báo cáo tài chính được kiểm toán.

Các báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Viettel Global được công bố minh bạch trên trang web của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và trang website của Tổng Công ty.

Nội dung báo cáo lợi nhuận liên quốc gia bao gồm đầy đủ các thông tin cần thiết, đảm bảo minh bạch và đầy đủ thông tin cho các bên liên quan. Thông tin về hoạt động kinh doanh chính, bao gồm: doanh thu, lợi nhuận trước thuế, tổng thuế TNDN đã thực nộp, tổng thuế TNDN xác định theo lợi nhuận trước thuế và luật thuế nước sở tại,...; Thông tin về số lượng nhân viên.; Thông tin về doanh thu từ bên thứ ba và doanh thu từ các thành viên khác trong Tập đoàn.

Viettel Global thống nhất trong định hướng kinh doanh, thực hiện công khai, minh bạch, có đạo đức, được coi là giá trị cốt lõi trong quản trị. Cụ thể, Viettel Global thực hiện kinh doanh tuân thủ pháp luật, công khai, có đạo đức, vì khách hàng và vì sự phát triển của doanh nghiệp. Triết lý này được công khai trong Định hướng kinh doanh hàng năm của Viettel Global.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ trong việc quản trị minh bạch, Viettel Global đã và đang khẳng định vị thế của mình là một doanh nghiệp đáng tin cậy và đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong tương lai, Viettel Global sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị minh bạch, nhằm xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp minh bạch và có đạo đức, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

◆ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đào Xuân Vũ	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Hải Lý	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023) Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Đức Quang	Thành viên
Ông Lê Xuân Hùng	Thành viên
Ông Phùng Văn Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Cao Lợi	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Phan Trường Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Đạt	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Phùng Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023)
Ông Nguyễn Cao Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Thế Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hải Lý	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phùng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi

thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã trình bày khoản đầu tư vào Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (“VCR”) trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vì chưa thu thập được số liệu tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 của VCR. Do đó, Tổng Công ty đã không thực hiện hợp nhất số liệu tài chính của VCR trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp liên quan đến thời điểm và các ảnh hưởng của việc không hợp nhất số liệu tài chính của VCR ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến vấn đề này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023,

Như trình bày tại Thuyết minh số 06, 08 và 09 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có số dư phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu ngắn hạn khác với Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (“VCR”) (gọi chung là “các khoản phải thu VCR”) với tổng số tiền 8.690 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 8.437 tỷ VND). Trong năm 2023, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu VCR vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với số tiền là 1.918 tỷ VND (năm 2022: 1.758 tỷ VND), theo đó, toàn bộ số dư các khoản phải thu VCR tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được trích lập dự phòng. Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc đánh giá giá trị có thể thu hồi làm cơ sở để ghi nhận chi phí dự phòng còn lại này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty hay không.

cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Nam Phong
Phó Tổng Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0929-2019-001-1*

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

*Ngày 29 tháng 3 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

Lê Đình Dũng
Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3943-2022-001-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.540.220.552.172	34.453.415.120.835
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.874.330.678.371	7.864.087.785.965
1.	Tiền	111		8.377.216.896.329	7.352.002.616.480
2.	Các khoản tương đương tiền	112		497.113.782.042	512.085.169.485
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	14.239.272.007.744	9.038.000.000.000
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.239.272.007.744	9.038.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.840.603.483.487	14.570.999.828.479
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.522.769.672.836	7.132.674.245.868
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	656.776.263.468	536.904.744.709
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	12.100.161.122.283	11.160.937.812.137
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.464.483.702.130	5.137.062.133.568
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(13.903.587.277.230)	(9.396.579.107.803)
IV.	Hàng tồn kho	140	11	2.615.016.069.759	2.254.677.441.062
1.	Hàng tồn kho	141		2.792.741.835.068	2.367.033.328.585
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(177.725.765.309)	(112.355.887.523)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		970.998.312.811	725.650.065.329
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	315.093.109.308	201.677.520.231
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13	593.439.792.176	473.340.424.143
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	62.465.411.327	50.632.120.955

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.924.187.593.407	15.849.623.485.020
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		1.619.870.073.205	3.104.004.343.964
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	1.446.012.099.678	2.234.728.641.535
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	5.877.367.415	5.736.088.637
3.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	79.441.593.000	720.368.282.058
4.	Phải thu dài hạn khác	216	9	88.539.013.112	143.171.331.734
II.	Tài sản cố định	220		10.598.793.357.664	9.966.846.591.540
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	14	7.263.456.962.821	7.070.398.109.679
	- Nguyên giá	222		33.715.031.596.647	31.203.625.954.735
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.451.574.633.826)	(24.133.227.845.056)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	15	3.335.336.394.843	2.896.448.481.861
	- Nguyên giá	228		5.422.131.561.577	4.613.707.269.474
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.086.795.166.734)	(1.717.258.787.613)
III.	Tài sản dở dang dài hạn	240	16	970.507.245.770	470.373.931.390
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		970.507.245.770	470.373.931.390
IV.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		629.330.577.248	842.360.309.779
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	629.330.577.248	842.360.309.779
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	583.660.000	583.660.000
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(583.660.000)	(583.660.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1.105.686.339.520	1.466.038.308.347
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	12	357.422.846.436	467.189.479.454
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	660.079.437.104	905.830.689.936
3.	Tài sản dài hạn khác	268		48.319.139.284	-
4.	Lợi thế thương mại	269	19	39.864.916.696	93.018.138.957
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		52.464.408.145.579	50.303.038.605.855

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		21.947.382.891.280	21.194.545.513.322
I.	Nợ ngắn hạn	310		18.103.132.225.865	16.585.837.680.871
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	3.994.851.335.416	4.018.527.696.291
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.950.575.500	22.840.943.700
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	1.216.828.619.065	975.397.795.831
4.	Phải trả người lao động	314		142.192.965.259	142.671.863.458
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	3.302.607.647.088	2.109.615.648.118
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23	2.832.650.528.523	2.140.040.256.156
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	24	4.633.465.113.426	3.376.891.294.282
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25	1.870.518.243.801	3.668.956.303.978
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.704.495.887	16.020.143.983
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		83.362.701.900	114.875.735.074
II.	Nợ dài hạn	330		3.844.250.665.415	4.608.707.832.451
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	20	333.779.689.704	414.878.353.552
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		29.861.067.805	29.031.783.681
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	22	20.824.780.943	-
4.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	23	609.130.854.116	690.286.684.548
5.	Phải trả dài hạn khác	337	24	6.933.050.127	5.858.613.782
6.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26	1.070.601.909.373	2.288.823.657.577
7.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	1.632.887.108.555	1.179.828.739.311
8.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		140.232.204.792	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.517.025.254.299	29.108.493.092.533
I.	Vốn chủ sở hữu	410	27	30.517.025.254.299	29.108.493.092.533
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.438.112.000.000	30.438.112.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.438.112.000.000	30.438.112.000.000
2.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(593.148.627.638)	(813.385.602.237)
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		3.548.111.376.666	3.495.942.895.121
4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.757.970.517	9.775.164.167
5.	(Lỗ) lũy kế	421		(3.377.342.579.335)	(3.969.633.124.271)
	- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.945.175.792.035)	(4.750.611.132.591)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421b		567.833.212.700	780.978.008.320
6.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		490.535.114.089	(52.318.240.247)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		52.464.408.145.579	50.303.038.605.855



Vũ Thị Thu Trang
Người lập biểu



Trương Bạch Dương
Kế toán trưởng



Phùng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	28.212.158.822.780	23.644.552.111.486
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	-	14.906.480.207
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01.02)	10	30	28.212.158.822.780	23.629.645.631.279
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	13.944.164.856.834	12.670.767.040.560
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10.11)	20		14.267.993.965.946	10.958.878.590.719
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	3.710.255.671.035	3.580.198.925.616
7.	Chi phí tài chính	22	34	3.470.536.136.180	2.557.343.716.395
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		374.730.447.367	485.633.028.227
8.	Phần lãi trong công ty liên kết	24		284.335.157.412	250.999.420.054
9.	Chi phí bán hàng	25	35	3.790.471.785.340	2.579.116.437.686
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	7.297.564.443.333	6.691.181.595.589
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21.22+24)-(25+26))	30		3.704.012.429.540	2.962.435.186.719
12.	Thu nhập khác	31	36	242.250.204.195	119.501.127.047
13.	Chi phí khác	32	36	66.932.635.745	67.868.883.553
14.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	36	175.317.568.450	51.632.243.494
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.879.329.997.990	3.014.067.430.213
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	1.522.214.281.740	831.575.171.808
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	37	709.971.143.292	641.796.857.278
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50.51.52)	60		1.647.144.572.958	1.540.695.401.127
	Trong đó:				
18.1	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		622.523.083.469	834.067.066.224
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.024.621.489.489	706.628.334.903
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	205	274



Vũ Thị Thu Trang
Người lập biểu



Trương Bạch Dương
Kế toán trưởng



Phùng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	3.879.329.997.990	3.014.067.430.213
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
	Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	3.067.673.074.525	3.223.167.564.535
	Các khoản dự phòng	03	4.573.098.100.697	3.988.914.431.483
	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(375.617.837.708)	(1.773.562.210.053)
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.539.775.271.257)	(1.150.949.557.073)
	Chi phí lãi vay	06	374.730.447.367	485.633.028.227
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.979.438.511.614	7.787.270.687.332
	Thay đổi các khoản phải thu	09	1.944.524.291.102	4.363.737.791.474
	Thay đổi hàng tồn kho	10	(425.708.506.483)	(372.362.378.672)
	Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.938.871.946.924	2.674.361.441.991
	Thay đổi chi phí trả trước	12	(171.462.761.552)	227.094.361.512
	Tiền lãi vay đã trả	14	(374.378.387.077)	(442.276.421.344)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.085.792.061.279)	(517.553.977.181)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(31.513.033.174)	(56.720.296.996)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.773.980.000.075	13.663.551.208.116
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.334.155.256.610)	(3.448.783.530.166)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12.723.356.760	31.252.130.745
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.042.741.802.191)	(9.056.892.590.849)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.856.132.393.579	6.453.193.983.801
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	996.303.824.897	780.797.041.762
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.511.737.483.565)	(5.240.432.964.707)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	4.539.892.193.423	2.826.639.512.616
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.636.593.158.677)	(9.437.122.580.978)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát	36	(410.442.158.653)	(99.202.150.665)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.507.143.123.907)	(6.709.685.219.027)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.755.099.392.603	1.713.433.024.382
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.864.087.785.965	6.160.939.000.076
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(744.856.500.197)	(10.284.238.493)
	<u>Trong đó:</u>			
	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm		(50.445.309.051)	2.072.339.880
	- Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con tại nước ngoài		(694.411.191.146)	(12.356.578.373)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	8.874.330.678.371	7.864.087.785.965

Vũ Thị Thu Trang
Người lập biểu

Trương Bạch Dương
Kế toán trưởng



Phùng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel, gọi tắt là "Tổng Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103020282 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh. Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 số 0102409426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 9 năm 2022.

Tổng Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán VGI từ ngày 25 tháng 9 năm 2018.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (gọi tắt là "Tập đoàn"). Tổng Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 39, 40 Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 5.335 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.004 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Sản xuất sản phẩm từ gốc; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- -Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, truyền tải điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bưu chính;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là đầu tư và vận hành các mạng viễn thông ở nước ngoài và cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin có liên quan.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

TÊN CÔNG TY	Nơi thành lập và đăng ký hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)		
Công ty Viettel Timor Leste Unipessoal LDA ("VTL")	Đông Timor	100	100	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Telemor tại thị trường Đông Timor.
Công ty Viettel (Cambodia) Pte. Ltd. ("VTC")	Campuchia	90	90	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Metfone tại thị trường Campuchia.
Công ty Movitel S.A. ("Movitel")	Mozambique	70	70	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Movitel tại thị trường Mozambique.
Công ty National Telecom S.A. ("Natcom")	Haiti	60	60	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Natcom, kinh doanh dịch vụ ví điện tử Natcash tại thị trường Haiti.
Công ty Viettel Burundi S.A. ("VTB")	Burundi	85	85	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Lumitel tại thị trường Burundi.
Công ty Viettel Tanzania Limited ("VTZ")	Tanzania	99,99	99,99	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Halotel tại thị trường Tanzania.
Công ty E-Mola S.A. (i)	Mozambique	67	96	Kinh doanh dịch vụ ví điện tử tại thị trường Mozambique.
Công ty Viettel E-commerce Tanzania ("VTE") (ii)	Tanzania	99,99	100	Kinh doanh dịch vụ ví điện tử tại thị trường Tanzania.
Công ty Lumicash SU (iii)	Burundi	85	100	Kinh doanh dịch vụ ví điện tử tại thị trường Burundi.
Công ty Telemor Fintech Unipessoal LDA. ("TFU") (iv)	Đông Timor	100	100	Kinh doanh dịch vụ ví điện tử tại thị trường Đông Timor.
Công ty E-money Payment Solutions Public Limited ("E-money") (v)	Campuchia	89,1	99	Kinh doanh dịch vụ ví điện tử tại thị trường Campuchia.
Công ty liên kết				
Công ty Star Telecom Co., Ltd ("STL")	Lào	49	49	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Unitel tại thị trường Lào.
Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd ("Mytel")	Myanmar	49	49	Đầu tư mạng viễn thông tại thị trường Myanmar.
Công ty Metcom Co., Ltd ("Metcom") (vi)	Campuchia	89,99	49	Công ty liên kết của VTC, được thành lập và hoạt động tại Campuchia.

(i) Công ty E-Mola S.A. là công ty con của Công ty Movitel S.A.

(ii) Công ty Viettel E-commerce Tanzania là công ty con của Công ty Viettel Tanzania.

(iii) Công ty Lumicash SU là công ty con của Công ty Viettel Burundi S.A.

(iv) Công ty Telemor Fintech Unipessoal, Lda ("TFU") là công ty con của Công ty Viettel Timor Leste, UNIP, LDA.

(v) Công ty E-money Payment Solutions Public Limited là công ty con của Công ty TNHH Viettel Cambodia.

(vi) Công ty Metcom Co., Ltd là công ty liên kết của Công ty Viettel (Cambodia) Pte. Ltd.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty trình bày khoản đầu tư vào Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") (tỷ lệ lợi ích 70%) trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do chưa thu thập được số liệu tài chính của VCR từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 (xem chi tiết tại Thuyết minh số 05).

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Riêng đối với Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR"), tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty trình bày khoản đầu tư vào VCR trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do chưa thu thập được số liệu tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 của VCR và không hợp nhất số liệu tài chính của VCR.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, Tổng Công ty đã thực hiện việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng các đồng tiền nội tệ của các thị trường ở nước ngoài sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ được lập bằng Đồng Việt Nam (VND) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo nguyên tắc sau:

- Tài sản được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế chéo cuối năm được xác định dựa trên tỷ giá mua vào USD trên VND và tỷ giá bán ra USD trên đồng nội tệ tại thị trường Công ty con tại ngân hàng Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch;
- Nợ phải trả được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế chéo cuối năm được xác định dựa trên tỷ giá bán ra USD trên VND và tỷ giá mua vào USD trên đồng nội tệ tại thị trường Công ty con tại ngân hàng Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch;
- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua - bán bình quân;
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng tỷ giá cuối năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư và được phân bổ đều vào chi phí trong thời gian 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho sử dụng cho mục đích xây dựng trạm viễn thông được xác định theo phương pháp nhập trước xuất

trước, giá xuất kho của các loại hàng tồn kho khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với Công ty mẹ, giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá gốc hàng tồn kho thương mại bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên định mức

hoạt động được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc, thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10

Thiết bị viễn thông, phương tiện vận tải, truyền dẫn và thiết bị dụng cụ quản lý tại VTC được khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần phù hợp với yêu cầu của chế độ kế toán nước sở tại.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tổng Công ty không trích khấu hao quyền sử dụng đất do đây là quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Giấy phép kinh doanh viễn thông

Phí đăng ký kinh doanh trả cho chính phủ các nước nhằm được phép thực hiện hoạt động kinh

Ngoại trừ thiết bị viễn thông, phương tiện vận tải, truyền dẫn và thiết bị dụng cụ quản lý tại VTC, tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

doanh viễn thông trong một giai đoạn xác định, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và khấu hao kể từ khi khai trương mạng viễn thông cho tới khi giấy phép kinh doanh hết hạn.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí thuê trả trước, giá trị công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí khác.

Chi phí thuê trả trước

Chi phí thuê trả trước bao gồm tiền thuê trả trước liên quan đến thuê mặt bằng, trạm BTS, tiền thuê đầu số trả trước, tiền thuê vị trí trả trước, tiền thuê kho và thuê văn phòng, cửa hàng trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê thực tế.

Công cụ và dụng cụ

Giá trị công cụ và dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn tối đa 3 năm.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí lớn phát sinh trong kỳ hạn thông thường của thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong thời hạn tối đa 3 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các khoản chi phí trả trước phát sinh được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm tài chính đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trong đó:

- Doanh thu dịch vụ viễn thông trả sau: được ghi nhận trên cơ sở thời gian gọi nếu tính phí theo thời gian hoặc theo kỳ nếu tính phí cố định theo kỳ.

- Doanh thu dịch vụ viễn thông trả trước được ghi nhận trên cơ sở dung lượng thực tế mà khách hàng đã sử dụng trong năm theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 7370/BTC-QLKT ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Công văn số 686/BTC-QLKT ngày 19 tháng 01 năm 2022.

- Đối với hợp đồng kinh tế bao gồm nhiều giao dịch, Tổng Công ty ghi nhận riêng doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ; doanh thu được ghi nhận tương ứng với nghĩa vụ hiện tại đã thực hiện và nghĩa vụ trong tương lai chưa thực hiện được hoãn lại cho đến khi được thực hiện. Trường hợp hợp đồng kinh tế quy định việc bán hàng và cung cấp dịch vụ sau bán hàng (ngoài điều khoản bảo hành thông thường), Tổng Công ty ghi nhận riêng doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ; trường hợp hợp đồng quy định bên bán hàng chịu trách nhiệm lắp đặt sản phẩm, hàng hóa cho người mua thì doanh thu chỉ được ghi nhận sau khi việc lắp đặt được thực hiện xong.

- Trường hợp năm trước bán hàng, năm sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu và nếu khoản giảm trừ doanh thu thỏa mãn sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính thì được coi là sự kiện cần điều chỉnh và được điều chỉnh vào doanh thu năm bán hàng. Ngược lại, khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh vào năm mà sự kiện phát sinh.

- Doanh thu cước kết nối được ghi nhận ban đầu trên cơ sở biên bản đối soát và hóa đơn thực tế. Trường hợp chưa có đối soát cước với các đối tác, doanh thu cước kết nối được ghi nhận trên cơ sở cước kết nối tạm tính, mức cước tạm tính thông thường dựa trên lưu lượng cước phát sinh trong tháng. Số liệu này được điều chỉnh vào tháng sau theo biên bản đối soát giữa các bên.

- Doanh thu cho thuê đường truyền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay và lãi chậm trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay, phải thu và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được thanh toán cổ tức được thiết lập.

Thu nhập từ ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 1168/VP-CP-KTTH ngày 24 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 805/BTC/BTC-TCĐN ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính cũng như văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 01 năm 2017 đồng ý với ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 18608/BTC-TCĐN ngày 28 tháng 12 năm 2016, kể từ năm 2015, Tổng Công ty được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm chi phí chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong báo cáo tài chính các công ty con có dự án đầu tư nước ngoài trước khi lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty không thực hiện phân bổ mà ghi nhận toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Công ty.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tổng Công ty thực hiện hoạt động tại nước ngoài được kế toán như tài

sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản

thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam và các nước sở tại.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc là cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được độc lập với các bộ phận khác. Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh viễn thông, bao gồm vận hành mạng viễn thông, cung cấp các dịch vụ viễn thông và mua bán các thiết bị viễn thông. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty và các công ty con được lập theo khu vực địa lý, với các bộ phận được chia như sau:

- Thị trường Châu Phi: phản ánh hoạt động vận hành mạng viễn thông, cung cấp các dịch vụ viễn thông và ví điện tử tại các thị trường Mozambique (Movitel, E-Mola), thị trường Burundi (VTB, Lumicash) và thị trường Tanzania (VTZ, VTE);
- Thị trường Châu Mỹ La-tinh: phản ánh hoạt động vận hành mạng viễn thông, cung cấp các dịch vụ viễn thông và ví điện tử tại thị trường Haiti (Natcom);
- Thị trường Đông Nam Á: phản ánh hoạt động vận hành mạng viễn thông, cung cấp các dịch vụ viễn thông và ví điện tử tại các thị trường Campuchia (VTC, E-money), thị trường Đông Timor (VTL, TFU) và hoạt động khác của VTG được thành lập tại Việt Nam, trong đó hoạt động chủ yếu của VTG là bán các thiết bị viễn thông cho các thị trường nước ngoài.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	7.032.377.241	9.587.021.102
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	7.575.340.322.252	7.241.341.175.026
Tiền đang chuyển	794.844.196.836	101.074.420.352
Các khoản tương đương tiền (ii)	497.113.782.042	512.085.169.485
	8.874.330.678.371	7.864.087.785.965

(i) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm khoản tiền gửi 16.267.363.941 BIF tương đương 136.118.928.287 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 12.849.157.486 BIF tương đương 145.173.728.985 VND) tại Ngân hàng KCB Bank Kenya và Ngân hàng BCB Bank dùng để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng này.

Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm số tiền gửi của khách hàng tại các công ty ví điện tử (công ty con của Tổng

Công ty) tương đương 3.273.110.066.804 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.486.509.396.998 VND). Số tiền này bị hạn chế sử dụng và việc giao dịch phụ thuộc theo yêu cầu của khách hàng tại các công ty ví điện tử này.

(ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 0,7%/năm - 9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là từ 0,7%/năm - 10,5%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

		Số cuối năm VND		Số đầu năm VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	14.239.272.007.744	14.239.272.007.744	9.038.000.000.000	9.038.000.000.000

		Số cuối năm VND		Số đầu năm VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") (ii)	583.660.000	583.660.000	583.660.000	583.660.000

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo với lãi suất từ 1,6%/năm - 12%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là từ 4%/năm - 11,5%/năm).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty trình bày khoản đầu tư vào Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do chưa thu thập được số liệu tài chính của VCR từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") (i)	4.282.715.312.256	4.147.144.284.311
Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd	1.165.152.480.213	2.200.185.328.130
Công ty Star Telecom Co., Ltd	83.399.790.094	235.285.975.025
Công ty Viettel Peru S.A.C	98.016.367.211	-
Phải thu các đối tượng khác	893.485.723.062	550.058.658.402
	6.522.769.672.836	7.132.674.245.868
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd	1.446.012.099.678	2.234.728.641.535
	1.446.012.099.678	2.234.728.641.535
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 40)	3.222.503.697.163	4.769.744.499.403

(i) Số dư phải thu VCR bao gồm 4.278.518.577.800 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 4.143.050.372.057 VND) là số dư phải thu phát sinh tại Công ty mẹ Tổng Công ty.

Số dư phải thu VCR thay đổi trong năm do ảnh hưởng của việc đánh giá lại tỷ giá cuối năm.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Aura High Security (Burundi)	80.435.375.525	30.018.731.506
Công ty TNHH Joy's Creative Enterprises	37.455.661.196	39.357.250.413
Trả trước cho các đối tượng khác	538.885.226.747	467.528.762.790
	656.776.263.468	536.904.744.709
b. Trả trước cho người bán dài hạn		
Agro-Negocio para o Desenvolvimento de Mozambique, Lda	5.877.367.415	5.736.088.637
	5.877.367.415	5.736.088.637
Trong đó:		
Trả trước cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 40)	32.124.151.726	15.434.075.266

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd (i)	8.415.065.642.283	7.566.095.812.137
Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (ii)	3.685.095.480.000	3.594.842.000.000
	12.100.161.122.283	11.160.937.812.137
b. Dài hạn		
Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd (i)	79.441.593.000	720.368.282.058
	79.441.593.000	720.368.282.058
Trong đó:		
Phải thu về cho vay với các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 40)	8.494.507.235.283	8.286.464.094.195

(i) Phản ánh khoản cho Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd ("Mytel" - công ty liên kết của Tổng Công ty) vay bằng Đô la Mỹ ("USD") để thực hiện các dự án viễn thông tại thị trường Myanmar theo giấy phép đầu tư viễn thông được cấp bởi cơ quan nhà nước sở tại. Lãi suất cho vay là lãi suất LIBOR 12 tháng + 4%/năm với thời hạn từ 36 tháng đến 60 tháng.

(ii) Phản ánh khoản cho Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L vay bằng Đô la Mỹ ("USD") để thực hiện các dự án viễn thông tại thị trường Cameroon theo giấy phép đầu tư viễn thông được cấp bởi cơ quan nhà nước sở tại. Lãi suất cho vay từ 2% đến 3%/năm với thời hạn từ 30 tháng đến 60 tháng.

Số dư phải thu cho Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L vay thay đổi trong năm do ảnh hưởng của việc đánh giá lại tỷ giá cuối năm.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Dự thu lãi cho vay (i)	2.461.748.281.615	2.239.417.571.390
Phải thu lãi quá hạn thanh toán (ii)	1.266.751.485.174	1.200.504.780.062
Phải thu lãi bán hàng trả chậm	-	341.740.633.951
Các khoản phải thu về chi hộ (iii)	306.545.617.956	291.899.828.645
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn (iv)	518.933.455.042	258.205.155.935
Phải thu về tiền bán hàng tại các kênh phân phối và các khoản khác có liên quan	212.507.526.853	152.544.846.705
Tạm ứng	145.625.390.236	143.187.796.975
Phải thu cơ quan thuế Tanzania (v)	96.371.221.348	101.263.898.972
Phải thu từ cung cấp dịch vụ cước kết nối	93.482.815.114	126.307.188.517
Các khoản ký quỹ ký cược	90.721.849.138	50.608.134.226
Phải thu về lợi nhuận được chia	50.976.805.928	-
Các khoản phải thu khác	220.819.253.726	231.382.298.190
	5.464.483.702.130	5.137.062.133.568
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	61.077.636.569	44.078.226.554
Phải thu lãi do bán hàng trả chậm	-	99.093.105.180
Các khoản phải thu khác	27.461.376.543	-
	88.539.013.112	143.171.331.734
Trong đó:		
Phải thu khác với các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 40)	3.367.076.862.960	3.555.390.254.896

(i) Phản ánh lãi từ các khoản cho Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd ("Mytel") và Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") vay. Trong đó số dư lãi từ các khoản cho VCR vay phải thu là 354,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 346,1 tỷ VND).

(ii) Phản ánh khoản lãi phạt chậm trả của công ty liên kết, công ty trong cùng Tập đoàn và Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") do quá hạn thanh toán theo thỏa thuận tại các hợp đồng mua bán hàng hóa, vật tư thiết bị, trong đó số dư lãi phạt chậm trả của VCR là 87,2 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 84,5 tỷ VND).

(iii) Phản ánh khoản phải thu về việc trả hộ khoản bảo lãnh vay vốn của Công ty Viettel Cameroon -

S.A.R.L với số tiền 284,1 tỷ VND (tương ứng với khoản phải trả các ngân hàng được ghi nhận trên khoản mục phải trả khác, chi tiết tại Thuyết minh số 24) và các khoản trả hộ khác.

(iv) Phản ánh khoản phải thu lãi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng (Xem Thuyết minh số 4 và số 5).

(v) Phản ánh số tiền thuế giá trị gia tăng Công ty Viettel Tanzania Limited ("VTZ" - Công ty con của Tổng Công ty) đã nộp theo yêu cầu của cơ quan thuế Tanzania.

Số dư phải thu khác VCR (dự thu lãi cho vay và phải thu lãi quá hạn thanh toán) thay đổi trong năm do ảnh hưởng của việc đánh giá lại tỷ giá cuối năm.

10. NỢ XẤU

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Số cuối năm		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Số đầu năm	
			VND	Dự phòng			VND	Dự phòng
Phải thu cho vay	10.526.220.055.178	3.308.062.512.943	7.218.157.542.235	7.164.271.326.305	2.450.155.273.008	4.714.116.053.297		
Công ty Viettel Cameroun S.A.R.L	3.685.095.480.000	-	3.685.095.480.000	3.594.842.000.000	331.350.000.000	3.263.492.000.000		
Công ty TNHH Telecom International Myanmar	6.841.124.575.178	3.308.062.512.943	3.533.062.062.235	3.569.429.326.305	2.118.805.273.008	1.450.624.053.297		
Phải thu khách hàng	4.683.659.405.288	224.366.079.478	4.459.293.325.810	4.307.082.580.422	1.375.629.667.232	2.931.452.913.190		
Công ty Viettel Cameroun S.A.R.L	4.278.518.577.800	-	4.278.518.577.800	4.143.050.372.055	1.318.256.171.028	2.824.794.201.027		
Công ty TNHH Telecom International Myanmar	317.766.566.407	222.436.596.485	95.329.969.922	69.230.366.205	48.454.200.421	20.776.165.784		
Đối tượng khác	87.374.261.081	1.929.482.993	85.444.778.088	94.801.842.162	8.919.295.783	85.882.546.379		
Phải thu khác	2.989.360.340.747	763.223.931.562	2.226.136.409.185	2.704.359.542.471	953.349.401.155	1.751.010.141.316		
Công ty TNHH Telecom International Myanmar	1.951.912.530.611	761.841.753.325	1.190.070.777.286	1.694.324.169.703	931.350.269.207	762.973.900.496		
Công ty Viettel Cameroun S.A.R.L	726.154.588.313	-	726.154.588.313	699.587.456.643	16.302.518.418	683.284.938.225		
Phải thu cơ quan thuế Tanzania	96.371.221.348	-	96.371.221.348	101.263.898.972	-	101.263.898.972		
Các khoản phải thu đối tượng khác	214.922.000.475	1.382.178.237	213.539.822.238	209.184.017.153	5.696.613.530	203.487.403.623		
	18.199.239.801.213	4.295.652.523.983	13.903.587.277.230	14.175.713.449.198	4.779.134.341.395	9.396.579.107.803		

Tổng Công ty trích lập dự phòng cho các khoản nợ xấu căn cứ theo đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu. Giá gốc là giá trị các khoản công nợ đã quá hạn từ 6 tháng trở lên và khó có khả năng thu hồi, dự phòng được xác định bằng giá gốc của các khoản công nợ trừ đi giá trị có thể thu hồi.

Các khoản phải thu đối với Công ty Viettel Cameroun S.A.R.L và Công ty TNHH Telecom International Myanmar đã quá hạn thanh toán và phải trích lập dự phòng, do đó Tổng Công ty không tiếp tục ghi nhận lãi cho vay và lãi phạt chậm thanh toán từ thời điểm trích lập dự phòng đối với mỗi khoản phải thu theo hướng dẫn tại Điều 80, Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, số tiền lãi lũy kế không ghi nhận theo hướng dẫn này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 tương đương 2.602 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: tương đương 719 tỷ VND).

11. HÀNG TỒN KHO

	Giá gốc	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	709.181.665.711	-	420.798.546.055	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.565.295.842.868	(42.390.653.179)	1.461.809.976.148	(40.659.018.183)	(40.659.018.183)
Công cụ, dụng cụ	38.994.879.864	-	37.885.409.237	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	79.021.223	-	268.968.310	-	-
Hàng hoá	479.190.425.402	(135.335.112.130)	446.270.428.835	(71.696.869.340)	(71.696.869.340)
	2.792.741.835.068	(177.725.765.309)	2.367.033.328.585	(112.355.887.523)	

Trong năm 2023, dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã được Tổng Công ty và các công ty con trích lập với số tiền là 65.369.877.786 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 112.355.887.523 VND) do giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho này thấp hơn giá trị ghi sổ.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Trả trước chi phí đầu số, kho số, tần số	163.698.269.374	-	83.862.013.858	-
Trả trước thuê kho, văn phòng, cửa hàng	33.646.479.284	-	19.838.600.067	-
Chi phí tư vấn, quảng cáo	28.286.634.456	-	14.623.201.275	-
Trả trước chi phí liên quan trạm BTS	17.745.121.590	-	53.410.510.685	-
Công cụ và dụng cụ	7.302.244.450	-	1.366.789.974	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	64.414.360.154	-	28.576.404.372	-
	315.093.109.308		201.677.520.231	
b. Dài hạn				
Chi phí thuê mặt bằng tại Công ty National Telecom S.A. (i)	199.444.810.627	-	185.558.663.787	-
Chi phí thuê kênh, cột, đường truyền	63.080.178.433	-	219.943.106.890	-
Chi phí hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật SLA	44.753.866.479	-	-	-
Chi phí tư vấn, quảng cáo	15.414.618.378	-	5.612.870.285	-
Trả trước chi phí liên quan trạm BTS	913.863.103	-	18.061.896.790	-
Phí thu xếp khoản vay	-	-	24.644.091.653	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	612.039.694	-	408.547.500	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	33.203.469.722	-	12.960.302.549	-
	357.422.846.436		467.189.479.454	

(i)Phản ánh giá trị của chi phí thuê mặt bằng trả trước dài hạn trong 50 năm tại Công ty National Telecom S.A. ("Natcom") của cổ đông là Công ty Telecommunication D'Haiti S.A ("Teleco").

13. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ chủ yếu phát sinh từ việc Tổng Công ty mua hàng hóa, thiết bị để bán cho các công ty con, công ty liên kết ở nước ngoài.

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ										
Số dư đầu năm	502.966.193.304	29.411.941.128.285	401.958.496.513	886.760.136.633	31.203.625.954.735					
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	13.285.897.413	22.596.340.347	(286.376.478)	14.228.441.425	49.824.302.707					
Tăng trong năm	16.163.158.138	2.594.347.854.498	8.257.437.376	63.995.292.039	2.682.763.742.051					
Phân loại lại từ Chi phí trả trước	-	237.947.058.658	-	-	237.947.058.658					
Thanh lý, nhượng bán	-	(422.279.386.611)	(33.409.425.231)	(3.440.649.662)	(459.129.461.504)					
Số dư cuối năm	532.415.248.855	31.844.552.995.177	376.520.132.180	961.543.220.435	33.715.031.596.647					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ										
Số dư đầu năm	155.501.808.331	22.793.627.043.981	377.695.230.983	806.403.761.761	24.133.227.845.056					
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	4.327.228.168	79.126.056.827	(962.618.964)	8.571.639.789	91.062.305.820					
Khấu hao trong năm	28.365.490.173	2.513.810.831.669	13.735.642.018	45.416.861.521	2.601.328.825.381					
Phân loại lại từ Chi phí trả trước	-	70.133.253.165	-	-	70.133.253.165					
Thanh lý, nhượng bán	-	(407.546.204.260)	(33.198.920.333)	(3.432.471.003)	(444.177.595.596)					
Số dư cuối năm	188.194.526.672	25.049.150.981.382	357.269.333.704	856.959.792.068	26.451.574.633.826					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
Tại ngày đầu năm	347.464.384.973	6.618.314.084.304	24.263.265.530	80.356.374.872	7.070.398.109.679					
Tại ngày cuối năm	344.220.722.183	6.795.402.013.795	19.250.798.476	104.583.428.367	7.263.456.962.821					

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 10.246 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 6.295 tỷ VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 25 và 26, Tổng Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.319 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 1.669 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy tính		Giấy phép kinh doanh viễn thông		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ								
Số dư đầu năm	2.715.039.785	1.247.960.847.461	3.363.031.382.228	4.613.707.269.474				
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	(708.139.036)	(19.352.654.854)	3.153.956.302	(16.906.837.588)				
Tăng trong năm	254.905.656	231.505.495.567	593.570.728.468	825.331.129.691				
Số dư cuối năm	2.261.806.405	1.460.113.688.174	3.959.756.066.998	5.422.131.561.577				
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ								
Số dư đầu năm	-	817.888.585.862	899.370.201.751	1.717.258.787.613				
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	-	(22.544.504.511)	(21.110.143.251)	(43.654.647.762)				
Khấu hao trong năm	-	158.256.484.784	254.934.542.099	413.191.026.883				
Phân loại lại	-	1.337.610.649	(1.337.610.649)	-				
Số dư cuối năm	-	954.938.176.784	1.131.856.989.950	2.086.795.166.734				
GIÁ TRỊ CÒN LẠI								
Tại ngày đầu năm	2.715.039.785	430.072.261.599	2.463.661.180.477	2.896.448.481.861				
Tại ngày cuối năm	2.261.806.405	505.175.511.390	2.827.899.077.048	3.335.336.394.843				

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 625 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 khoảng 418 tỷ VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 25 và 26, Tổng Công ty đã thế chấp tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 584 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 659 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn				
- Mua sắm	7.270.183.353	206.800.000		
- Xây dựng cơ bản (i)	963.237.062.417	470.167.131.390		
	970.507.245.770	470.373.931.390		
(i) Trong đó:				
Nhà trạm	824.473.407.065	422.427.229.054		
Tuyến cáp	138.251.646.916	41.459.592.949		
Khác	512.008.436	6.280.309.387		

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	4.551.906.064.307	4.551.906.064.307
Phần lợi nhuận lũy kế phát sinh sau ngày đầu tư	2.738.831.332.400	2.458.508.821.102
Cổ tức công bố	(5.994.536.453.065)	(5.596.410.491.794)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	(666.870.366.394)	(571.644.083.836)
	629.330.577.248	842.360.309.779
<i>Trong đó:</i>		
- Đầu tư vào Công ty Star Telecom Co., Ltd ("STL")	505.553.430.150	723.034.034.883
- Đầu tư vào Công ty Metcom Co., Ltd ("Metcom")	123.777.147.098	119.326.274.896
- Đầu tư vào Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd ("Mytel") (i)	-	-
	629.330.577.248	842.360.309.779

(i) Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào Mytel được ghi nhận bằng 0 VND chủ yếu do ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá dẫn đến âm vốn chủ sở hữu của Mytel tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0% - 30%	0% - 30%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	884.918.778.873	1.093.181.214.227
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(224.839.341.769)	(187.350.524.291)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	660.079.437.104	905.830.689.936

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0% - 30%	0% - 30%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	1.857.726.450.324	1.367.179.263.602
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(224.839.341.769)	(187.350.524.291)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.632.887.108.555	1.179.828.739.311

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Chi phí tạm thời chưa được khấu trừ VND	Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tổng cộng VND
Tại ngày đầu năm trước	801.941.409.971	327.470.333.448	(164.890.541.875)	964.521.201.544
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	(17.289.037.700)	13.680.878.110	-	(3.608.159.590)
Tăng trong năm	309.670.293.517	64.775.396.223	-	374.445.689.740
Hoàn nhập trong năm	(380.384.514.322)	(26.683.545.020)	-	(407.068.059.342)
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	(22.459.982.416)	(22.459.982.416)
Tại ngày đầu năm nay	713.938.151.466	379.243.062.761	(187.350.524.291)	905.830.689.936
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	4.274.596.840	7.522.887.838	-	11.797.484.678
Tăng trong năm	388.371.780.964	15.414.856.959	-	403.786.637.923
Hoàn nhập trong năm	(361.818.870.764)	(262.027.687.191)	-	(623.846.557.955)
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	(37.488.817.478)	(37.488.817.478)
Tại ngày cuối năm nay	744.765.658.506	140.153.120.367	(224.839.341.769)	660.079.437.104

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Thu nhập từ hoạt động ở nước ngoài	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Các khoản dự phòng	Chênh lệch chi phí khấu hao	Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Tổng cộng	
						VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	97.156.828.318	186.344.912.626	328.521.081.685	147.266.873.786	(164.890.541.875)	594.399.154.540	
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	476.635.430	-	572.288.451	(2.333.844.370)	-	(1.284.920.489)	
Tăng trong năm	72.464.587.645	286.584.216.458	305.783.969.413	34.685.447.568	-	699.518.221.084	
Hoàn nhập trong năm	(29.663.511.024)	(54.074.557.094)	(6.605.665.290)	-	-	(90.343.733.408)	
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	(22.459.982.416)	(22.459.982.416)	
Tại ngày đầu năm nay	140.434.540.369	418.854.571.990	628.271.674.259	179.618.476.984	(187.350.524.291)	1.179.828.739.311	
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	-	-	327.563.264	308.400.198	-	635.963.462	
Tăng trong năm	102.264.179.861	118.022.824.245	299.060.921.576	65.450.291.574	-	584.798.217.256	
Hoàn nhập trong năm	(35.735.528.851)	(59.151.465.145)	-	-	-	(94.886.993.996)	
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	(37.488.817.478)	(37.488.817.478)	
Tại ngày cuối năm nay	206.963.191.379	477.725.931.090	927.660.159.099	245.377.168.756	(224.839.341.769)	1.632.887.108.555	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế do không chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này.

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại	
	VND
GIÁ TRỊ BAN ĐẦU	
Số dư đầu năm	531.532.221.941
Số dư cuối năm	531.532.221.941
HAO MÒN	
Số dư đầu năm	438.514.082.984
Phân bổ trong năm	53.153.222.261
Số dư cuối năm	491.667.305.245
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	93.018.138.957
Tại ngày cuối năm	39.864.916.696

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Giá trị	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND	Số có khả năng trả nợ	VND	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH Huawei International	833.931.202.814	833.931.202.814	632.697.092.884	632.697.092.884	
Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	364.849.243.622	364.849.243.622	217.627.812.229	217.627.812.229	
Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	204.298.272.697	204.298.272.697	231.594.116.639	231.594.116.639	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	194.429.979.055	194.429.979.055	186.868.284.872	186.868.284.872	
Tập đoàn ZTE	159.026.917.134	159.026.917.134	197.610.272.570	197.610.272.570	
Phải trả cho các đối tượng khác (i)	2.238.315.720.094	2.238.315.720.094	2.552.130.117.097	2.552.130.117.097	
	3.994.851.335.416	3.994.851.335.416	4.018.527.696.291	4.018.527.696.291	
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn					
Conatel	244.452.868.311	244.452.868.311	260.122.688.356	260.122.688.356	
Autoridade Nacional de Comunicacoes (ANC) de Timor-Leste (Cơ quan Truyền thông Quốc gia Đông Timor)	63.131.403.431	63.131.403.431	61.349.052.500	61.349.052.500	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Sản xuất thiết bị Viettel	284.826.369	284.826.369	49.474.577.073	49.474.577.073	
Phải trả cho các đối tượng khác (i)	25.910.591.593	25.910.591.593	43.932.035.623	43.932.035.623	
	333.779.689.704	333.779.689.704	414.878.353.552	414.878.353.552	
Trong đó:					
Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 40)	1.154.232.297.191	1.154.232.297.191	1.019.839.085.153	1.019.839.085.153	

(i) Số dư khoản phải trả cho các đối tượng khác (có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số dư) ở nhiều khu vực địa lý khác nhau.

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số bù trừ/ phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu										
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	9.806.562.728		152.766.496.658		153.490.165.522		1.055.095.189		11.585.326.781	
Thuế xuất, nhập khẩu	8.976.813.179		92.444.061.324		95.847.615.492		1.064.120.855		13.444.488.202	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.339.116.516		20.672.071.868		10.126.616.290		178.917.810		9.972.578.748	
Thuế thu nhập cá nhân	957.599		1.847.783.108		1.846.811.923		13.586		-	
Thuế nhà thầu	3.831.739.241		-		9.635.755.966		199.940.964		13.667.436.171	
Các loại thuế khác và các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i)	7.676.931.692		52.999.696.978		57.851.442.606		1.266.904.105		13.795.581.425	
	50.632.120.955		320.730.109.936		328.798.407.799		3.764.992.509		62.465.411.327	
b. Các khoản phải nộp										
Thuế giá trị gia tăng	165.327.056.857		2.662.729.983.128		2.633.134.903.922		4.657.971.271		199.580.107.334	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	549.862.827.223		1.233.519.931.954		1.075.665.444.989		(17.504.349.647)		690.212.964.541	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	66.164.603.321		789.033.165.279		786.870.353.055		(557.947.252)		67.769.468.293	
Thuế thu nhập cá nhân	41.096.366.623		397.235.303.319		371.619.173.767		1.292.716.634		68.005.212.809	
Thuế nhà thầu	67.305.242.070		495.413.925.765		428.993.910.668		6.161.249.489		139.886.506.656	
Các loại thuế khác và các khoản phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác (i)	85.641.699.737		410.108.677.119		443.825.184.418		(550.833.006)		51.374.359.432	
	975.397.795.831		5.988.040.986.564		5.740.108.970.819		(6.501.192.511)		1.216.828.619.065	

(i) Chủ yếu bao gồm thuế viễn thông, các khoản phạt, lãi chậm nộp và các loại thuế, phí, lệ phí và thuế khác.

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn				
Phải trả về thuế, phí viễn thông	1.922.879.575.220		1.157.030.544.407	
Trích trước chi phí hoạt động	448.750.635.348		309.765.248.192	
Chi phí thuê cột	210.417.776.390		39.498.833.557	
Chi phí cước kết nối	194.021.521.250		238.117.691.429	
Chi phí lãi vay phải trả	44.527.579.426		23.592.128.926	
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa đã bán	13.160.689.350		38.903.399.317	
Chi phí phải trả khác	468.849.870.104		302.707.802.290	
	3.302.607.647.088		2.109.615.648.118	
b. Dài hạn				
Phải trả về lương thâm niên tại Công ty Viettel (Cambodia) Pte. Ltd.	20.824.780.943		-	
	20.824.780.943		-	

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn				
Doanh thu dịch vụ trả trước chưa cung cấp cho khách hàng	2.766.329.316.449		1.983.933.162.883	
Lãi bán hàng trả chậm	20.153.600		73.779.559.493	
Tiền cho thuê trạm viễn thông	60.929.272.492		60.251.026.384	
Khác	5.371.785.982		22.076.507.396	
	2.832.650.528.523		2.140.040.256.156	
b. Dài hạn				
Bán thiết bị cho công ty liên kết	264.088.077.413		320.083.838.116	
Tiền cho thuê trạm viễn thông	345.042.776.703		365.138.522.335	
Lãi bán hàng trả chậm	-		5.064.324.097	
	609.130.854.116		690.286.684.548	

24. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả về tiền ví điện tử cho khách hàng (i)	3.398.530.623.905	2.345.006.076.168
Phải trả khoản bảo lãnh vay vốn (ii)	288.231.045.978	271.846.282.424
Phải trả cổ tức	425.001.519.591	259.065.342.663
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	41.765.121.985	40.682.700.544
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	16.667.118.842	12.516.761.915
Phải trả về các khoản đơn vị khác chi hộ	2.160.726.959	9.000.285.328
Các khoản phải trả khác	461.108.956.166	438.773.845.240
	4.633.465.113.426	3.376.891.294.282
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.998.197.188	3.563.552.229
Các khoản phải trả khác	2.934.852.939	2.295.061.553
	6.933.050.127	5.858.613.782
Trong đó:		
Phải trả khác với các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 40)	129.467.584.484	283.160.943.061

(i) Thể hiện số dư tiền ví điện tử phải trả cho khách hàng tại các Công ty E-Mola S.A, Công ty Viettel E-commerce Tanzania, Công ty Lumicash SU, Công ty Telemor Fintech Unipessoal, Lda và Công ty E-money Payment Solutions Public Limited.

(ii) Phản ánh khoản trả hộ Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (“VCR”) về khoản vay của Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L với các ngân hàng theo thông báo từ các ngân hàng nhận bảo lãnh. Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hộ các khoản vay này theo điều khoản thỏa thuận trong các thư bảo lãnh vay với các ngân hàng trong trường hợp Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L không trả được nợ cho ngân hàng. Theo các cam kết bảo lãnh của Tổng Công ty đã phát hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm trả cho các ngân hàng theo các thông báo của các ngân hàng khi VCR không thanh toán các gốc vay khi đến hạn. Giá trị bảo lãnh Tổng Công ty sẽ trả tối đa 70% toàn bộ giá trị mà VCR nợ các ngân hàng (bao gồm gốc vay, lãi vay và các khoản phí VCR phát sinh trong hợp đồng vay). Theo đó, đối với các khoản lãi vay và các khoản phí VCR phát sinh chưa thanh toán, nghĩa vụ của Tổng Công ty có thể phát sinh tùy thuộc theo các thông báo tiếp theo (nếu có) của các ngân hàng.

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu năm/ Số có khả năng thanh toán	Số cuối năm/ Số có khả năng thanh toán	Tăng	Thanh toán	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm/ Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.108.773.199.218	3.513.700.153.886	(4.679.818.992.182)	47.061.446.476	989.715.807.398	
Nợ dài hạn đến hạn trả em Thuyết minh số 26)	1.560.183.104.760	813.152.166.995	(1.514.198.442.334)	21.665.606.982	880.802.436.403	
	3.668.956.303.978				1.870.518.243.801	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản vay ngắn hạn bằng USD có lãi suất từ 2,8%/năm đến 11%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1,8%/năm đến 7,5%/năm); các khoản vay bằng MZN có lãi suất từ 19%/năm đến 23,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 15%/năm đến 20,8%/năm); các khoản vay bằng VND có lãi suất từ 3,4%/năm đến 3,6%/năm với thời hạn các khoản vay không quá 12 tháng.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng:

Ngân hàng	Công ty vay	Loại tiền vay	Số cuối năm		Số đầu năm		Tài sản thế chấp
			VND	VND	VND	VND	
Ngân hàng Standard Chartered Tanzania	VTZ	USD	185.274.866.434	475.484.990.195	Thư bảo lãnh của VTG		
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	Tổng Công ty	VND và USD	120.048.863.101	81.057.839.163	Tín chấp		
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tổng Công ty	VND	116.595.429.236	-	Tín chấp		
Millennium Bim Bank	Movitel	MZN	112.954.669.648	-	Trạm BTS		
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon - Chi nhánh Hà Nội	Tổng Công ty	VND	108.611.008.387	-	Tín chấp		
BCI - Banco Comercial E De Investimentos S.A.	Movitel	MZN	88.844.634.108	123.932.637.571	Trạm BTS		
STANDARD BANK S.A.	Movitel	MZN	74.745.376.956	72.481.815.307	Tín chấp		
MOZA BANCO BANK	Movitel	MZN	69.539.199.213	-	Trạm BTS		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1	Tổng Công ty	USD	34.645.113.000	-	Tín chấp		
Nedbank Mozambique S.A.	Movitel	MZN	31.290.689.668	69.343.081.554	Tín chấp		
First Capital Bank S.A.	Movitel	MZN	24.358.369.763	-	Tín chấp		
BCB Bank	VTB	USD	16.702.337.884	-	Tiền gửi ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Hải Việt Nam	Tổng Công ty	VND	6.105.250.000	-	Tín chấp		
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Phnom Penh, Campuchia	VTC	USD	-	950.000.000.000	Tín chấp		
Access Bank Mozambique S.A.	Movitel	MZN	-	69.190.036.389	Tín chấp		
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	Tổng Công ty	USD	-	253.296.977.229	Tín chấp		
United Bank for Africa Mozambique S.A.	Movitel	MZN	-	13.985.821.810	Tín chấp		
			989.715.807.398	2.108.773.199.218			
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 26)							
			880.802.436.403	1.560.183.104.760			
Tổng cộng vay và nợ ngắn hạn			1.870.518.243.801	3.668.956.303.978			

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu năm/ Số có khả năng thanh toán		Tăng	Thanh toán	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm/ Số có khả năng thanh toán	
	VND	VND				VND	VND
Vay dài hạn	3.849.006.762.337	1.026.192.039.537	(2.956.774.166.495)	32.979.710.397	1.951.404.345.776		
Trong đó:							
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 25)	1.560.183.104.760				880.802.436.403		
Số phải trả sau 12 tháng	2.288.823.657.577				1.070.601.909.373		

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản vay ngắn hạn dài hạn bằng USD có lãi suất từ 3,1%/năm đến 9,32%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3,1%/năm đến 8,53%/năm) với thời hạn không quá 84 tháng; các khoản vay bằng MZN có lãi suất từ 19,7%/năm đến 23,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 18,08%/năm đến 21,1%/năm) với thời hạn không quá 60 tháng.

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo ngân hàng:

Ngân hàng	Công ty vay	Loại tiền vay	Số cuối năm	Số đầu năm	Tài sản thế chấp
			VND	VND	
Vietinbank Deutsche	VTZ	USD	635.887.983.707	603.934.391.544	Thư bảo lãnh của VTG
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tổng Công ty, VTZ và VTL	USD	508.710.386.965	85.711.667.669	Thư bảo lãnh của VTG
Kasikorn Bank	VTC	USD	244.400.000.000	356.249.999.953	Tín chấp
Access Bank Mozambique S.A.	Movitel	MZN	125.830.220.018	-	Trạm BTS
Standard Charter S.A.	Movitel	MZN	109.003.674.727	-	Tín chấp
Millennium Bim Bank	Movitel	MZN	99.691.405.089	-	Trạm BTS
MOZA BANCO BANK	Movitel	MZN	82.805.475.729	65.383.766.524	Trạm BTS
Ngân hàng KCB Bank Kenya	VTB	USD	57.794.199.037	80.586.244.224	Tiền gửi ngân hàng
SPI - Mozambique	Movitel	USD	30.762.587.045	29.894.362.102	Tín chấp
BANCO UNICO S.A.	Movitel	MZN	29.320.793.058	42.700.721.995	Máy móc, thiết bị tại Movitel
NMB Bank Plc.	VTZ	USD	27.197.620.401	52.062.655.822	Thư bảo lãnh của VTG
Maybank Investment Bank Berhad	Tổng Công ty	USD	-	1.989.992.664.000	
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Phnom Penh, Campuchia	VTC	USD	-	332.500.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Tổng Công ty Sở giao dịch 1	Tổng Công ty	USD	-	164.941.613.581	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Tổng Công ty	USD	-	45.048.674.923	
			1.951.404.345.776	3.849.006.762.337	

Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)

880.802.436.403 1.560.183.104.760

Số vay dài hạn phải trả sau 12 tháng

1.070.601.909.373 2.288.823.657.577

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	880.802.436.403	1.560.183.104.760
Trong năm thứ hai	565.329.406.950	990.453.066.401
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	476.915.987.780	1.298.370.591.176
Sau năm năm	28.356.514.643	-
	1.951.404.345.776	3.849.006.762.337
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	880.802.436.403	1.560.183.104.760
Số phải trả sau 12 tháng	1.070.601.909.373	2.288.823.657.577

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lỗi lũy kế	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	30.438.112.000.000	3.345.855.411.253	9.775.164.167	(156.314.695.537)	(4.679.650.762.862)	(323.285.420.098)	28.634.491.696.923
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	834.067.066.224	706.628.334.903	1.540.695.401.127
Trích quỹ đầu tư phát triển tại công ty mẹ	-	96.998.425.964	-	-	(96.998.425.964)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại công ty mẹ	-	-	-	-	(33.406.009.970)	-	(33.406.009.970)
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	-	(308.169.399.458)	(308.169.399.458)
Trích lập các quỹ tại công ty con, công ty liên kết	-	53.089.057.904	-	-	(53.089.057.904)	-	-
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động ở nước ngoài	-	-	-	(657.070.906.700)	59.173.719.911	(127.221.409.300)	(725.118.596.089)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	270.346.294	(270.346.294)	-
Tại ngày đầu năm nay	30.438.112.000.000	3.495.942.895.121	9.775.164.167	(813.385.602.237)	(3.969.633.124.271)	(52.318.240.247)	29.108.493.092.533
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	622.523.083.469	1.024.621.489.489	1.647.144.572.958
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	-	(492.849.887.335)	(492.849.887.335)
Trích lập các quỹ tại công ty con, công ty liên kết	-	52.168.481.545	982.806.350	-	(57.468.295.895)	-	(4.317.008.000)
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động ở nước ngoài	-	-	-	220.236.974.599	27.235.757.362	11.081.752.182	258.554.484.143
Tại ngày cuối năm nay	30.438.112.000.000	3.548.111.376.666	10.757.970.517	(593.148.627.638)	(3.377.342.579.335)	490.535.114.089	30.517.025.254.299

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	3.043.811.200	3.043.811.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông	3.043.811.200	3.043.811.200

(i) Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	39.945.543,17	78.593.084,56
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	142.922,37	72.345,50
Haitian Gourde	HTG	1.629.422.943,63	2.644.704.812,28
Mozambique New Metical	MZN	5.444.697.981,05	2.313.383.143,38
Cambodian Riel	KHR	37.531.840.855,04	74.775.148.734,02
Burundi Franc	BIF	312.917.191.284,00	233.190.794.121,00
Tanzania Shilling	TZS	104.570.599.155,15	152.453.569.771,52
Baht Thailand	THB	2.896.975,93	4.656.732,93

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

	Thị trường Châu Phi VND		Thị trường Châu Mỹ La-tinh VND		Thị trường Đông Nam Á VND		Điều chỉnh hợp nhất VND		Hợp nhất VND	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh										
hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023										
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	12.933.108.420.286	3.125.776.577.733	12.153.273.824.761	-	-	-	-	-	-	28.212.158.822.780
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	75.559.014.587	-	1.542.383.940.508	(1.617.942.955.095)	-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần theo bộ phận	13.008.667.434.873	3.125.776.577.733	13.695.657.765.269	(1.617.942.955.095)	28.212.158.822.780					
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	(302.129.241.129)	907.357.678.956	1.093.449.641.599	(51.533.506.468)	1.647.144.572.958					
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023										
Tài sản của bộ phận	16.788.946.079.909	2.769.766.467.687	45.050.903.089.344	(12.774.538.068.609)	51.835.077.568.331					
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	4.558.791.471.732	(3.929.460.894.484)	629.330.577.248					
Tổng Tài sản	16.788.946.079.909	2.769.766.467.687	49.609.694.561.076	(16.703.998.963.093)	52.464.408.145.579					
Nợ phải trả của bộ phận	(30.013.335.263.795)	(1.741.466.470.788)	(8.764.185.866.993)	18.571.604.710.296	(21.947.382.891.280)					
Khấu hao tài sản cố định	1.472.691.673.371	307.541.834.750	1.654.916.049.518	(420.629.705.375)	3.014.519.852.264					
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022										
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	10.808.181.730.239	2.279.325.093.344	10.542.138.807.696	-	-	-	-	-	-	23.629.645.631.279
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	64.928.971.341	-	1.763.992.816.432	(1.828.921.787.773)	-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần theo bộ phận	10.873.110.701.580	2.279.325.093.344	12.306.131.624.128	(1.828.921.787.773)	23.629.645.631.279					
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	(29.765.795.795)	630.703.836.139	(3.255.870.876.730)	4.195.628.237.513	1.540.695.401.127					
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022										
Tài sản của bộ phận	15.452.760.156.917	2.233.555.429.362	48.055.005.245.414	(16.280.642.535.617)	49.460.678.296.076					
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	4.555.081.526.179	(3.712.721.216.400)	842.360.309.779					
Tổng Tài sản	15.452.760.156.917	2.233.555.429.362	52.610.086.771.593	(19.993.363.752.017)	50.303.038.605.855					
Nợ phải trả của bộ phận	(28.097.753.268.272)	(1.384.678.568.224)	(11.452.143.105.027)	19.740.029.428.201	(21.194.545.513.322)					
Khấu hao tài sản cố định	1.800.896.889.206	229.008.309.456	1.650.172.321.582	(510.063.177.971)	3.170.014.342.273					

30. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	932.156.732.225	986.963.556.999
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.280.002.090.555	22.657.588.554.487
	28.212.158.822.780	23.644.552.111.486
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(14.906.480.207)
	-	(14.906.480.207)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.212.158.822.780	23.629.645.631.279
Trong đó:		
Doanh thu với bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 40)	771.095.760.153	1.023.873.680.636

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng bán	1.408.162.196.862	1.037.605.245.270
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	12.463.853.258.671	11.700.329.547.952
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	72.149.401.301	(67.167.752.662)
	13.944.164.856.834	12.670.767.040.560

32. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.258.047.002.830	1.022.999.295.939
Chi phí nhân công	1.444.485.634.384	1.246.026.433.066
Chi phí khấu hao	3.014.519.852.264	3.170.014.342.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.713.771.718.026	8.405.947.197.216
Chi phí khác	3.610.610.985.261	3.070.068.978.423
	19.041.435.192.765	16.915.056.246.917

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.309.155.712.575	2.484.855.078.189
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.220.561.433.235	884.309.309.911
Lãi phạt chậm trả các hợp đồng mua bán hàng hóa, vật tư thiết bị	180.531.294.020	62.259.649.040
Lãi bán hàng trả chậm	-	148.302.537.128
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.231.205	472.351.348
	3.710.255.671.035	3.580.198.925.616

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.017.443.345.333	2.045.203.395.891
Chi phí lãi vay	374.730.447.367	485.633.028.227
Chi phí tài chính khác	78.362.343.480	26.507.292.277
	3.470.536.136.180	2.557.343.716.395

35. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí thuê chuyên gia	501.408.600.256	305.918.692.266
Chi phí nhân viên quản lý	873.139.182.988	683.451.420.635
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	4.510.264.347.492	4.055.840.302.620
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.744.469.745	30.509.617.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định, phân bổ lợi thế thương mại	210.032.849.369	341.791.309.022
Chi phí thuế, phí, lệ phí	445.004.863.335	416.460.897.139
Chi phí thuê nhà, văn phòng và thuê kho	133.716.615.851	119.849.998.313
Chi phí Quỹ viễn thông công ích	104.082.640.463	124.878.905.233
Chi phí khác	504.170.873.834	612.480.452.966
	7.297.564.443.333	6.691.181.595.589
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí quảng cáo, truyền thông, chi trả cho đại lý, cộng tác viên bán hàng	2.131.927.818.025	1.395.910.619.632
Chi phí nhân viên bán hàng	248.334.774.316	229.102.350.638
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	170.899.616.036	89.900.176.174
Chi phí công cụ, dụng cụ	117.691.468.158	91.778.011.999
Dịch vụ Call center thuê ngoài	102.641.796.289	82.870.073.269
Chi phí thuê kho, thuê cửa hàng	45.947.294.063	54.728.781.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	78.995.385
Chi phí khác	973.029.018.453	634.747.428.862
	3.790.471.785.340	2.579.116.437.686

36. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản được biểu, tặng	72.260.079.892	-
Thu nhập khác từ việc thực hiện các dự án cho Chính phủ	52.526.073.407	74.719.478.441
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	34.878.680.610	15.640.827.108
Thu tiền phạt, tiền bồi thường hợp đồng	4.960.196.105	5.436.065.692
Các khoản thu nhập khác	77.625.174.181	23.704.755.806
Thu nhập khác	242.250.204.195	119.501.127.047
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	9.777.989.547	8.613.823.246
Thuế nhà thầu	4.077.768.093	50.634.768.420
Các khoản chi phí khác	53.076.878.105	8.620.291.887
Chi phí khác	66.932.635.745	67.868.883.553
Lợi nhuận khác	175.317.568.450	51.632.243.494

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế hiện hành		
Chi phí thuế hiện hành phát sinh trong năm	1.254.192.003.822	696.368.508.500
Chi phí thuế chuyển lợi nhuận từ nước ngoài	268.022.277.918	135.206.663.308
	1.522.214.281.740	831.575.171.808

Thuế suất áp dụng

Công ty mẹ - Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế. Thuế suất áp dụng cho các công ty con và liên kết như sau:

Công ty	Quốc gia	Thuế suất thuế TNDN	Thuế chuyển lợi nhuận
Công ty Viettel Timor Leste Unipessoal LDA ("VTL")	Đông Timor	10%	Không áp dụng
Công ty Viettel (Cambodia) Pte. Ltd. ("VTC")	Campuchia	20%	10%
Công ty Movitel S.A. ("Movitel")	Mozambique	24%	10%
Công ty National Telecom S.A. ("Natcom")	Haiti	27,9%	20%
Công ty Viettel Burundi S.A ("VTB")	Burundi	30%	Miễn thuế
Công ty Viettel Tanzania Limited ("VTZ")	Tanzania	30%	Chưa phát sinh
Công ty Star Telecom Co., Ltd ("STL")	Lào	20%	10%
Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd ("Mytel")	Myanmar	Miễn thuế	Chưa phát sinh

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	(26.552.910.200)	70.714.220.805
Chi phí tạm thời chưa được khấu trừ	246.612.830.232	(38.091.851.203)
Thu nhập từ hoạt động đầu tư nước ngoài	66.528.651.010	42.801.076.621
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	58.871.359.100	232.509.659.364
Chênh lệch chi phí khấu hao	65.450.291.574	34.685.447.568
Dự phòng phải thu khó đòi	299.060.921.576	299.178.304.123
	709.971.143.292	641.796.857.278

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của công ty mẹ và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ (VND)	622.523.083.469	834.067.066.224
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông của Công ty mẹ (VND)	622.523.083.469	834.067.066.224
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	3.043.811.200	3.043.811.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	205	274

Tổng Công ty không ước tính số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 do Công ty mẹ không phát sinh lợi nhuận và các công ty con không có kế hoạch trích quỹ.

39. CAM KẾT BẢO LÃNH VÀ CAM KẾT ĐẦU TƯ

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có các khoản cam kết bảo lãnh vay vốn như sau:

Công ty nhận bảo lãnh	Tổ chức tín dụng cho vay	Hạn mức khoản vay	Mục đích vay	Giá trị được bảo lãnh bởi Tổng Công ty
Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (i)	Ngân hàng SGBC	9.000.000.000 F.CFA	Dự án viễn thông tại Cameroon	5.511.658.640 F.CFA
	Ngân hàng BICEC	8.500.000.000 F.CFA	Dự án viễn thông tại Cameroon	2.608.756.215 F.CFA
	Ngân hàng Ecobank	8.000.000.000 F.CFA	Dự án viễn thông tại Cameroon	1.508.230.842 F.CFA

(i) Các cam kết bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (“VCR”) sẽ đảo hạn khi VCR hoàn thành nghĩa vụ thanh toán hết công nợ khoản vay với các tổ chức tín dụng cho VCR vay.

Cam kết đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 689/BKHĐT-ĐTRNN cấp lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 2014, Tổng Công ty đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch đầu tư ra nước ngoài để thực hiện dự án xây dựng, vận hành, khai thác và kinh doanh mạng viễn thông tại nước Cộng hòa Thống nhất Tanzania. Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất ngày 17 tháng 01 năm 2017, tổng vốn đầu tư của dự án là 783 triệu USD, tổng vốn đầu tư của Tổng Công ty là 355 triệu USD, trong đó vốn góp của Tổng Công ty là 150 triệu USD, thanh toán tiền mua 100% cổ phần của Công ty TNHH Viettel Tanzania bao gồm cả thanh toán các khoản nợ được tính vào giá mua là 30 triệu USD và vốn Tổng Công ty cho vay cổ đông là 175 triệu USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã góp vốn khoảng 52,62 triệu USD (tương đương khoảng 1,18 nghìn tỷ VND) và cho vay khoảng 172,80 triệu USD (tương đương khoảng 4,04 nghìn tỷ VND) tại nước Cộng hòa Thống nhất Tanzania.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cấp lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch đầu tư ra nước ngoài để thực hiện dự án xây dựng, vận hành, khai thác và kinh doanh mạng viễn thông tại nước Cộng hòa Liên bang Myanmar. Tổng vốn đầu tư của dự án là 1.755 triệu USD, tổng vốn đầu tư của Tổng Công ty là 859,95 triệu USD chiếm 49% tổng vốn đầu tư của dự án, trong đó vốn góp của Tổng Công ty là 169,05 triệu USD, vốn Tổng Công ty cho vay cổ đông và/hoặc bảo lãnh cho vay từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước là 690,9 triệu USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã chi đầu tư khoảng 169,05 triệu USD (tương đương khoảng 3,88 nghìn tỷ VND) và cho vay khoảng 352,62 triệu USD (tương đương khoảng 8,25 nghìn tỷ VND) cho dự án tại nước Cộng hòa Liên bang Myanmar.

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Công ty mẹ
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	
Tổng Công ty Viễn thông Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Công ty Truyền Thông Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Chi nhánh Viettel Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Công ty An ninh mạng Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Công ty trong cùng Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	
Công ty Viettel Peru S.A.C (Viettel Peru S.A.C)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Viettel - CHT	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Công trình Viettel Cambodia	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Công nghệ Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty liên kết	
Công ty Star Telecom Co., Ltd. ("STL")	Công ty liên kết
Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd ("Mytel")	Công ty liên kết

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng hóa, dịch vụ	771.095.760.153	1.023.873.680.636
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	195.362.634.124	326.281.908.861
Công ty trong cùng Tập đoàn	140.329.469.634	6.070.764.724
Công ty liên kết	435.403.656.395	691.521.007.052
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.830.772.949.585	1.472.841.791.603
Công ty mẹ	373.730.000	18.536.615
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	617.290.127.535	541.439.101.993
Công ty trong cùng Tập đoàn	1.212.898.159.101	929.749.584.423
Công ty liên kết	210.932.949	1.634.568.572
Cổ tức được chia	398.125.961.270	-
Công ty liên kết	398.125.961.270	-
Lãi chậm trả và bán hàng trả chậm	180.531.294.020	210.562.186.168
Công ty liên kết	180.531.294.020	170.477.250.742
Công ty trong cùng Tập đoàn	-	40.084.935.426
Lãi cho vay	161.505.747.630	298.756.093.011
Công ty liên kết	161.505.747.630	298.756.093.011

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng Quản trị	956.800.000	800.800.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	14.929.702.843	12.759.126.533
Thù lao Ban Kiểm soát	2.839.325.821	2.047.360.182

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	3.222.503.697.163	4.769.744.499.403
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	429.922.765.657	98.476.988.112
Công ty trong cùng Tập đoàn	98.016.802.421	1.071.776.626
Công ty liên kết	2.694.564.129.085	4.670.195.734.665
Phải thu khác	3.367.076.862.960	3.555.390.254.896
Công ty mẹ	550.718.214	2.220.731.532
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	27.939.874.134	101.844.217.018
Công ty trong cùng Tập đoàn	1.160.616.108.076	1.131.558.590.031
Công ty liên kết	2.177.970.162.536	2.319.766.716.315
Phải thu về cho vay	8.494.507.235.283	8.286.464.094.195
Công ty liên kết	8.494.507.235.283	8.286.464.094.195
Trả trước người bán	32.124.151.726	15.434.075.266
Công ty mẹ	-	233.000.000
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	4.054.109.247	757.818.338
Công ty trong cùng Tập đoàn	28.070.042.479	14.443.256.928
Các khoản phải trả nhà cung cấp	1.154.232.297.191	1.019.839.085.153
Công ty mẹ	4.618.851.883	6.882.653.984
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	639.764.009.815	513.969.272.740
Công ty trong cùng Tập đoàn	501.479.727.757	498.719.976.832
Công ty liên kết	8.369.707.736	267.181.597
Các khoản phải trả khác	129.467.584.484	283.160.943.061
Công ty mẹ	5.312.561.228	11.356.580.197
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	36.381.350.067	57.171.293.450
Công ty trong cùng Tập đoàn	5.351.320.375	37.636.893.445
Công ty liên kết	82.422.352.814	176.996.175.969

41. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 1.869.077.957.886 VND (năm 2022: 1.273.031.413.145 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 370.959.042.641 VND (năm 2022: 631.481.530.465 VND), là số tiền ứng trước cho người bán liên quan đến xây dựng cơ bản. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu và tăng, giảm các khoản phải trả.



Vũ Thị Thu Trang
Người lập biểu



Trương Bạch Dương
Kế toán trưởng



Phùng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



• TỔNG CÔNG TY CP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL

Trụ sở chính
Địa chỉ: Tầng 39 - 40 Keangnam Hanoi Landmark
Tower 72, Lô E6, đường Phạm Hùng, phường Mỹ
Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Website: www.viettelglobal.vn

• ĐÔNG TIMOR

Tên công ty: Viettel Timor Leste Unipessoal LDA
Địa chỉ: CBD Plaza II - Rua Presidente - Nicolau
Lobato - Comoro, Dili, Timor Leste
Website: www.telemor.tl

• CAMPUCHIA

Tên công ty: Viettel Cambodia Pte., Ltd.
Địa chỉ: 199 Mao Tse Tung Blvd (đường 245),
SangkatToulSvayPrey 2, Khan Chamkarm
Website: www.metfone.com.kh

• HAITI

Tên công ty: Natcom S.A.
Địa chỉ: Angle Ave. Martin Luther King et rue
Fernand, Pont Morin, Port-au-Prince, Haiti
Website: www.natcom.com.ht

• LÀO

Tên công ty: Star Telecom Co., Ltd.
Địa chỉ: Nongbone road, Phonxay village, Sayset-
tha district, Vientiane Capital, Lao P.D.R
Website: www.unitel.com.la

• MOZAMBIQUE

Tên công ty: Movitel, S.A.
Địa chỉ: No 2586 Av.Ahmed Sekou Toure, Maputo,
Mozambique
Website: www.movitel.co.mz

• CAMEROON

Tên công ty: Viettel Cameroun S.A.
Địa chỉ: P.B 87 Yaounde, Cameroon
Website: www.nexttel.cm

• TANZANIA

Tên công ty: Viettel Tanzania Limited
Địa chỉ: 4th Floor, Tropical Center, New Bagamoyo
Road, P.O Box 34716, Dar Es Salaam, Tanzania
Website: <http://www.halotel.co.tz>

• BURUNDI

Tên công ty: Viettel Burundi S.A.
Địa chỉ: No 51, Boulevard de l'UPRONA, Quartier
Rohero II, Commune Rohero, Bujumbura-Mairie
Website: <http://www.lumitel.bi>

• MYANMAR

Tên công ty: Myanmar International Tele & Com-
munications (MITC)
Địa chỉ: #61-63, Zoological Garden Rd, Dagon
Township, Yangon, Myanmar

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023